

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VÕ NGỌC QUÂN

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC
CỦA J.J.ROUSSEAU

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VÕ NGỌC QUÂN

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC
CỦA J.J.ROUSSEAU

Chuyên ngành: CNDVBC&CNDVLS
Mã số: 9229001.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS.TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
2. PGS.TS. NGUYỄN QUANG HÙNG

Hà Nội – 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền và PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng. Các số liệu được nêu và sử dụng trong luận án là trung thực, đảm bảo tính khách quan và khoa học. Các tài liệu tham khảo dùng để thực hiện luận án có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng. Nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả

Võ Ngọc Quân

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, được sự giúp đỡ của nhà trường, phòng, ban, khoa Triết học, nay tôi đã hoàn thành chương trình học tập và luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn quý Thầy, Cô trong Ban Thường vụ Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, phòng Quản lý đào tạo sau đại học, khoa Triết học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi được học tập, thực hiện và hoàn thành Luận án Tiến sĩ triết học này.

Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền và PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng, những người đã trực tiếp hướng dẫn tôi nghiên cứu và học tập, hoàn thành luận án Tiến sĩ này.

Tôi vô cùng biết ơn sự động viên, khích lệ, tạo điều kiện và giúp đỡ của gia đình, bạn bè trong suốt quá trình học tập nghiên cứu và hoàn thiện luận án.

Xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả

Võ Ngọc Quân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU.....	9
1.1. Các công trình liên quan đến bối cảnh và những tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau	9
1.2. Các công trình liên quan đến những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau	14
1.3. Các công trình liên quan đến đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.....	26
1.4. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình tổng quan và những vấn đề đặt ra cho luận án	30
CHƯƠNG 2. BỐI CẢNH VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN CHO SỰ RA ĐỜI TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU	34
2.1. Bối cảnh nước Pháp thế kỷ XVIII cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.....	34
2.2. Những tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.....	42
2.3. J.J. Rousseau: cuộc đời và tác phẩm.....	57
CHƯƠNG 3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU	65
3.1. Quan niệm về con người - cơ sở và xuất phát điểm cho tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau	66
3.2. Mục tiêu giáo dục trẻ em.....	73
3.3. Đối tượng và chủ thể giáo dục là trẻ em	80
3.4. Nội dung giáo dục trẻ em	83
3.5. Phương pháp giáo dục trẻ em	101
CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ VỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM	

HIỆN NAY	117
4.1. Đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.....	117
4.2. Một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay	128
KẾT LUẬN.....	147
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN	
QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	152
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	153

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Jean Jacques Rousseau (1712 – 1778), sinh tại Geneve, là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà biện chứng lỗi lạc của triết học Khai sáng Pháp. Các tư tưởng của ông trở thành khẩu hiệu và phương châm hoạt động của giai cấp tư sản Pháp trong cách mạng (1789 – 1794). Những công trình của J.J.Rousseau về triết học, chính trị, văn học, nghệ thuật đã trở thành tài sản quý giá của nhân loại. Tuy nhiên, một trong những đóng góp quan trọng khác của J.J.Rousseau cho lịch sử tư tưởng nhân loại – đó là trong lĩnh vực tư tưởng triết học giáo dục, một trong những chủ đề căn bản trong các tác phẩm của ông, vẫn giữ được nhiều giá trị để lại cho các thế hệ sau.

Thứ nhất, việc nghiên cứu di sản tư tưởng vĩ đại của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng triết học của thời đại Khai sáng Tây Âu thế kỷ XVIII, trong đó có triết học giáo dục là quan trọng và cần thiết. Bởi vì, các tư tưởng giáo dục và các nền giáo dục trên thế giới trong thế kỷ XXI này đã và đang chịu ảnh hưởng của các di sản đó. Việc nghiên cứu này, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, giúp chúng ta hiểu rõ nền tảng của hệ thống giáo dục phương Tây, những ảnh hưởng của nó đến nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam.

Thứ hai, J.J.Rousseau xuất phát từ lý tưởng tự do, bình đẳng để đấu tranh cho sự phát triển xã hội và dành phần nhiều thời gian, sức lực của mình để viết các tác phẩm bênh vực quyền tự nhiên của con người, đặc biệt quyền tự do, bình đẳng. Với quan niệm về con người và giáo dục, J.J.Rousseau trở thành nhân tố tác động mạnh mẽ đến tư tưởng giáo dục của xã hội Pháp đương thời. Tư tưởng triết học giáo dục của ông trở thành phương tiện lý luận quan trọng hàng đầu với mong muốn cải biến xã hội hiện tồn thành xã hội tri thức có khả năng đưa loài người đạt tới xã hội thật sự nhân văn, thịnh vượng, hạnh phúc. Điểm độc đáo trong tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau so

với các nhà triết học Khai sáng Pháp khác là coi trọng việc đào tạo con người thuận theo tự nhiên để giải phóng cá nhân ra khỏi xiềng xích của văn minh, những cạm bẫy duy khoa học, duy kỹ thuật. Ông đề cao phương pháp giáo dục thực hành trải nghiệm bằng cảm nhận trực tiếp, lấy người học làm trung tâm nhằm đảm bảo sự tôn trọng quyền tự do, bình đẳng và các giá trị cơ bản của người học. Tư tưởng của ông về tự do, bình đẳng của người học như là tuyên ngôn giải phóng trẻ em. Phạm vi ảnh hưởng tư tưởng triết học giáo dục của ông không dừng lại ở nước Pháp, châu Âu, mà còn phổ biến ở nhiều nước khác trên thế giới. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau có ý nghĩa trong việc luận giải các vấn đề giáo dục đương đại.

Thứ ba, trong những thập kỷ vừa qua, nền giáo dục Việt Nam đạt được những thành tựu không thể phủ nhận, đặc biệt nếu so sánh với xuất phát điểm của chúng ta, kể từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Tuy nhiên so với các nước khác trên thế giới, nền giáo dục Việt Nam hiện nay cũng đang bộc lộ nhiều vấn đề dù chúng ta đã thực hiện nhiều cuộc cải cách giáo dục. Giáo dục Việt Nam có một vị trí quá khiêm tốn về chất lượng đào tạo trong bảng xếp hạng quốc tế, chưa đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế. Nền giáo dục Việt Nam hiện nay vẫn còn một số vấn đề như: nội dung học dàn trải, phương pháp học thụ động, quá trình giáo dục chưa thực sự đặt người học làm trung tâm, tình trạng bạo lực học đường, v.v... Trong các văn kiện trình Đại hội XII, Đảng Cộng Sản Việt Nam nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và làm rõ hơn lập trường, quan điểm, tính nhất quán về sự cần thiết phải “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” [10, tr.109]. Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay, một trong những vấn đề then chốt cần đặc biệt quan tâm chính là vấn đề triết lý giáo dục nền tảng. Những kiến giải của J.J.Rousseau về bản tính tự nhiên của con người, mục

tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục có không ít điểm còn giá trị trong quá trình xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, trong bối cảnh giao lưu hội nhập tư tưởng và toàn cầu hóa mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội hiện nay, trong điều kiện phát triển các thành tựu vĩ đại của công nghệ thông tin, đặc biệt internet với kho tư liệu khổng lồ trong các thư viện điện tử. Để xây dựng triết lý giáo dục của quốc gia, việc nghiên cứu kho tàng triết học giáo dục trên thế giới là điều cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Nhà triết học Khai sáng Pháp J.J.Rousseau có nhiều quan điểm giáo dục tiến bộ đã có ảnh hưởng lớn tới nhiều nhà giáo dục và thực tiễn giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới. Điều này không chỉ nhằm hiểu rõ nền tảng và cách thức tổ chức hoạt động giáo dục của các quốc gia phương Tây, mà còn nhằm kế thừa, phát triển các thành tựu của tư tưởng nhân loại và học hỏi kinh nghiệm trên thế giới đối với việc xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam đáp ứng được nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, chủ đề này càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa trong điều kiện hiện nay, khi vẫn tồn tại một số điểm gây tranh cãi về mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, triết học giáo dục nói chung và triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói riêng chưa được quan tâm nghiên cứu một cách có hệ thống và chưa được đánh giá ở mức xứng tầm. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách chuyên sâu đề tài trên phương diện triết học giáo dục và những ý nghĩa của nó đối với giáo dục Việt Nam hiện nay trở nên thực sự cấp thiết. Từ tất cả những lý do trên và với lòng khâm phục nhà triết học Khai sáng Pháp danh tiếng trên diễn đàn học thuật thế giới, với khát khao mong muốn tìm hiểu cho rõ ngọn ngành những đóng góp và hạn chế trong di sản triết học giáo dục của J.J.Rousseau, tác giả quyết định chọn **“Tư tưởng triết học giáo**

đục của J.J.Rousseau” làm đề tài nghiên cứu cho Luận án Tiến sỹ chuyên ngành Triết học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- *Mục đích nghiên cứu của luận án:* Phân tích, làm rõ một cách có hệ thống những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, đánh giá những đóng góp, hạn chế, từ đó chỉ ra những gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay.

- Nhằm đạt được mục đích đó, *Luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:*

+ *Thứ nhất*, phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

+ *Thứ hai*, phân tích bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo nước Pháp thế kỷ XVIII và những tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

+ *Thứ ba*, phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục.

+ *Thứ tư*, đưa ra đánh giá về những đóng góp, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và chỉ ra những gợi mở đối với nền giáo dục của Việt Nam hiện nay.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

- *Cơ sở lý luận của luận án:* Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và giáo dục; các văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới giáo dục. Ngoài ra, luận án còn kế thừa những công trình nghiên cứu chuyên biệt thuộc lĩnh vực triết học và các khoa học lân cận như: giáo dục học, tâm lý học, v.v... có liên quan đến đề tài luận án.

- *Phương pháp nghiên cứu của luận án:* Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu biện chứng duy vật trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng, trong đó có vận dụng triệt để các phương pháp: phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, so sánh, khái quát hoá, thống nhất lịch sử - logic, phương pháp văn bản học, v.v...

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Đối tượng nghiên cứu của luận án:* Luận án tập trung vào những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

- *Phạm vi nghiên cứu của luận án:* Luận án tập trung khảo cứu, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục đối với trẻ em của J.J.Rousseau chủ yếu trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* và một số tác phẩm khác như: *Julie hay nàng Heloise mới*, *Bàn về khế ước xã hội*, *Những lời bộc bạch*.

5. Đóng góp mới của luận án

- Làm rõ sự tác động của bối cảnh cũng như những ảnh hưởng của tiền đề lý luận đến sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

- Hệ thống hoá và phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

- Đánh giá những đóng góp, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, từ đó chỉ ra những gợi mở đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa của luận án

- *Ý nghĩa lý luận của luận án:* Luận án góp phần nhận thức sâu sắc thêm tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, trên cơ sở đó, giúp người nghiên cứu và học tập có những đánh giá xác thực hơn về công lao của J.J.Rousseau đối với lịch sử tư tưởng giáo dục nhân loại.

- *Ý nghĩa thực tiễn của luận án:* Luận án góp phần làm phong phú thêm khối lượng những công trình nghiên cứu về tư tưởng triết học của

J.J.Rousseau nói chung và tư tưởng giáo dục của ông nói riêng. Đồng thời, luận án có thể được dùng như một tài liệu tham khảo trong việc học tập và nghiên cứu triết học Khai sáng Pháp, cũng như khi nghiên cứu về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

7. Kết cấu của luận án

Phù hợp với mục đích và nhiệm vụ đã nêu trên, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 14 tiết.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

Để nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, trong luận án này, tác giả cần phải bắt đầu từ việc tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề để làm rõ, trong lĩnh vực này, các học giả đi trước đã đạt được những kết quả gì có thể tham khảo vào luận án, những gì vẫn đang là khoảng trống mà tác giả luận án cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung.

Xung quanh chủ đề giáo dục nói chung và tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu theo các mức độ phạm vi khác nhau. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cố gắng khảo sát những công trình trong và ngoài nước có thể hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc thực hiện luận án. Vì vậy, theo chúng tôi, để tổng quan tình hình nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau từ góc độ triết học, việc khái quát thành các nhóm là cần thiết và có thể khái quát kết quả nghiên cứu của tác giả ở một số nội dung cơ bản sau.

1.1. Các công trình liên quan đến bối cảnh và những tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Dưới đây là một số công trình nghiên cứu liên quan đến bối cảnh kinh tế - chính trị cũng như những đặc điểm về xã hội - văn hóa - con người nước Pháp và những tiền đề cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Nghiên cứu sinh kế thừa những luận điểm đó để luận chứng cho sự ra đời của triết học Khai sáng Pháp và trả lời được câu hỏi tại sao tư tưởng giáo dục ở châu Âu nói chung và của J.J.Rousseau nói riêng lại có sự phát triển và ảnh hưởng như vậy.

Chẳng hạn, cuốn *Jean Jacques Rousseau* [60] của tác giả Phùng Văn Tửu (1978) đã đi sâu phân tích cuộc đời, con người và tác phẩm của J.J.Rousseau, từ nỗi bất hạnh đầu tiên của ông ở thời thơ ấu, từ cuộc sống lao động vất vả, tha hương cầu thực cho bản thân và gia đình đến những bước

ngoặt trong sự nghiệp sáng tạo của ông. Đặc biệt, sau khi xuất bản hai cuốn sách: *Émile hay là về giáo dục* [42] và *Bàn về kế ước xã hội* [41], vì không tán đồng quan niệm về “tội tổ tông” do chủ trương con người “tính bản thiện”, sách bị cấm và lệnh truy nã được ban ra. Ông phải trốn chạy sang Thụy sĩ, rồi ba năm sau lại bị trục xuất và rút về ẩn cư nơi một đảo nhỏ. Chính những trải nghiệm cuộc sống khiến ông gần gũi và cảm thông với những người nghèo khó. Đây là một trong những điều kiện cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của ông.

Hà Nhật Thăng và Đào Thanh Âm (1998) trong cuốn *Lịch sử giáo dục thế giới* [51] đã đưa ra bức tranh khái lược bối cảnh ra đời cũng như tư tưởng giáo dục của các triết gia từ thời cổ đại đến hiện đại. Qua phân tích, các tác giả cũng đã khái quát những khía cạnh chính về điều kiện kinh tế, xã hội, đặc biệt là đã phân tích tư tưởng giáo dục trước J.J.Rousseau. Qua đó, người đọc có cái nhìn đa chiều về việc nghiên cứu triết học giáo dục trong lịch sử và những điểm giống và khác nhau trong tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau với các nhà tư tưởng trước đó. Về cơ bản, tác giả đã trình bày xen kẽ các điều kiện và tiền đề, nền tảng triết học cơ bản trong việc hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Phần 1, cuốn *Lịch sử thế giới*, tập 3 [25] của Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang (2012) đã khái quát điều kiện chính trị, văn hoá, xã hội Pháp thế kỷ XVIII. Văn hoá Pháp đã có sự biến đổi về phong tục, thị hiếu một cách rõ rệt, người ta đua nhau thay đổi kiến trúc. Thời điểm này, khoa học phát triển mạnh, trong đó, vật lý học tiến bộ hơn cả. Người Pháp còn đem những thành tựu của khoa học áp dụng thiết thực vào trong đời sống xã hội. Một xã hội mới ở Pháp đã trưởng thành và đi đầu chính là cuộc cách mạng về tư tưởng. Các tác giả cho rằng, các nhà tư tưởng ở châu Âu thế kỷ XVIII chia thành hai nhóm: nhóm triết gia và nhóm kinh tế gia. Đối với các nhà tư tưởng, mục đích của đời người là mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại, nhờ tự do bình đẳng đánh đổ áp bức, cải cách chế độ cai trị.

Bên cạnh những công trình chuyên khảo bàn về điều kiện tư tưởng Khai sáng Pháp nói chung cũng như tư tưởng của J.J.Rousseau nói riêng còn có những công trình chuyên khảo bàn về tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học Khai sáng Pháp. Trong công trình *106 nhà thông thái* [49] của tác giả Taranóp.P.S, đã được Đỗ Minh Hợp dịch (2012), với hơn 700 trang sách trình bày cuộc đời, số phận, học thuyết của các nhà tư tưởng trong lịch sử, trong đó có các nhà triết học Khai sáng Pháp. Tác giả đã chú ý tuyển chọn, giới thiệu và bình chú tư tưởng của họ về vai trò của triết học Khai sáng pháp và sự phê phán một số quan niệm triết học lạc hậu truyền thống. Đặc biệt, tác giả đã lược khảo vắn tắt những nét chính về cuộc đời, các sự kiện trong cuộc sống làm nên số phận, tạo nên tính cách của J.J.Rousseau, những lý thuyết khoa học và tư tưởng đặc trưng của ông qua những đoạn trích dẫn, những câu châm ngôn, lời khuyên, lời cảnh tỉnh, các nhận xét, quan điểm. Theo đó, tư tưởng của J.J.Rousseau là một trong những tư tưởng căn bản trong trào lưu triết học Khai sáng Pháp, để lại nhiều giá trị đối với tư tưởng của nhân loại.

Vũ Dương Ninh (chủ biên), (2013) trong chương 7 của cuốn *Lịch sử văn minh thế giới* [38] đã phân tích những điều kiện và tiền đề hình thành nền văn minh công nghiệp ở Tây Âu. Các nhà thám hiểm bằng các chuyến đi thực tế đầy dũng cảm của mình đã chứng minh cho giả thuyết trái đất hình cầu và cung cấp cho các nhà khoa học nhiều hiểu biết mới về địa lý, thiên văn, hàng hải, sinh vật học. Sự phát triển của khoa học là một trong những điều kiện quan trọng dẫn đến các cuộc cách mạng ở châu Âu, trong đó có cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789). Với thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản Pháp, công nghiệp đã có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Lịch sử Pháp đã bước sang một giai đoạn văn minh mới.

Bài viết *Rousseau: đa tài, đa nạn, đa đoan* [46] Bùi Văn Nam Sơn (2013) đã tóm lược cuộc đời của J.J.Rousseau ngay từ nhỏ đã gặp nhiều bất hạnh. Ông phải trải qua một tuổi trẻ phiêu bạt, mà những phút giây yên ổn,

hạnh phúc là ngoại lệ. Làm đủ thứ việc (khoa học, xã hội, nghệ thuật), nhưng chủ yếu bằng nghề chép nhạc. Ông cũng có quan hệ với nhiều phụ nữ, cha của năm đứa con, đều gửi hết vào trại mồ côi. Việc làm này gây tổn hại lớn đến thanh danh “nhà giáo dục” của ông, nhất là từ sự công kích của Voltaire. Ông cũng tỏ ra rất đau khổ và nhiều lần biện bạch: cuộc sống quá bấp bênh, không có lối thoát, khó có điều kiện nuôi dạy con cái đàng hoàng. Ông cũng từng phải trốn lệnh truy nã vì xuất bản một số cuốn sách đi ngược với tinh thần của chế độ lúc bấy giờ. Tuy nhiên, chính cuộc đời đầy sóng gió đã giúp cho J.J.Rousseau có cái nhìn sâu sắc về các vấn đề trong cuộc sống để giúp ông có nhiều sáng tạo trong sự nghiệp của mình.

Lê Tuấn Huy (2015), trong luận án *Tư tưởng chính trị Montesquier trong tác phẩm tinh thần pháp luật và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* [20] đã phân tích về điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá ở nước Pháp thế kỷ XVIII. Đây là những điều kiện khách quan cho sự ra đời triết học Khai sáng Pháp, trong đó có triết học giáo dục. Về cơ bản, con người có quyền được tự do, bình đẳng và là một trong những vấn đề nổi bật của các nhà Khai sáng Pháp. Theo ông, tự do cá nhân là quyền thiêng liêng, cao quý nhất, là cơ sở cho các quyền khác và quyền tự do luôn gắn liền với quyền bình đẳng. Bình đẳng chính là sự thừa nhận về nguyên tắc mỗi người xứng đáng được hưởng những gì thuộc về họ. Bình đẳng và tự do vừa là khát vọng mà con người hướng tới, đồng thời là thước đo phẩm giá con người. Hơn nữa, trong công trình này, tác giả cũng chỉ ra một số điểm tương đồng và sự kế thừa lẫn nhau trong quan điểm về quyền tự nhiên con người của Montesquier, J.J.Rousseau, Voltaire, v.v... Điều này thể hiện, tư tưởng về con người của J.J.Rousseau không chỉ là sự sáng tạo của ông mà còn là sự kế thừa lẫn nhau giữa các quan điểm về con người của các nhà tư tưởng trong triết học Khai sáng Pháp.

Ngoài ra, liên quan trực tiếp đến tư liệu này, phải kể đến một số tài liệu bằng tiếng nước ngoài như: cuốn *Đại cách mạng Pháp: 1789 – 1793* (Great French Revolution: 1789 - 1793) [70] của tác giả Kropotkin.P.A (1893). Sau khi phân tích bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội nước Pháp trước cách mạng năm 1789, tác giả đã cho rằng, những nguyên nhân chủ yếu làm cho cách mạng không tránh khỏi: mâu thuẫn sâu sắc giữa chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản đã hình thành trong lòng chế độ ấy. Quan hệ mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp có đặc quyền, đã tạo thành yếu tố quyết định trong cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến. Tác giả cuốn sách còn tập trung vào sự chuẩn bị tư tưởng cho sự ra đời của thế kỷ Ánh sáng với các nhà tư tưởng Pháp như: Montesquieu, Voltair, Diderot và các nhà tham gia biên soạn Bách khoa toàn thư khác.

Trong cuốn sách *Triết học giáo dục trong triết học Khai sáng Pháp* (Educational philosophy in the French Enlightenment) [66] của tác giả Gill.N (2013) cho rằng, vấn đề giáo dục là một trong những vấn đề cơ bản trong triết học Khai sáng Pháp. Tại sao lại có triết học Khai sáng Pháp và triết học giáo dục Khai sáng. Tác giả nêu rõ triết học Khai sáng, trong đó có giáo dục Khai sáng ra đời trong bối cảnh nào và tư tưởng giáo dục ảnh hưởng sâu sắc bởi các tư tưởng triết học, đặc biệt là quyền con người trong trào lưu Khai sáng Pháp. Những tiền đề tư tưởng trong chính triết học Khai sáng Pháp có ảnh hưởng sâu đậm và là cơ sở quan trọng tạo nên tinh thần trong triết học giáo dục thời kỳ này.

Như vậy, các công trình nghiên cứu kể trên đã mang đến một bức tranh tổng quan và trình bày các phân tích khác nhau liên quan đến bối cảnh kinh tế - xã hội - văn hoá châu Âu nói chung và nước Pháp nói riêng trong thế kỷ XVIII, đến quan điểm giáo dục của các nhà tư tưởng trước J.J.Rousseau và một số nhà Khai sáng khác với tư cách là những tiền đề cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Một số công trình trên đã đề cập đến cuộc đời và sự nghiệp của J.J.Roussau. Tuy nhiên, do mục đích nghiên

cứu của mình, các công trình này chỉ đề cập ít nhiều đến các khía cạnh khác nhau, chưa phân tích một cách hệ thống bối cảnh và tiền đề cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Nhưng các tư liệu trên là quan trọng và hữu ích cho luận án.

1.2. Các công trình liên quan đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

1.2.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan gián tiếp đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Tư tưởng về chính trị, xã hội là một trong những tư tưởng nổi bật của J.J.Rousseau, có ý nghĩa lớn lao đối với cách mạng tư sản Pháp cũng như nước Pháp sau này. Việc tổng quan một số công trình liên quan đến tư tưởng chính trị, xã hội của J.J.Rousseau, đặc biệt các tư tưởng về ý chí chung, chủ quyền tối cao và quyền tự nhiên, tự do, bình đẳng của con người vốn được xem như là một trong những nhân tố quan trọng hình thành nên tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Bởi vì, con người sinh ra có quyền tự do, bình đẳng và giáo dục là vì con người, nên giáo dục phải được xuất phát từ chính những tư tưởng về tự do và bình đẳng đó. Dưới đây là một số công trình tiêu biểu đã nghiên cứu về chủ đề này.

Cuốn *Đại cương lịch sử triết học phương Tây* [18] của tác giả Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh (2006), đã trình bày một cách vắn tắt về cuộc đời, sự nghiệp và học thuyết chính trị của J.J.Rousseau. Cuốn *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới* [50] là công trình do nhiều học giả nổi tiếng của Liên Bang Nga biên soạn được đông đảo độc giả trong và ngoài nước đánh giá cao, đã được dịch sang tiếng Việt bởi dịch giả Lưu Kiếm Thanh và Phạm Hồng Thái (2001). Đây là cuốn sách đã giới thiệu khái quát lịch sử và nội dung cơ bản nhất các học thuyết chính trị của nhân loại từ cổ đại đến hiện đại, trong đó tư tưởng chính trị của J.J.Rousseau cũng đã được nêu lên một cách khái quát.

Bài viết “Jacques Rousseau (1712 - 1778) - Nhà triết học Khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh” [24] của Nguyễn Thị Bích Lệ (2008) đã phân tích quan điểm của J.J.Rousseau về nguồn gốc của sự bất bình đẳng trong xã hội là ở chế độ tư hữu tài sản. Với khẳng định này, ông kịch liệt phản đối chế độ tư hữu tài sản và lên án mạnh mẽ những kẻ quyền thế đã ra sức bênh vực và biện minh cho sự bất bình đẳng đó. Theo ông, bất bình đẳng không phải là một quy luật tự nhiên, mà là sản phẩm của xã hội loài người; nó tồn tại và phát triển từ khi xuất hiện chế độ tư hữu tài sản; rằng con người đã tạo ra sự bất bình đẳng thì con người cũng có thể xóa bỏ nó. Ông cũng đã phân biệt rõ hai loại bất bình đẳng giữa người với người. Đó là bất bình đẳng tự nhiên như người cao, kẻ thấp; người thông minh, kẻ đần độn và bất bình đẳng xã hội - bất bình đẳng do cơ chế xã hội tạo nên, như kẻ giàu, người nghèo. Và đây cũng chính là động lực để J.J.Rousseau đưa ra quan điểm mới của mình về tự do, bình đẳng của công dân.

Dương Thị Ngọc Dung (2009) trong Luận án *Triết học chính trị Jean Jacques Rousseau và ý nghĩa lịch sử của nó* [8] đã khái lược về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của triết học chính trị J.J.Rousseau. Tác giả đi sâu phân tích chương 2 với hai nội dung cơ bản của triết học chính trị J.J.Rousseau bao gồm: thứ nhất, phê phán bất bình đẳng và tha hoá con người, điểm khởi đầu của triết học chính trị J.J.Rousseau. Thứ hai, triết học chính trị của J.J.Rousseau trong *Bàn về kế ước xã hội* và *Émile hay là về giáo dục*. Tác giả đã tập trung khái lược chủ đề thống nhất quyền lực và những ý tưởng về nhà nước của dân, do dân và vì dân. Ngoài ra, tác giả đã đề xuất kiến tạo mẫu người lý tưởng, tự do, bình đẳng cho xã hội dân chủ. Đây là nền tảng triết học chính trị, con người quan trọng trong hệ thống triết học của J.J.Rousseau, và cũng là một trong những cơ sở hình thành nên tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Luận án *Triết học chính trị J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay* [28] của Nguyễn Thị Châu Loan (2014) đã phân tích một cách có hệ thống những tư tưởng cơ bản của triết học chính trị J.J.Rousseau, đặc biệt thông qua các văn bản không chỉ trong tác phẩm của ông đã dịch ra tiếng Việt như *Bàn về khế ước xã hội*, mà còn trong các tác phẩm khác của ông chưa được dịch ra tiếng Việt như *Luận về sự bất bình đẳng*, *Luận về khoa học và nghệ thuật*, *Về kinh tế chính trị*. Luận án phân tích và hệ thống hóa các tư tưởng triết học chính trị J.J.Rousseau ở cả hai phương diện: (1) Những tư tưởng nền tảng không thể thiếu của nhà nước pháp quyền như về bất bình đẳng xã hội, về con người và các quyền tự nhiên của con người, về ý chí chung, chủ quyền tối cao, khế ước xã hội; (2) Tư tưởng về nhà nước pháp quyền với tính cách là thiết chế thực hiện các quyền tự nhiên của con người, trong đó có tư tưởng về phương thức tổ chức và phân chia các quyền lực nhà nước và tư tưởng về sự phân định và kiểm soát các quyền lực nhà nước.

Đỗ Minh Hợp (2017), trong bài viết *Đôi nét về triết lý phản khai sáng của Rousseau* [19] đã giới thiệu lập trường phản Khai sáng của J.J.Rousseau nhằm cảnh tỉnh những cạm bẫy duy khoa học, duy kỹ thuật có thể xảy ra trong bối cảnh đời sống xã hội hiện nay. “Bản thân khai sáng cũng ẩn chứa những mặt trái, những hệ quả tiêu cực xét từ góc độ văn hoá” [19, tr.63]. J.J.Rousseau với tư cách đại diện tiêu biểu của thời đại Khai sáng, đã đưa ra sự luận giải sâu sắc về phương diện này của Khai sáng, đồng thời chỉ ra lối thoát khỏi nghịch lý ấy. Tác giả cũng chỉ ra, sự phát triển của khoa học công nghệ, có khuynh hướng tách rời con người ra khỏi trạng thái tự nhiên, một mặt khoa học giúp nâng cao đời sống của con người, mặt khác cũng đem lại những khổ đau, bất hạnh cho họ. Chỉ một lối thoát khỏi những tai hoạ, đau khổ của con người, đó là quay về trạng thái tự nhiên nhưng ở mức độ cao hơn. Đặc biệt, J.J.Rousseau cho rằng, để thực hiện hoá điều này cần thông

qua giáo dục, con người cần được giáo dục trong nội tại của tự nhiên để bảo tồn cái thiện chân trong mỗi con người.

Ngoài ra, một số công trình bằng tiếng Anh đã nghiên cứu về tư tưởng chính trị - xã hội của J.J.Rousseau như trong tác phẩm *Triết học chính trị Rousseau* (Rousseau's Political Philosophy) [63] của Ellenburg.S (1976). Tác giả tập trung khai thác các khía cạnh đặc thù của triết học chính trị - xã hội J.J.Rousseau liên quan đến quan niệm của ông về con người (trong đó có truyền thống tự do kế thừa từ Locke, mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội, cái tôi, tự do, bình đẳng chính trị, tự do tuyệt đối, v.v...), đến sự thống nhất và kỷ cương của cuộc sống cộng đồng (như sự chân thành, lòng tốt tự nhiên, phẩm hạnh công dân, sự giản dị, v.v...) và đến quan niệm của ông về công dân trong một nền cộng hoà thực.

Qvortrup.M (2003) trong tác phẩm *Triết học chính trị Jean Jacques Rousseau. Tính bất khả của lý tính* (The political philosophy of Jean Jacques Rousseau. Impossibility of reason) [77] lại tập trung vào tính không thể trên thực tế của nền dân chủ trực tiếp như theo chủ trương của J.J.Rousseau. Sau khi xem xét cuộc đời, sự nghiệp và thời đại của J.J.Rousseau, sự thức tỉnh mang tính chất cách mạng của ông với tư cách là người cha tinh thần của đại cách mạng tư sản Pháp, tác giả tập trung phân tích sự gắn kết ở J.J.Rousseau giữa tâm hồn cổ đại và tư tưởng hiện đại, quan niệm của ông về tôn giáo, tín ngưỡng của công dân, đặc biệt tư tưởng sâu sắc của ông về quyền tự do, bình đẳng của con người.

Như vậy, thông qua các công trình nghiên cứu của các tác giả, trong suốt những năm qua, nhiều nội dung trong tư tưởng chính trị xã hội của J.J.Rousseau đã được trình bày và phân tích, đánh giá. Trong những nội dung đó, có những nội dung đã được làm rõ, nhưng cũng còn nhiều điều trong triết học J.J.Rousseau cần được tranh luận ở góc độ thế giới quan, phương pháp luận. Hơn nữa, một số điểm trong cách tiếp cận vẫn còn mang

tính chủ quan. Vì vậy, việc giới thiệu, phân tích, đánh giá một cách xác đáng những vấn đề đặt ra từ tư tưởng triết học của J.J.Rousseau trong một thế giới mở như hiện nay là cần thiết. Đó cũng chính là một trong những cơ sở cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

1.2.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến nội dung tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Khi bàn về giáo dục, J.J.Rousseau đã đưa ra nhiều tư tưởng hết sức táo bạo so với thời đại của ông và có những tư tưởng vẫn còn đầy sức sống trong thời đại ngày nay. Ngay từ năm 1789, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau được phản ánh trong các đề án cải cách giáo dục quốc dân của Pháp và có ảnh hưởng đến nhiều nhà tư tưởng - sư phạm sau này, như J.H.Pestalozzi (Ý), Friedrich Froebell (Tiệp Khắc), John Dewey (Mỹ)...v.v. Hiện nay, ở Nhật Bản, người ta vẫn yêu cầu tất cả các giáo viên mầm non phải đọc *Émile hay là về giáo dục* trước khi bước vào nghề. Ở Việt Nam, tư tưởng của J.J.Rousseau nói chung và tư tưởng giáo dục của ông nói riêng đã được luận bàn cách ngày nay vài chục năm, nhưng các công trình nghiên cứu còn khá khiêm tốn.

Trong những thập niên gần đây, đã có một số công trình xem xét, phân tích và đánh giá tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Trần Thị Phương Hoa (2010) trong bài viết *Giáo dục châu Âu trong mối quan hệ với triết học* [17] đã giới thiệu khái quát tư tưởng của một số triết gia đại diện ở châu Âu, từ thời cổ đại đến hiện đại. Đặc biệt tác giả có trình bày quan điểm của J.J.Rousseau về giáo dục. Khác với các nhà tư tưởng giáo dục trước đó, J.J.Rousseau đã lấy trẻ em làm đối tượng cho triết lý giáo dục của mình, làm tâm điểm cho quá trình giáo dục. Đặc biệt, tác giả đã phân tích quan niệm của J.J.Rousseau về mục tiêu giáo dục, ông đề xuất một nền giáo dục hướng con người tới sự phát triển tự nhiên chứ không phải giáo dục để con người thực hiện một chức năng nhất định nào đó trong xã

hội. Nếu một cá nhân được đào tạo cho vị trí của anh ta mà ra khỏi vị trí ấy, anh ta không còn thích hợp với những việc khác. Như vậy, J.J.Rousseau đã chuyển mục tiêu giáo dục trẻ em thành một công dân thực hiện những nghĩa vụ nhất định trong xã hội sang định hướng để trẻ em phát triển tự nhiên, biết tự phòng vệ và hội nhập vào bối cảnh tự nhiên của xã hội.

Cuốn *Triết học giáo dục Việt Nam* [57] của Thái Duy Tuyên (2013) đã trình bày hết sức tóm tắt quan điểm về giáo dục của J.J.Rousseau trong tác phẩm *Émily hay là về giáo dục* với các nội dung: đối tượng giáo dục, mục tiêu giáo dục, phương pháp giáo dục. Đây chỉ là một tiết trong chương 2: Triết học giáo dục Đông – Tây của cuốn sách còn nội dung chủ yếu là quan niệm về Triết học giáo dục Việt Nam và một số vấn đề cấp thiết của giáo dục Việt Nam hiện nay. Vì vậy, nội dung triết lý giáo dục của J.J.Rousseau trong tác phẩm này vẫn chưa được tác giả làm rõ.

Bùi Minh Hiền (2013) trong cuốn *Lịch sử giáo dục thế giới* [16] đã đưa ra một bức tranh khái lược những vấn đề chung của lịch sử giáo dục thế giới. Từ những đặc điểm phát triển thực tiễn và lý luận giáo dục qua các thời kỳ phát triển đến các tư tưởng giáo dục vĩ đại của nhân loại qua các thời kỳ lịch sử, trong đó có triết lý giáo dục của J.J.Rousseau trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*. Khi nghiên cứu tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*, tác giả đã trình bày hai vấn đề là quan điểm giáo dục và mục đích giáo dục. Quan điểm giáo dục trình bày sự phê phán của J.J.Rousseau đối với hạn chế của nền giáo dục cổ truyền và đặt ra yêu cầu cần phải tìm kiếm con đường giáo dục mới : một chương trình giáo dục toàn diện. Giáo dục bao gồm những nội dung cơ bản là: giáo dục nhằm tạo ra những con người tự do; cha mẹ cần có phương pháp dạy để giải phóng mọi xiềng xích cho trẻ; giáo dục trẻ là một quá phát triển tự nhiên. Vì vậy, nhà giáo phải tìm hiểu và tôn trọng khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Về phương pháp giáo dục, hãy để trẻ học bằng kinh nghiệm; dạy học phải đảm bảo tính giáo dục; dạy

học được hướng dẫn bằng hứng thú; kiến thức phải dựa vào sự tự mình khám phá. Tuy nhiên, tác giả Bùi Minh Hiền trình bày các nội dung chỉ dưới dạng nguyên tắc cụ thể trong hoạt động giáo dục mà chưa được triển khai dưới dạng các triết lý khái quát.

Bài viết “*Rousseau – giáo dục tự nhiên là gì*” [48] của Bùi Văn Nam Sơn (2014) đã phân tích cậu bé Émile rời cha mẹ và nhà trường, cô lập với xã hội, trao vào tay một người thầy để được sống theo tự nhiên. Trước khi làm quen với kịch bản giả tưởng này, tác giả làm rõ ba ý nghĩa của từ tự nhiên khá mơ hồ nơi J.J.Rousseau và quyển *Émile hay là về giáo dục*: nghĩa xã hội là nghĩa cơ bản nhất. Giáo dục không dựa trên quy ước cố hữu của xã hội vốn đi ngược lại với tuổi thơ mà nhận thức sâu sắc bản tính đích thực của con người. Cũng như trong xã hội (Khế ước xã hội), giáo dục cũng tuân theo cùng những quy luật về bản tính tự nhiên cần được khảo cứu và phát hiện một cách có hệ thống. Nghĩa tâm lý học: phán đoán, xúc cảm, bản năng tự nhiên là cơ sở đáng tin cậy hơn cho hành động so với suy nghĩ hay kinh nghiệm với người khác. Nghĩa thể chất: giáo dục nhân tạo từ con người như trước nay cần được cân đối lại bằng sự tiếp xúc, gần gũi, thân mật, không sợ hãi với các loài động vật, thực vật, cũng như với những mãnh lực và những kỳ quan thiên nhiên phong phú. Tác giả cho rằng, J.J.Rousseau là người có tình yêu thiên nhiên vô hạn và qua quan niệm giáo dục của ông, khởi đầu cả một trào lưu yêu thích và gắn bó với thiên nhiên trong nhiều cung bậc của đời sống, nhất là trong văn chương, nghệ thuật Tây phương từ thế kỷ XVIII.

Nguyễn Đình Tường, Lê Văn Tùng (2016) trong bài viết *Vấn đề giáo dục đạo đức qua một số lý thuyết giáo dục phương Tây* [59] đã trình bày các khuynh hướng giáo dục của các nhà tư tưởng tiêu biểu trên thế giới. Thời cổ đại, quan niệm giáo dục đạo đức của Plato trong tác phẩm Cộng hoà theo đường lối triết học duy tâm. Đến thời kỳ Khai sáng Pháp, quan niệm giáo dục đạo đức của triết gia tiêu biểu là J.J.Rousseau được thể hiện trong tác

phẩm *Emily hay là về giáo dục*. Tác giả cho rằng, giáo dục của J.J.Rousseau gần với lý thuyết tự nhiên lãng mạn với ý tưởng cốt lõi là lấy trẻ em làm trung tâm của quá trình giáo dục. J.J.Rousseau bàn đến giáo dục đạo đức là tôn trọng phương diện tự nhiên của người học. Trẻ em sinh ra không phải để trở thành cái gì đó khác với những khả năng bẩm sinh của chúng, nhiệm vụ của giáo dục phải hướng dẫn trẻ phát triển theo khuynh hướng tự nhiên.

Bài viết *Nội dung cơ bản về triết lý giáo dục của J.J.Rousseau qua tác phẩm Emily hay là về giáo dục và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục của nước ta hiện nay* (2017) của Vũ Công Thương [52] đã phân tích vấn đề về mục tiêu và phương pháp giáo dục của J.J.Rousseau. Bài viết đã tập trung phân tích tầm quan trọng của việc coi đối tượng giáo dục là trẻ em. Việc xác định đối tượng đúng, giúp J.J.Rousseau đưa đến phương pháp giáo dục phù hợp. J.J.Rousseau chống lại phương pháp giáo dục giáo điều, sách vở và khuyến khích trẻ được giáo dục bằng cách tận mắt nhìn thấy và cảm nhận được những hậu quả mà trẻ gây ra để tự khắc phục và phát triển. Nhìn chung, tác giả cho rằng, triết lý giáo dục của J.J.Rousseau chứa đựng tư tưởng tiến bộ và mang đậm tính nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên, cũng không ít những mâu thuẫn và nghịch lý như bản thân cuộc đời và toàn bộ học thuyết của ông.

Ở các nước trên thế giới, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau đã được không ít các học giả quốc tế quan tâm, nghiên cứu:

Chẳng hạn từ cấp độ sách của Nhà xuất bản nước ngoài, có cuốn sách *Rousseau và Dewey: phát triển tự nhiên như mục tiêu của giáo dục* (Dewey and Rousseau: natural development as the Aim of Education) [64], của Jon Fenell (1979). Trong tác phẩm *Dân chủ và Giáo dục*, John Dewey cho rằng, J.J.Rousseau bàn đến đến bản chất con người như là một nguồn gốc của các mục tiêu giáo dục. Tác phẩm *Dewey and Rousseau: natural development as the Aim of Education* cho thấy sự phê phán của John Dewey là không đúng

bởi vì nó được viết dựa trên sự hiểu biết chưa đầy đủ về J.J.Rousseau, vì John Dewey đã không chú ý đến về vai trò cốt yếu của tự nhiên, cả về lý thuyết giáo dục và tranh biện nói chung. Về sau này, chính quan điểm giáo dục như là quá trình phát triển tự nhiên của J.J.Rousseau đã ảnh hưởng đến quan điểm giáo dục của John Dewey.

Joseph M.Knippenberg (1989) trong tác phẩm *Vượt qua sự sợ hãi: Rousseau và Kant về giáo dục thế giới* (Moving beyond fear: Rousseau and Kant on cosmopolitan education) [69] cho rằng, giáo dục có thể đóng vai trò ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Điều này đã đặt ra một câu hỏi mới về giáo dục mà các nhà giáo dục về hoà bình trước Kant dường như chưa có lập luận đầy đủ. Trong tác phẩm, Immanuel Kant đưa ra cả chẩn đoán về nguyên nhân tâm lý của chiến tranh và đề xuất đối phó chúng thông qua một chương trình giáo dục mới. Kant lập luận, tình yêu đạo đức, danh dự - nói cách khác, sự gắn bó với phẩm giá con người - là giải pháp để giải quyết vấn đề này. Giáo dục có thể phục vụ để kết nối danh dự và đạo đức. Tuy nhiên, Jean-Jacques Rousseau, người mà Emile được cho là truyền cảm hứng cho phần lớn tâm lý đạo đức của Kant, cho rằng chủ nghĩa vũ trụ thực sự khó để trở thành mục tiêu chính trị. Sự bất đồng giữa hai người bật lên cho dù đạo đức là bẩm sinh hay phải được xây dựng ở con người từ những yếu tố khác. Tuy nhiên, Kant đã kế thừa một số quan điểm về giáo dục của J.J.Rousseau như: giáo dục đạo đức, giáo dục là một quá trình lịch sử.

Bài viết *Rousseau trong di sản của giáo dục khoa học kỹ thuật* (Rousseau in the heritage of technology education) [74] của J.Pannabecker (1995) đã làm rõ phương pháp giảng dạy thuận theo tự nhiên và cách giải quyết vấn đề để xây dựng thế giới Emile. Để hiểu về giáo dục J.J.Rousseau, điều cần thiết là phải hiểu sự giả định của J.J.Rousseau về một cuộc sống tự nhiên và các giá trị phù hợp với một cuộc sống như vậy. J.J.Rousseau khi giới thiệu khoa học vào thế giới Émile, người thầy nên giới thiệu một xã hội

không phức tạp, thuần tự nhiên. J.J.Rousseau đã ủng hộ khoa học như được tìm thấy trong một ngôi làng nhỏ, nơi các thợ thủ công có tay nghề cao trong các khu vực sinh sống đó và có khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật chung của họ cho bất kỳ vấn đề nào. Tác giả cho rằng, khoa học mà J.J.Rousseau bàn đến gắn liền với tự nhiên, giáo dục khoa học cho trẻ để giúp trẻ hình thành năng lực suy nghĩ và hiểu biết về thế giới xung quanh.

Joseph R.Reisert (2003) trong chương 6, tác phẩm *Jean Jacques Rousseau: Một người bạn của đức hạnh* (Jean Jacques Rousseau: A friend of virtue) [77] đã nhận định rằng, nếu tất cả mọi người đều khôn ngoan như Socrates, giáo dục đạo đức sẽ không khó. Trong quá trình phát triển của trẻ từ thời thơ ấu đến khi trưởng thành, chúng sẽ tự khám phá những yêu cầu của lý trí. Người học có thể cảm nhận thấy những lý do thực tế lý giải cho nhiệm vụ đạo đức, người học sẽ không thể biết được hạnh phúc bền vững trong cuộc sống này là gì nếu họ không thực hiện những gì mà công lý đòi hỏi. Khi con người làm điều ác, cái chết sẽ đến với người ấy thật khủng khiếp. Chương 6 của tác phẩm này, J.J.Rousseau chủ yếu dạy đạo đức và dạy cho trẻ hiểu được ý nghĩa của cuộc sống.

Trong bài viết *Rousseau và hệ thống giáo dục hiện nay* (Rousseau and the current system of education) [76] của C.Peckover (2012) đã trình bày quan niệm của J.J.Rousseau về quyền tự nhiên, bản tính tự nhiên của con người và vị trí của con người trong tự nhiên. Theo ông, trạng thái tự nhiên có thể được hiểu thông qua hai đặc điểm cơ bản. Đặc tính đầu tiên và cơ bản nhất của tự nhiên là tự bảo tồn. Đặc tính thứ hai, là sản phẩm của đặc tính thứ nhất, là lòng trắc ẩn cho tất cả cuộc sống tình cảm. Hai đặc điểm cơ bản này là những gì J.J.Rousseau coi là tự nhiên. Nói cách khác, việc bảo tồn cuộc sống của một người và tìm cách giữ gìn cuộc sống của người khác là điều tất nhiên. Theo J.J.Rousseau, người không tự nhiên là một dạng tự ái phát sinh khi con người tương tác theo cách nhấn mạnh lợi ích cá nhân hơn

lợi ích chung. Từ khi sinh ra, con người không có khả năng tồn tại độc lập với người khác. Thực tế này cho thấy rằng, một số hình thức tương tác nhất định của con người là tự nhiên và con người có vai trò quan trọng trong giáo dục. Tuy nhiên, J.J.Rousseau lập luận rằng khi các tương tác của con người vi phạm sự tự bảo vệ và được giáo dục để hướng tới phục vụ lợi ích cho xã hội, việc giáo dục trở nên không tự nhiên.

M.Shahsavari (2012) trong bài viết *Đánh giá quan điểm của Jean Jacques Rousseau về nền tảng giáo dục* (Evaluation of Jean Jacques Rousseau view about foundation of education) [80] đã đánh giá rằng, phương pháp giáo dục theo ý tưởng của J.J.Rousseau nên được đề xuất theo sở thích và mức độ phát triển của trẻ em. Theo đó nền giáo dục phòng vệ là phương pháp giáo dục tốt nhất. Bởi vì, nó sẽ ngăn ngừa những ảnh hưởng xấu từ xã hội đối với trẻ em. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng, nền giáo dục phòng vệ sẽ giúp cho việc rèn luyện đạo đức của trẻ và tránh được những cám dỗ cũng như ảnh hưởng xấu tới chúng sau này. Ngoài ra, tác giả cũng phân tích J.J.Rousseau đã đề xuất giáo dục liên quan đến động cơ và lợi ích của trẻ em và đưa ra một số nguyên tắc giáo dục trẻ. Tất cả các quy tắc xuất phát từ lợi ích của trẻ em. 1, Nhu cầu của trẻ phải phù hợp với khả năng của nó. 2, Người dạy nên thuận theo khả năng của trẻ. 3, Trẻ em quan tâm đến giáo dục thực hành nên giáo dục được đặt vào tất cả các hoạt động. 4, Tự do có nghĩa là mọi người sẽ hành động phù hợp với khả năng và lợi ích. Theo tác giả, J.J.Rousseau giáo dục trẻ trên cơ sở bốn nguyên tắc trên. Đảm bảo được những nguyên tắc này sẽ thấy được điểm độc đáo trong triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Bài viết *J.J.Rousseau, Émile và giáo dục tôn giáo* (J.J.Rousseau, Emile and religious education) [73] của M.Onder (2018) đã phân tích quan điểm về giáo dục tôn giáo và đạo đức của J.J.Rousseau. Bản chất của giáo dục J.J.Rousseau là tôn giáo. Tuy nhiên, tôn giáo này không dựa trên các văn bản

thiên nhiên cơ bản. Tự nhiên là tôn giáo, J.J.Rousseau đã khuyên trẻ em không nên học về tôn giáo và đạo đức cho đến một độ tuổi nhất định. Trẻ em nên học tôn giáo và đạo đức khi họ đạt đến độ tuổi thích hợp và xem xét nguyện vọng theo tôn giáo riêng của trẻ. Đối với J.J.Rousseau, trẻ em có thể nhận thức hành vi của những người mà chúng chọn làm hình mẫu lý tưởng nên những người theo tôn giáo phải làm gương cho trẻ. Theo J.J.Rousseau, cần sử dụng một ngôn ngữ đơn giản và dễ hiểu cho trẻ em để thể hiện tôn giáo và giá trị của chúng. Gia đình, xã hội và nhà nước có nghĩa vụ giáo dục trẻ em ở trạng thái tự nhiên, tôn trọng sự lựa chọn của chúng.

L.Yawei (2019) trong bài viết *Nghiên cứu giáo dục tự nhiên của Jean Jacques Rousseau* (Exploring Jean Jacques Rousseau's nature education) [83] đã nhấn mạnh vào giáo dục tự nhiên của J.J.Rousseau và đánh giá những ý tưởng giáo dục của ông dựa trên việc phê phán hệ thống giáo dục phong kiến. Xuất phát từ quan điểm con người tự nhiên, J.J.Rousseau nghĩ rằng con người sinh ra tự do và bình đẳng, chỉ trích sự bất bình đẳng của xã hội thời đó và ủng hộ một xã hội tự do và bình đẳng. Ông tin rằng con người trong xã hội lý tưởng phải được rèn luyện thông qua giáo dục. Trong công việc giáo dục Émile, J.J.Rousseau đã hệ thống hóa mục đích, quy trình và phương pháp giáo dục tự nhiên. Mặc dù tư tưởng giáo dục của ông có giới hạn nhất định và màu sắc triệt để mang tính cách mạng, nhưng nó đã đóng một vai trò quan trọng trong việc phá vỡ ý tưởng cũ và khai sáng tư tưởng mới.

Nhìn chung, qua các công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và ngoài nước, đã phần nào phác họa những quan điểm, tư tưởng triết học giáo dục cơ bản của J.J.Rousseau. Tuy nhiên, các tác giả của những công trình đó, hoặc mới chỉ dừng lại ở việc dịch tác phẩm giáo dục, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau sang tiếng Việt, hoặc mới chỉ đề cập đến một số quan điểm giáo dục hết sức cơ bản của ông, trong khi đó còn nhiều tư tưởng giáo dục đặc sắc khác của J.J.Rousseau vẫn chưa được luận bàn.

1.3. Các công trình liên quan đến đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Dưới đây là một số công trình nghiên cứu, đánh giá về những giá trị, hạn chế và ý nghĩa hiện thời của tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau. Tác giả kế thừa những luận điểm đó để làm rõ hơn những giá trị, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của ông, từ đó, đề xuất một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam.

Lịch sử giáo dục học thế giới [23], Nguyễn Lâm (1958) đã luận bàn và đưa ra những nhận định, đánh giá sâu sắc về tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Tác giả cho rằng, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau có nhiều điểm mới lạ và tiến bộ so với thời đại của ông. Đặc biệt, phương pháp giáo dục của ông đề cao tính khác biệt của người học. Đây là tư tưởng thể hiện việc tôn trọng quyền và giá trị của con người và đặt người học vào trung tâm của giáo dục. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, tư tưởng giáo dục J.J.Rousseau tất yếu còn một số hạn chế. Mặc dù còn thiếu sót, nhưng những kiến giải của J.J.Rousseau về giáo dục cũng đã có ảnh hưởng rất sâu sắc đến các nhà giáo dục trong thời kỳ Cách mạng tư sản Pháp.

Nguyễn Mạnh Tường (1994) trong cuốn *Lý luận giáo dục Châu Âu* [59] đã đánh giá những tiên bộ ông đạt được trong quan điểm mới về đối tượng, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục trẻ. Tác giả cho rằng, J.J.Rousseau đã luận giải thành công trong việc coi đối tượng giáo dục là trẻ em, không phải người lớn. Khi xác định đúng được đối tượng giáo dục mới có thể tìm ra những phương pháp phù hợp với người học. Tác giả cũng cho rằng, J.J.Rousseau đã thành công trong phương pháp quan sát để giáo dục trẻ, trẻ phải quan sát tự nhiên, cuộc sống, từ đó mới hiểu được bản chất của sự việc và tìm cách giải quyết vấn đề. Ngoài ra, tác giả cũng đánh giá cao công lao của J.J.Rousseau đã tạo nguồn cảm hứng cho người học khi sử dụng lý trí và óc xét đoán, những lợi ích mà trẻ đạt được, cũng như việc học tập phải

đi liền với thực tế. Nhìn chung, những đánh giá của Nguyễn Mạnh Tường vẫn giữ nguyên được những giá trị mà luận án có thể tiếp tục phân tích và luận giải.

Bài viết *Giáo dục tự nhiên: ưu và khuyết* [47] của Bùi Văn Nam Sơn (2014) cho rằng, giáo dục khai minh không phải là hoài cổ hay bảo thủ. Trái lại, nó có tính tiến bộ: cần phải phát hiện những quy luật tự nhiên, tức phát hiện logic của sự phát triển và tăng trưởng để có thể áp dụng vào nhiều lĩnh vực của đời sống cá nhân và cộng đồng. Tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau hoàn toàn có thể mang tính khoa học, nếu được triển khai theo hướng mô tả và giải thích những gì được gọi là “tự nhiên”. Trong tinh thần ấy, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau theo đuổi mục đích vun bồi lòng yêu chính mình có tính tự nhiên và căn nguyên, đồng thời điều tiết óc vị kỷ và những thứ phản tự nhiên. Một mặt, J.J.Rousseau phát hiện và nhìn nhận tính riêng biệt và tính khác biệt của từng đứa trẻ. Đặt ý tưởng về sự phát triển vào trung tâm của tư duy giáo dục, qua đó, tạo cơ sở cho giáo dục phát triển. Từ định hướng theo nhu cầu và sự phát triển, xác định và tôn trọng những quyền hạn của trẻ em trong tiến trình hình thành nhân cách. Mặt khác, cũng không thể không thấy rằng: tư tưởng giáo dục của ông dễ biến “bản tính tự nhiên” thành cái gì khá mơ hồ và huyền hoặc, có khi đi ngược lại nhu cầu đích thực của trẻ em. Dễ phạm sai lầm về phương pháp: biến những nhận định có tính mô tả thành những mệnh lệnh có tính quy phạm. Sự ngộ nhận này rất nguy hiểm, vì không phải cái gì “hợp tự nhiên” cũng là tốt và quên rằng nhiều giá trị nhân văn hình thành từ nỗ lực “chống” lại tự nhiên.

Nguyễn Khánh Trung (2014) với bài viết *Từ tư tưởng giáo dục của Rousseau, nghĩ về giáo dục Việt Nam* [55] đã tìm hiểu về giáo dục trẻ em Việt Nam hiện tại và cho rằng giáo dục chúng ta cách xa so với các tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Giáo dục Việt Nam chưa đặt ra mục tiêu đào tạo con người “tự do”, “tự chủ” như tư tưởng của J.J.Rousseau mà muốn tạo ra con

người công cụ theo một khuôn mẫu đã được định sẵn. Tác giả bình luận, thay vì dạy cho học sinh phương pháp, chúng ta lại dạy kiến thức theo những nội dung chương trình được soạn sẵn một cách chi tiết và nặng nề. Cách giáo dục như vậy không thể làm cho học sinh trưởng thành độc lập trong tư duy, trong phán đoán, có thói quen sáng tạo, phát minh, phát kiến nhằm thúc đẩy sự thay đổi xã hội. Ngoài ra, Nguyễn Khánh Trung nhận định rằng, thời đại ngày nay cũng có quá nhiều thứ cám dỗ so với thời của J.J.Rousseau, dễ làm cho giới trẻ rơi vào tình trạng lệ thuộc, trở thành những nô lệ mới (nô lệ cho game, cho thế giới ảo, cho các trào lưu ăn chơi, cho các thành kiến định kiến của người lớn, cho dư luận, v.v). Vì vậy, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau có giá trị lớn trong việc gợi mở, chỉ ra những ý nghĩa đối với giáo dục Việt Nam hiện nay.

Bài viết *Tư tưởng của Jean Jacques Rousseau về giáo dục* [5] của Phạm Văn Chung (2018) đã luận bàn và chỉ ra một số ý nghĩa cơ bản trong tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Trước tiên, tư tưởng hiểu người học của J.J.Rousseau là tư tưởng đặc sắc về giáo dục. J.J.Rousseau nhận thấy lâu nay người ta đã không biết đặt mình vào địa vị trẻ em; không thâm nhập các ý tưởng của chúng; trái lại gán cho chúng các ý tưởng của mình. Theo ông, người học phải là người chủ, chủ thể của quá trình giáo dục; người học phải học tập một cách tích cực, chủ động; người thầy phải thấy rõ công việc hướng dẫn của mình như một “nghệ thuật”. Đây quả thực là điều rất đặc sắc của tư tưởng giáo dục J.J.Rousseau. Tư tưởng của J.J.Rousseau về hiểu người học cho phép ta hiểu rằng, hiểu người học có nghĩa là phải đặt người học vào trung tâm của sự quan tâm của chúng ta, cụ thể là của những người thầy, cả trong xây dựng tư tưởng, lý thuyết và thực tiễn giáo dục. Ngoài ra, một trong những điều ta không thể không quan tâm ở đây là tư tưởng của J.J.Rousseau cho rằng, người thầy phải là một con người lý tưởng. Đối với ông, người thầy không thể không có tư tưởng giáo dục. Đó là hình mẫu người thầy lý

tưởng. Ông đã cho ta một ý nghĩa giá trị rất lớn lao dựa trên truyền thống phương Tây và từ chính kinh nghiệm của ông. Ông cho thấy rằng, không thể hiểu người học, kể cả trẻ thơ, nếu không hiểu con người và bản chất con người nói chung.

Trong các tư liệu bằng tiếng Anh phải kể đến: *Rousseau và triết học giáo dục* (Rousseau and his educational philosophy) [67] của tác giả B.Jamwal (2017). Bài viết đã phân tích triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói chung, đặc biệt, tác giả đã đưa ra những nhận xét về triết học giáo dục và phân tích những giá trị và hạn chế về triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Tác giả đã đánh giá cao những đóng góp của J.J.Rousseau đối với nền giáo dục đương thời. Ông đã đưa ra phương pháp đề cao thí nghiệm thực hành, chống lại những lý luận xuông với trẻ em và đặc biệt quan điểm đặt trẻ em làm trung tâm trong quá trình dạy học. Ngoài ra, tác giả đã chỉ ra một số hạn chế mà J.J.Rousseau mắc phải, trong đó, phải kể đến hai hạn chế mà B.Jamwal đưa ra: thứ nhất, J.J.Rousseau đã quá đề cao nền giáo dục phòng vệ, thứ hai J.J.Rousseau đã có quan điểm sai lầm về giáo dục nữ giới.

Ngoài ra, một số công trình bằng tiếng Anh khác đã phân tích vai trò và đánh giá triết học Khai sáng Pháp nói chung cũng như tư tưởng triết học và triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói riêng. Điển hình như: Gill.N (2013) trong cuốn sách *Triết học giáo dục trong triết học Khai sáng Pháp* (Educational philosophy in the French Enlightenment) [66]; Sweeman.J (1998) trong cuốn sách *The Enlightenment and the age of revolution* [81]; Vyverberg.H (1989) trong cuốn sách *Bản chất con người, sự đa dạng văn hoá và Khai sáng Pháp* (Human Nature, cultural diversity and the French Enlightenment) [82]. Về cơ bản, các công trình trên, đã đánh giá lại triết học Khai sáng Pháp và tư tưởng của các nhà Khai sáng Pháp, trong đó có J.J.Rousseau. Giá trị và ảnh hưởng của triết học, giáo dục trong trào lưu Khai sáng Pháp đối với cuộc cách mạng tư sản Pháp. Tư tưởng về quyền con người được tự do, bình đẳng cũng như về tư tưởng giáo dục Khai sáng không chỉ là

cốt lõi trong cuộc cách mạng tư sản Pháp mà còn là cơ sở lý luận cho nhiều cuộc cách mạng khác trên thế giới.

Như vậy, thông qua một số công trình nghiên cứu của các tác giả, đã phần nào chỉ ra được những giá trị, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Đặc biệt, có tác giả đã bước đầu đề xuất một số gợi mở đối với nền giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, những nghiên cứu chỉ phác họa một phần trong các công trình nghiên cứu đó, mà chưa bàn đến một cách đầy đủ. Đây cũng là khoảng trống để tác giả tiếp tục bổ sung, nghiên cứu trong luận án của mình.

1.4. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình tổng quan và những vấn đề đặt ra cho luận án

Tiếp cận tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, từ các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, tác giả có cập nhật những công trình khoa học được công bố mới gần đây. Nhìn chung, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau đã và đang được nhiều nhà khoa học tập trung nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau. Bước đầu, qua sự nghiên cứu tổng quan các công trình trên, tác giả có thể khái quát một số nội dung nghiên cứu cơ bản đã đạt được như sau:

Thứ nhất, các tác giả đã phân tích được những cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau xuất phát từ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Cơ sở lý luận: Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau là sự kế thừa quan điểm giáo dục của các vị tiền bối. Trong đó, phải kể đến tư tưởng giáo dục của Socrate, Plato, Comenxki, Locke. Ngoài ra, các yếu tố phẩm chất, đạo đức cá nhân của J.J.Rousseau cũng là những yếu tố quan trọng để hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Cơ sở thực tiễn: xuất phát từ nhu cầu chung của nước Pháp thời bấy giờ, các quan điểm giáo dục cũ đã lạc hậu và kìm hãm sự phát triển của cá nhân. Đứng trước nền giáo dục truyền thống, tất yếu phải xuất hiện những tư tưởng giáo

dục mới để giải quyết những vấn đề mà xã hội đặt ra. Đó là nguyên nhân hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Thứ hai, các tác giả đã phân tích khái quát về lịch sử tư tưởng giáo dục và tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Mặc dù cách tiếp cận và nội dung nghiên cứu có thể khác nhau nhưng nhìn chung, các công trình nghiên cứu đều cho rằng, tư tưởng giáo dục xuất hiện khá sớm từ thời cổ đại. Điểm chung nhất của tư tưởng giáo dục là: tôn trọng, chấp nhận sự khác biệt; với mục tiêu là đào tạo con người. Đồng thời, giáo dục không chỉ là một lĩnh vực riêng biệt, mà ngoại diên nó mở rộng, bao quát nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: giáo dục đạo đức, giáo dục tôn giáo. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đã khẳng định giáo dục là lĩnh vực quan trọng trong xã hội nhằm đào tạo và phát triển con người để phát triển đất nước.

Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau là sự kế thừa, phát triển tư tưởng giáo dục của nhân loại, sự kết tinh tinh hoa giáo dục từ cổ đại đến thời kỳ phục hưng trên tinh thần chủ nghĩa nhân văn. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau đã làm phong phú thêm kho tàng lý luận tư tưởng giáo dục của nhân loại. Về nội dung tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, một số tác giả đã đi vào phân tích được một số khía cạnh khác nhau trong đặc trưng, nội hàm tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau biểu hiện ở một số khía cạnh như: mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục.

Thứ ba, một vài công trình cũng đã phân tích giá trị, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và bước đầu đề cập đến ý nghĩa của tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam, hội nhập quốc tế hiện nay. Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục Việt Nam có nhiều biến động, việc đổi mới giáo dục là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 đã và đang làm cho các quốc gia, dân tộc xích lại gần nhau, nhưng vẫn còn đó những khác biệt về thể chế chính trị, văn hóa, tôn giáo. Vì thế, việc nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau một cách bài bản, hệ thống cả về lý luận và thực tiễn là hết sức cần thiết, nhằm đưa ra được những giá trị

đối với giáo dục Việt Nam và quá trình hội nhập quốc tế hiện nay. Đó cũng là mục đích của tất cả các nhà khoa học khi nghiên cứu vấn đề này.

Với chủ trương đổi mới toàn diện, Đảng và Nhà nước đã tạo ra động lực mới cho việc nghiên cứu về Lịch sử triết học phương Tây nói chung và triết học Khai sáng Pháp ở Việt Nam nói riêng. Kết quả là sự hiểu biết về triết học phương Tây được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, nghiên cứu triết học Khai sáng Pháp hiện nay ở Việt Nam còn hạn chế, nghiên cứu triết học giáo dục của J.J.Rousseau – một biểu hiện đặc sắc của triết học Khai sáng Pháp, đặc biệt nghiên cứu về nội dung có tính chuyên biệt, chuyên sâu về triết học giáo dục của J.J.Rousseau lại càng ít hơn. Theo lịch sử nghiên cứu nói trên, trong những công trình nghiên cứu của các nhà triết học và khoa học xã hội nhân văn về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau có nhiều lý giải khác nhau, tiếp cận từ các góc độ khác nhau. Tuy vậy, căn cứ vào lịch sử nghiên cứu nói trên, đặc biệt là nghiên cứu trong nước, tôi nhận thấy rằng:

Một là, hiện nay ít có công trình khoa học đề cập đầy đủ về bối cảnh và tiền đề hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Có một số bài viết, công trình đề cập tới cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành nên tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Tuy nhiên, phần lớn chỉ là những bài viết đơn lẻ, chưa có tính khái quát cao và đầy đủ hoặc là trình bày theo từng lát cắt, vấn đề riêng mà đề tài, bài viết đó đề cập. Nghiên cứu một cách đầy đủ về những tiền đề này sẽ cho ta thấy bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội cũng như việc kế thừa các quan điểm giáo dục của các vị tiền bối trong việc tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Hai là, việc nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chưa được đề cập một cách toàn diện. Hiện nay, chưa có nhiều công trình khoa học đề cập đầy đủ như một chỉnh thể về mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Vấn đề đặt ra là trong phần lớn các công trình nghiên cứu đều tập trung nghiên cứu

tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau biểu hiện ở một vài khía cạnh chưa tổng hợp đầy đủ, cũng chưa có công trình chuyên biệt nào đề cập một cách có hệ thống tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau từ cách tiếp cận triết học. Nghiên cứu một cách đầy đủ về những khía cạnh này sẽ cho ta thấy một cái nhìn hệ thống về tư tưởng triết học giáo dục của ông. Với quá trình nghiên cứu về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau của các nhà nghiên cứu nói trên, tôi nhận thấy những vấn đề đặt ra mà luận án tiếp tục hướng tới giải quyết đó là đi sâu vào khảo cứu một cách chuyên biệt nội dung cốt lõi trong triết học giáo dục của ông. Ngoài ra, cho đến nay, chưa có công trình luận án nào đề cập một cách có hệ thống đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Ba là, còn ít công trình nghiên cứu về giá trị và hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và ý nghĩa đối với sự phát triển của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Một vài công trình bước đầu vạch ra được một vài giá trị, hoặc ý nghĩa tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau khi nó được vận dụng và soi mình vào trong thực tiễn và chỉ ra được những nội dung phổ quát, cơ bản nhất trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau cũng như phân tích những giá trị hiện thời của nó. Tác giả nhận thấy, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau có thể đưa ra những ý nghĩa cụ thể và rõ ràng hơn về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục đối với nền giáo dục Việt Nam.

Những vấn đề đặt ra trên đây là khoảng trống mà chúng tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu làm sáng tỏ trong đề tài luận án của mình. Các công trình nghiên cứu đã công bố sẽ là nguồn tư liệu tham khảo quý giá cho chúng tôi trong quá trình nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

CHƯƠNG 2. BỐI CẢNH VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN CHO SỰ RA ĐỜI TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

Ph. Ăngghen viết: “Tư duy lý luận của mọi thời đại, cũng có nghĩa là cả thời đại chúng ta, là một sản phẩm lịch sử mang những hình thức rất khác nhau trong những thời đại khác nhau và do đó có một nội dung rất khác nhau” [33, tr. 478]. Do vậy, trước khi đi vào tìm hiểu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, chúng ta không thể không khảo sát bối cảnh ra đời và cội nguồn sự xuất hiện của nó. Sự hình thành phát triển của một hệ tư tưởng bao giờ cũng được quy định bởi những điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của thời đại mà bản thân nhà tư tưởng đang sống cũng như dựa trên sự kế thừa tư tưởng của các bậc tiền bối. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau không phải là trường hợp ngoại lệ.

2.1. Bối cảnh nước Pháp thế kỷ XVIII cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Bối cảnh ở Pháp thế kỷ XVIII có nhiều thay đổi và diễn biến phức tạp trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo. Thế kỷ XVII, XVIII được coi là thời đại của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập chế độ tư bản. Về mặt thực tiễn, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cho sự xuất hiện những chuyển biến cách mạng trong giai đoạn này được chuẩn bị từ thời Phục Hưng (từ nửa sau thế kỷ XIV đến nửa sau thế kỷ XVI). Đây là giai đoạn mầm mống của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã hình thành ngay trong lòng chế độ xã hội cũ. Một trong những biểu hiện đầu tiên của quá trình chuyển tiếp trong lĩnh vực kinh tế chính trị này là sự ra đời của những công xưởng thủ công. Sự hình thành các trung tâm kinh tế thương mại đã mở rộng giao thương trao đổi hàng hoá, phá vỡ các quan hệ phong kiến chặt chẽ, biểu hiện của nền kinh tế tự cung tự cấp. Thế kỷ XV, XVI, chứng kiến quá trình tích lũy tư bản ban

đầu ở Hà Lan, Anh và một số nước khác. Xu hướng chung của sự phát triển của thời đại đã đặt nhiệm vụ cho các nhà triết học phản ánh sự khởi sắc ấy, khái quát hoá nó trong học thuyết của mình. Điều này giải thích vì sao, xã hội đương thời xuất hiện hàng loạt các phương án cải cách xã hội, từ chủ nghĩa nhân văn Kytô giáo đến phương án thể tục hoá của Machiavelli và từ chủ nghĩa cộng sản không tưởng của Th.More đến những phác thảo về nhà nước pháp quyền. Nói cách khác, những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá thời kỳ Phục hưng là cơ sở thực tiễn sâu xa của phong trào Khai sáng Pháp.

Về kinh tế, thế kỷ XVIII, mặc dù là nước tiên tiến ở châu Âu, chỉ kém Anh về phương diện kinh tế, nước Pháp về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp với 90% dân số là nông dân và nền nông nghiệp của Pháp vẫn còn rất lạc hậu, “dân số nước Anh, Pháp tăng gấp đôi trong khi sản phẩm nông nghiệp không tăng tương ứng” [38, tr.332]. Khoảng 30% đất đai bị bỏ hoang, hình thức bóc lột địa tô chiếm ưu thế tại Pháp vào thời kỳ này. Tuy chỉ chiếm một phần trăm dân số, giới quý tộc và tầng lớp lại nắm trong tay hơn một phần ba đất đai cùng với hàng triệu nông nô. Giai cấp phong kiến đã khiến các vùng thôn quê Pháp trở lên kiệt quệ, tiêu điều xơ xác, bởi muôn vàn thứ thuế nặng nề và chế độ nô dịch hà khắc. Sản xuất công nghiệp ở Pháp phát triển chậm hơn Anh. Ngành mỏ và ngành dệt là những ngành phát triển mạnh nhất, tư bản chủ nghĩa đã thâm nhập sâu vào sản xuất công nghiệp. Các điều kiện để công nghiệp hoá đã có bước tiến đáng kể, vốn tích lũy được khá, tư sản không quá tin ở tiền tệ, giá công nghệ cũng lên và đã thu hút vốn đầu tư vào công nghiệp. Ngoài ra, giao thương hàng hải phát triển hơn. Từ năm 1722, chủ tàu Marseille, công ty Đông Ấn thu được các món lợi lớn. Sự buôn bán với các hòn đảo Trung Mỹ mang lại cho nước Pháp những sản phẩm quý giá.

Bông thay thế những thứ sợi dệt khác, gây một sự đảo lộn trong công nghiệp. Marseille được hưởng một chế độ tự do hơn các cảng khác.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập vào cuộc sống của người dân, Pháp đẩy mạnh thêm sự phân hoá nông dân về mặt giai cấp. Địa chủ tăng cường thuế má, cướp bóc ruộng đất, tước mất những quyền lợi của nông dân đẩy những người nông dân vào tình cảnh khốn cùng. Bối cảnh kinh tế nước Pháp đầu thế kỷ XVIII phản ánh mâu thuẫn giữa các giai cấp trong xã hội. Một bên là giới quý tộc có cuộc sống xa hoa của cung đình và một bên là đại bộ phận nhân dân lâm vào cảnh bần hàn và bất bình sâu sắc, ở Pháp còn nổ ra các cuộc khởi nghĩa đòi quyền bình đẳng, tự do. Các cuộc đấu tranh ở Pháp đã gây nên một chuyển động mạnh mẽ và căn bản chẳng những ở nước Pháp mà còn ảnh hưởng đến nhiều nước châu Âu [Xem 38, tr.324]. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của các cuộc đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ cho con người, thời kỳ nở rộ của tư tưởng giải phóng con người.

Về chính trị, từ thế kỷ XV, XVI, XVII chủ nghĩa tư bản đã đi từ những giai đoạn tích lũy nguyên thủy đầu tiên đến khi bước hẳn lên vũ đài lịch sử của Hà Lan, Anh. Đến thế kỷ XVIII, Pháp trở thành vũ đài của cuộc đấu tranh gay gắt giữa chế độ phong kiến đã trở nên lỗi thời và chủ nghĩa tư bản đang hình thành, phát triển. Với sự phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã kịp thời trở thành một lực lượng kinh tế hùng hậu. Trong khi đó, toàn bộ quyền lực vẫn tiếp tục nằm trong tay tầng lớp phong kiến thống trị. Phong trào phản đối ngày càng lớn mạnh, nhằm thủ tiêu quan hệ sản xuất phong kiến và thiết lập chế độ xã hội mới tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng đại diện cho lợi ích của những người bị áp bức trong chế độ phong kiến.

Cuộc đấu tranh chính trị quan trọng nhất diễn ra giữa chính quyền dân chủ và giai cấp tư sản. Chính quyền dân chủ xây dựng được đoàn thể

đoàn kết với nhau và bên vực quyền lợi chung. Trên cơ sở tổ chức này, chính quyền dân chủ đã biến hàng ngũ của mình thành một lực lượng chống đối vua. Pháp viện Paris lãnh đạo phong trào chung của các Pháp viện trong toàn quốc. Trong thế kỷ XVIII, tổ chức các nhà tư sản không mở nhận thêm người mới nữa vì không ai mua các chức vụ thẩm phán với giá mua cao mà bán thì thấp, không lợi cho tư sản.

Từ năm 1750, mâu thuẫn giữa Pháp viện và chính quyền ngày càng trầm trọng. Pháp viện thành lập trong nội bộ một ban chuyên môn thảo các văn bản đả kích. Trong cuộc đấu tranh giữa Pháp viện và chính quyền cần lưu ý đến một số điểm quan trọng. Khi những giai cấp tư sản có thái độ chống đối vua, không phải vì họ giác ngộ quyền lợi của toàn dân, thực chất họ chỉ nhằm quyền lợi riêng biệt, ích kỷ của mình mà thôi. Pháp viện Paris lợi dụng tình hình dư luận, tự coi mình là người bảo trợ dân, chống lại vua, không gây phản ứng gì và nói chung nhận được tán thành. Mặt khác, trong cuộc đấu tranh chính trị, họ đã phần nào tách khỏi quý tộc và phong kiến, đồng thời hiểu rằng đứng về phía quần chúng nhân dân là có lợi. Vì thế, Pháp viện mập mờ lừa bịp dư luận để dân chúng hiểu lầm họ là những người nghĩa hiệp đứng ra bảo vệ lợi ích của quần chúng chống lại vua.

Về xã hội, cũng giống như các nước phong kiến khác, ở Pháp, tài sản xã hội chỉ nằm trong tay một số người có quyền lực, nhà vua là chủ sở hữu ruộng đất lớn trong cả nước. Xã hội nước Pháp thế kỷ XVIII có sự phân chia thành những đẳng cấp với quyền và nghĩa vụ khác nhau. Do vậy, mâu thuẫn giữa các tầng lớp trở nên hết sức gay gắt (tăng lữ, quý tộc, và tất cả những tầng lớp còn lại như: nông dân, thợ thủ công, bình dân thành thị, công nhân, trí thức chiếm đa số trong xã hội, trong đó nổi trội nhất là giai cấp tư sản). Trong thế kỷ XVIII, giai cấp tư sản Pháp gặp nhiều thuận lợi trên con đường phát triển; thế lực chính trị, kinh tế, xã hội

của họ ngày càng tăng lên. Sự phát triển ấy cũng làm cho ý thức giai cấp của họ ngày càng bộc lộ rõ nét.

Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp quý tộc: chế độ chuyên chế suy yếu, “giai cấp quý tộc không còn đóng được vai trò chủ động trong xã hội” [25, tr.136], nhưng giai cấp quý tộc không từ bỏ thái độ kiêu căng và tính khinh bỉ giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh chống quý tộc, giai cấp tư sản đã kích mạnh các thiếu sót của giai cấp quý tộc. Giai cấp tư sản đã kích quý tộc không làm tròn nhiệm vụ quân sự và bảo vệ nhà nước. Giai cấp tư sản còn nhiều cách đấu tranh chống quý tộc, trong đó có cách phô trương tiền của làm quý tộc mất thể diện. Ở nhiều thành phố, nhất là Lyon, giai cấp tư sản tổ chức một cuộc sống văn hoá, xã hội xa hoa với các phòng khách, viện hàn lâm, v.v... để đập vào mắt giai cấp quý tộc.

Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp nông dân: nông dân bị tư sản bóc lột thậm tệ nên đã đứng lên tranh đấu. Ở Pháp, tư sản muốn chia công điền để biến công điền thành ruộng lúa. Làm như vậy là xâm phạm vào quyền của toàn thể nông dân nghèo. Sau năm 1750, tranh đấu của tư sản và quý tộc địa chủ thắng. Nhà nước quân chủ không ngăn cản tầng lớp tư sản thực hiện tham vọng, lại còn khuyến khích. Nhưng nông dân vẫn tiếp tục đấu tranh cho tới cuộc cách mạng năm 1789, coi tất cả quyền của chủ đất như là tàn tích phong kiến cần xoá bỏ hết. Tư sản cũng tranh đấu và thuyết trọng nông cũng do chủ đất nêu lên đòi tự do canh tác, bất chấp quyền lợi của nông dân.

Như vậy, bối cảnh chính trị, xã hội Pháp thế kỷ XVIII là điều kiện khách quan cho việc giai cấp tư sản trở thành người lãnh đạo có khả năng tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, công nhân, thợ thủ công trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến. Giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng tiến bộ có thể đại diện cho lợi ích của những người bị áp bức dưới

chế độ phong kiến. Để lãnh đạo được cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, giai cấp tư sản tất yếu cần có lý luận soi đường. Đây chính là môi trường thuận lợi để nảy sinh các tư tưởng giải phóng con người.

Về văn hoá, trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội có nhiều biến động, văn hoá Pháp thế kỷ XVIII đã có sự đổi mới rõ rệt thể hiện ước mơ và khao khát của con người qua nhiều khía cạnh từ nghệ thuật, hội hoạ, kiến trúc đến con người. “Ảnh hưởng của văn hoá Pháp mạnh đến nỗi các tác giả Pháp lẫn át các tác giả thượng cổ. Các nước châu Âu đều lấy Pháp làm thầy” [25, tr.137]. Người Pháp đặc biệt đề cao sự tôn trọng lẫn nhau, quyền và không gian tự do của mỗi cá nhân. Văn hoá Pháp thời kỳ này thể hiện rõ nét qua văn học. Trong văn học Pháp, chủ nghĩa lãng mạn là sự phản ứng chống lại xã hội đương thời, con người muốn thoát li thực tế tìm đến một thế giới khác giúp con người quên đi cuộc sống mà họ cảm thấy chán ghét, vẽ ra một cuộc sống làm thỏa mãn cái tôi bị tổn thương của con người, nên thế giới trong chủ nghĩa lãng mạn là thế giới mộng tưởng. Trong chủ nghĩa lãng mạn tình yêu của con người được khai thác ở mọi phương diện, thiên nhiên được phản ánh một cách sinh động nhất, trở thành nơi phản ánh nội tâm và nuôi dưỡng tình cảm. Vì đề cao mộng tưởng và tình cảm nên con người muốn hướng đến một cuộc sống tự do, thoát khỏi mọi ràng buộc. Người nghệ sĩ được trả lại tất cả mọi quyền tự do để họ thỏa sức sáng tạo và tưởng tượng. Nên đa số các tác phẩm của họ hướng đến cái khoáng đạt phi thường, vì chủ nghĩa lãng mạn không chấp nhận những quy định nghiêm ngặt (đôi khi vô lý), nên nó đã tự cho phép mình đạt đến sự tự do tuyệt đối. Thế kỷ XVIII, là một thế kỷ mà văn chương Pháp đã dành trọn thời gian để hướng về mục tiêu Khai sáng, đổi mới nền văn hóa tinh thần của nước Pháp. Đây là thế kỷ của văn chương triết học, văn chương chính luận và bút chiến; đặc biệt văn chương còn hướng về mục tiêu chống phong kiến, chống lại cơ chế văn hóa tinh thần trung đại, cổ vũ cho một nền văn học mới với những mục tiêu nhân bản

mới. Các nguyên lý cơ bản của tư tưởng ánh sáng: Dựa trên nền tảng chính là nguyên lý tự do tri thức và duy lý (tính duy lý này không phải là tính duy lý của chủ nghĩa cổ điển). Nguyên lý này ảnh hưởng đến sự ra đời của khái niệm cái tôi cá nhân. Chống định kiến đề cao suy tư khách quan, chống tinh thần tiên nghiệm, không dùng một nguyên lý duy nhất để giải thích mọi sự kiện. Tách rời niềm tin tôn giáo khỏi tri thức con người, thích thực nghiệm, cổ vũ tìm tòi kiến thức.

Về tôn giáo, các linh mục có đạo đức tốt chỉ là thiểu số, đa phần các giám mục mà đại đa số là quý tộc, sống xa hoa trên cơ sở địa tô và các quyền lợi khác, trong đó có cả cổ phần đóng góp của các tín đồ. Vì vậy, giai đoạn này “tôn giáo...được đem ra phê phán nghiêm khắc, tất cả đều phải ra trước toà án lý tính và biện hộ cho sự tồn tại của mình hoặc từ bỏ sự tồn tại của mình” [dẫn theo 62, tr.350]. Giáo hội cổ truyền quan niệm rằng phải tranh giành với chính quyền quân chủ không những quyền lãnh đạo về tôn giáo, mà cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy, Thiên chúa giáo đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Giai cấp tư sản nhất định phải va chạm với họ. Trên thực tế, giai cấp tư sản phải tấn công tôn giáo về hai điểm: thứ nhất, các nhà tu hành không lao động, không làm gì hữu ích cho xã hội. Thứ hai, giáo hội tích lũy tiền của, tài sản quá nhiều, vốn tiền lớn này bị ngưng đọng, không giúp ích cho kinh doanh, không góp phần làm đất nước giàu mạnh. Tư sản đã tố cáo giáo hội lừa bịp và lợi dụng sự mềm yếu của một số người dễ tước, cướp tài sản của họ. Có người đòi xung công tài sản ấy cho nhà nước. Nói chung, dư luận đả kích các đoàn thể tôn giáo, các tu viện.

Hệ thống giáo dục của giáo hội Công giáo: thời kỳ trước cách mạng tư sản Pháp, giáo hội nắm độc quyền về mặt văn hoá tinh thần của xã hội, thần học sáp nhập vào nó mọi hình thức của hệ tư tưởng. Các ngành văn hoá như triết học, văn hoá, khoa học, nghệ thuật và giáo dục đều do giáo

hội điều khiển và đều mang một tinh thần cơ bản là thần học. Nền giáo dục của nhà thờ đòi hỏi con người phải rèn luyện sự chịu đựng nhẫn nhục và phục tùng vô điều kiện, sống cuộc đời khổ hạnh. Nhìn chung, giáo dục của giáo hội theo phương pháp giáo điều, thầy đọc, trò chép, học thuộc lòng kinh Thánh, những bài thơ về tôn giáo, viện dẫn sách vở, biện luận hùng hồn, trống rỗng là lối dạy và học rất phổ biến. Bên cạnh đó, việc sử dụng phương pháp dùng roi vọt, trừng phạt thể xác, nhục hình nhằm giáo dục học sinh trở thành người biết nhẫn nhục, chịu đựng, phục tùng vô điều kiện cũng được coi trọng. Trong môi trường giáo dục như vậy, tất yếu sẽ đòi hỏi những tư tưởng mới, “Các nhà tư tưởng nhờ giáo dục để phá ngu...muốn giáo dục, các nhà tư tưởng chủ trương truyền bá khoa học” [25, tr.143] và khai sáng để thoát ly những quan niệm lạc hậu về giáo dục của giáo hội.

Mâu thuẫn giữa tri thức khoa học với niềm tin tôn giáo: thế kỷ XVIII, khoa học tự nhiên phát triển mạnh mẽ nhờ ứng dụng được các thành tựu của cơ học và toán học. Nhiều môn khoa học mới ra đời và đạt được những kết quả mới trong việc nghiên cứu tự nhiên, như quang học, điện, từ, thiên văn học, hoá học, động vật học và thực vật học, đặc biệt là vật lý học. Những thành tựu trong khoa học tự nhiên trên các lĩnh vực khác nhau là cơ sở để nhận thức của con người nâng lên tầm cao mới “Nhờ đọc các loại sách phổ thông khoa học mà công chúng cũng thích nghiên cứu” [25, tr.139]. Người ta đã nhìn thấy rằng, sự sáng tạo bắt nguồn từ kinh nghiệm và lý trí của con người. Thời kỳ này, văn hoá duy lý ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của con người, các quan điểm duy tâm tôn giáo bị đả kích mạnh mẽ. Điều này đã dẫn đến những xung đột giữa tri thức tôn giáo với tri thức khoa học, những tri thức tôn giáo tư biện bắt đầu bị đả kích và dần thay thế bằng những tri thức khoa học. Sự phát triển của khoa học mang đến cho con người nhiều sự đổi thay trên nhiều

phương diện của cuộc sống. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của khoa học duy lý không chỉ có những điểm tích cực, mà còn có những điểm tiêu cực. Khoa học duy lý thúc đẩy mọi người tin theo thuyết vô thần, không có đức tin vào Chúa hay các đấng thần linh, từ đó bản tính của con người không còn giữ được những phẩm chất tự nhiên ban đầu. Vì không tin vào quả báo do những việc mình làm, nên con người dễ bị sa ngã, ảnh hưởng bởi những tác nhân xấu của ham mê dục vọng. J.J.Rousseau đã hiểu được mặt trái của sự phát triển khoa học và xây dựng một học thuyết về giáo dục hướng con người giữ được được bản tính tự nhiên của mình.

Như vậy, bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo ở Pháp thế kỷ XVIII chính là cơ sở thực tiễn cho sự ra đời trào lưu Khai sáng Pháp với những nhà tư tưởng tiêu biểu. Trong giáo dục cũng diễn ra sự đấu tranh của giai cấp tư sản với quý tộc và tăng lữ. Những học giả của giai cấp tư sản lên tiếng công kích chủ nghĩa kinh viện, công kích những quan niệm lỗi thời về văn hoá, giáo dục. Họ đòi cải tổ nền giáo dục và đưa ra những kiến giải mới mẻ về một hệ thống nhà trường dân chủ. Các triết gia Khai sáng Pháp đều thống nhất với nhau ở nhiều điểm như: đề cao tác dụng của giáo dục, coi trọng thể dục và lao động, yêu cầu nội dung giáo dục sát với thực tế, và những phương pháp khoa học phù hợp với nhận thức của trẻ em, chống chủ nghĩa giáo điều, chống kỷ luật roi vọt...v.v.

2.2. Những tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Qua các thời kỳ lịch sử ở các nền văn hóa khác nhau, các tư tưởng, quan điểm giáo dục đã xuất hiện rất phong phú và đa dạng. Những vấn đề được các nhà triết học lớn của các thời đại quan tâm là bản chất của nhận thức, bản chất của tư duy, chân lý, đạo đức, tính thiện, cái đẹp. Đó là những vấn đề rất quan trọng ảnh hưởng đến việc xác định bản chất

quá trình giáo dục, chức năng, nhiệm vụ, quy luật động lực, mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau đã kế thừa quan điểm giáo dục của nhiều nhà tư tưởng trong lịch sử, trong đó phải kể đến Socrate, Plato, I.A.Comenxki, Locke.

2.2.1. Quan niệm của Socrate về giáo dục

Socrate (469 – 399 TCN) là nhà triết học, một ông thầy dạy học, không phải là lý thuyết gia nên ông không để lại các tác phẩm, những tư tưởng của ông phần lớn được lưu lại qua sự ghi chép của học trò. Ông xuất thân trong một gia đình khá giả ở A-ten và lớn lên dưới thời hưng thịnh của chế độ dân chủ chủ nô. Socrate đứng đầu một tổ chức triết học gồm những thanh niên quý tộc và những người có cùng chí hướng. Trong tổ chức triết học này, đã diễn nhiều cuộc trò chuyện giữa Socrate và các học trò về Thiện và Ác, về ý nghĩa cuộc đời. Trong số các học trò tham gia học với Socrate, một vài người có ghi lại những đối thoại với Socrate, như Xenophon, Plato, Aristotle...v.v., nhờ đó ngày nay chúng ta mới hiểu được tư tưởng của ông, người thầy lớn của nhân loại.

Đối với Socrate, giáo dục không phải là dạy người học lý luận, để giúp học trò có thể thuyết giảng về sự sai lầm hay chân lý. Giáo dục cũng không có nghĩa là nhồi sọ những công thức truyền thống, mà không được phép thảo luận. Socrate ủng hộ phương pháp giáo dục tranh biện, vấn đáp. “Đứa trẻ nào được dạy trong bài học quan trọng nhất của nó là chỉ muốn biết điều gì hữu ích mà thôi, sẽ chất vấn như Socrate” [42, tr.233]. Phương pháp giáo dục này thực sự tác động vào tư duy và trẻ có thể đưa ra những ý kiến riêng của mình. Theo ông, giáo dục cũng không nhằm mục đích làm cho con người phải mất hút trong đám đông, hay nhằm mục đích làm cho con người phải tách rời khỏi đám đông để cai trị nó, điều này cũng là một cách khác để chìm đắm trong đám đông. “Giáo dục nhằm

cho con người tìm thấy chính mình nơi mình. Muốn được như vậy, nó phải chống lại mọi sự xã hội hóa, nó phải phát sinh ra chủ nghĩa cá nhân” [15, tr.13-14]. Socrate đã chú ý đến sự phát triển cá nhân của đứa trẻ, mỗi đứa trẻ đều có quyền và có những khả năng riêng để học tập, phát triển những điều mình muốn.

Ông chống lại quan niệm giáo dục nhồi sọ đứa trẻ theo chiều hướng bỏ quên chính mình, chìm đắm trong đám đông. Chính quan niệm giáo dục là giúp đứa trẻ tìm thấy chính mình và giá trị tiềm ẩn của mỗi cá nhân riêng biệt, đã làm ông đi ngược lại với quan niệm của xã hội đương thời. Socrate từng bị kết án tử hình vì tội hoạt động chống chế độ dân chủ chủ nô, vì chủ trương thay tôn giáo đương thời bằng một tôn giáo mới làm giảm hiệu lực của nhà nước. Những công dân thành phố A-ten có nhiệm vụ xử tội Socrate từ chối những công lao của ông trong việc giải phóng họ, ngược lại cho ông là phản động xúi dục tuổi trẻ chống lại họ. Những suy nghĩ về việc giáo dục không phải vì mục đích giáo dục con người để phục vụ xã hội, tất cả những gì giáo dục là vì quyền và giá trị của đứa trẻ. Điều này, trong học thuyết giáo dục của mình, J.J.Rousseau cũng có nhiều điểm giống Socrate.

Trong suốt bốn mươi năm, ông đã dạy cho người dân thành A-ten phải thấy rõ chính mình để hành động hợp với lẽ phải và lương tâm. Ông đã nỗ lực chống lại ảnh hưởng tai hại của những triết gia nguy hiểm, hoài nghi tất cả và không tin tưởng bất cứ cái gì. Và khi tất cả đều sụp đổ, và khi chính những Thần Thánh của A-ten cũng có vẻ như bỏ rơi họ, người ta chỉ còn nghe được có một tiếng nói của ông, tiếng nói đem lại cho họ niềm tin vào một tương lai tươi sáng hơn, bằng cách làm cho họ thấy được những lực lượng xây dựng ở chính họ, đó là những đức hạnh.

Và chính bản thân ông cũng có những đức hạnh cao cả nhất, đó là tình yêu chân lý và sự can đảm dám nói lên chân lý này. Sống một cuộc

đòi nhiều ý nghĩa, ông đã để lại cho nhân loại một tấm gương sáng cho tất cả những ai muốn hành nghề dạy học [Xem:15, tr.19-20]. J.J.Rousseau đặc biệt kế thừa quan điểm về giáo dục đức hạnh của Socrate “Socrate đề ra bốn phận là yêu tổ quốc, dân thành Sparte là những người sống tiết độ; trước khi Socrate ca ngợi sự tiết độ, trước khi ông định nghĩa đức hạnh” [42, tr.430]. Những quan điểm về giáo dục đạo đức, đặc biệt là sự tiết độ của Socrate có ảnh hưởng đến tư tưởng giáo dục J.J.Rousseau. Ông đã chú ý đến giáo dục đức hạnh, cụ thể là giáo dục để người học giữ vững sự tiết độ để tránh khỏi những cám dỗ của ham mê dục vọng.

2.2.2. Quan niệm về giáo dục của Plato

Plato (427-347 TCN) là người đầu tiên đưa ra quan niệm về một nền giáo dục có hệ thống dưới sự chỉ đạo của một tư tưởng triết học nhất quán và có vai trò lớn đối với giáo dục đương thời và ảnh hưởng tới nền giáo dục loài người trong nhiều thế kỷ sau này.

Quan điểm về giáo dục được Plato thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Cộng hòa*. J.J.Rousseau từng nhận xét “Các vị muốn có một quan niệm về nền giáo dục công, xin hãy đọc *Cộng hoà* của Plato” [42, tr.36]. Đào tạo các công dân cho nhà nước lý tưởng là tư tưởng bao trùm của Plato trong tác phẩm này. Muốn có được nhà nước lý tưởng cần giáo dục các công dân ngay từ khi còn trẻ, giáo dục đóng vai trò quyết định hình thành nhân phẩm công dân tương lai. “Trong nhà nước lý tưởng...tất cả nền giáo dục cũng như việc theo đuổi chiến tranh và hoà bình cũng là công việc chung [39, tr.187]. Theo Plato, cần phải lựa chọn và đào tạo các thành viên trong quốc gia dựa trên cơ sở tôn trọng tài năng, qua đó tạo điều kiện cho phép họ phát huy những phẩm hạnh tương ứng với bốn phận và trách nhiệm trong tương lai. Điều này có thể thực hiện thông qua một nền giáo dục cộng hoà.

Theo Plato, một công dân lý tưởng phải được đào tạo “có hai phần, thể dục cho thân thể và âm nhạc cho tâm hồn” [dẫn theo 39, tr.81]. Âm nhạc là môn học được đưa vào giảng dạy đầu tiên khi trẻ chưa tới tuổi học thể dục. Cùng với âm nhạc, trẻ cần được tập luyện thể lực qua môn thể dục. Chế độ thể dục hoàn hảo là chị em song sinh với âm nhạc đơn sơ. Môn thể dục mà Plato đặc biệt nói đến là thể thao quân sự, để rèn luyện các chiến binh cho nhà nước lý tưởng sau này. Âm nhạc cùng với thể dục đơn sơ sẽ tạo nên sự điều độ trong tâm hồn và một thể chất khỏe mạnh. Hai môn học này được dạy từ khi trẻ còn nhỏ và phải được duy trì “thể dục cũng như âm nhạc, phải bắt đầu từ tuổi nhỏ, cần phải huấn luyện cẩn thận và phải tiếp tục suốt đời” [39, tr.105]. Mục đích của việc học hai môn âm nhạc và thể dục đều hướng đến sự phát triển tâm hồn. Ở đây Plato nhấn mạnh đến một nền giáo dục đức hạnh làm cho con người háo hức theo đuổi lý tưởng tuyệt hảo của người công dân, dạy bảo họ cai trị sao cho phải lẽ và đồng thời cũng biết vâng phục. Đây là các phẩm chất cần có của những người đứng đầu trong nhà nước lý tưởng. Như vậy, giáo dục trẻ là nhằm rèn luyện tính cách cho con người, sao cho họ trở thành những con người cân đối, hài hòa, không bị lệ thuộc vào các đam mê thể xác. J.J.Rousseau viết: “Plato trong Cộng hoà, mà người ta tưởng rất khắc khổ, giáo dưỡng trẻ em bằng hội hè, trò chơi, ca hát, tiêu khiển; cứ như thế ông đã làm hết mọi điều khi đã dạy kỹ cho chúng biết vui chơi” [42, tr.128]. Trên cơ sở quan điểm giáo dục của các nhà tư tưởng cổ đại, J.J.Rousseau đã tiếp thu và phát triển trong học thuyết giáo dục từ những quan điểm về nội dung giáo dục thể chất đến dạy âm nhạc cho trẻ và phương pháp giáo dục trẻ có hiệu quả.

Tuy nhiên, để giáo dục hiệu quả, Plato cho rằng cần chia thành các giai đoạn để giáo dục, giai đoạn đầu tiên của giáo dục là sự đào luyện tính cách nhờ đó học sinh biết tự chủ về tâm hồn và thể xác để trang bị

cho họ chống lại những cám dỗ của giác quan. Để thực hiện điều đó hai môn học đầu tiên phải dạy cho trẻ là môn âm nhạc và thể dục. Nền giáo dục có hai phần, thể dục cho thân thể và âm nhạc cho tâm hồn. Giai đoạn thứ hai của giáo dục là đưa vào các môn học tri thức trừu tượng như: Thiên văn học, số học, hình học. Trong số các môn khoa học và nghệ thuật thì toán học được coi là đứng đầu, đồng thời là một dạng lý tưởng mà các môn nghệ thuật và khoa học hướng đến. Môn Thiên văn học được hiểu là khoa học về chuyển động học một cách thuần túy và nó có ý nghĩa ứng dụng nhiều hơn lý thuyết [Xem: 21]. Ngoài ra, J.J.Rousseau đánh giá, Plato bước đầu hiểu được tầm quan trọng của sự trải nghiệm thực tế, “Đi du lịch giống như đi bộ, tức là đi du lịch giống như Thales, Plato...biết được những đặc sản của những vùng khí hậu ở những nơi mình đi qua” [42, tr.587]. Chính những trải nghiệm thực tế là cách tốt nhất để giáo dục trẻ mà J.J.Rousseau đã tiếp tục phát triển trong phương pháp giáo dục của mình.

Ngoài ra, Plato đã dùng một chương trình học tập đòi hỏi cao về trí tuệ để đào thải, sàng lọc, phân loại trẻ trong những giai đoạn khác nhau của quá trình học tập. Qua trình độ học vấn, Plato đã sắp đặt và phân chia các nhóm dân cư trong xã hội một cách hợp pháp lý, quan niệm này được nhiều nước phương Tây thừa nhận. Nhưng bên cạnh những giá trị thì quan điểm giáo dục của Plato còn có một số mặt hạn chế như: không đánh giá đúng khả năng thực hành và lao động chân tay vốn là những điều rất thiết thực và cần thiết cho cuộc sống của mỗi con người cũng như toàn xã hội. Quan niệm giáo dục của Plato cũng rất hạn chế trong việc đánh giá phẩm chất đạo đức, sự xúc cảm và khả năng hoạt động thực tiễn nói chung. Đây cũng là những vấn đề mà J.J.Rousseau tiếp tục khắc phục và bổ sung để hoàn thiện hơn trong tư tưởng triết học giáo dục của ông.

2.2.3. Quan niệm về giáo dục của I.A.Comenxki

I.A.Comenxki (1592-1670) – nhà sư phạm lỗi lạc người Tiệp Khắc. Comenxki đã có những cống hiến rất quý báu cho sự nghiệp giáo dục. Ông thực sự xứng đáng với danh hiệu là thủy tổ của nền giáo dục dân chủ nói chung và đã ảnh hưởng đến nhiều nhà tư tưởng, trong đó có ảnh hưởng đến quan niệm giáo dục của J.J.Rousseau thời kỳ “Triết học Khai sáng” thế kỷ XVIII. Ông cho rằng, chỉ có giáo dục mới làm cho con người ta trở nên một con người đáng là người. Đối với sự phát triển xã hội, ông phê phán những tệ nạn xấu xa như: sự áp bức, bất công, cường quyền, bạo lực đầy rẫy trong xã hội; sự phân chia độc quyền trong xã hội. Từ đó, ông kêu gọi cải tạo xã hội, xoá bỏ sự bất công bằng con đường giáo dục. Có thể phát triển xã hội thông qua xây dựng, mở mang trường học, mang lại học vấn, tri thức cho mọi người. Đối với sự phát triển cá nhân, Comenxki đánh giá cao vai trò của giáo dục, của tri thức đối với sự hình thành và phát triển cá nhân.

Một trong những điểm giáo dục đặc sắc của Comenxki là ông xuất phát từ quan điểm duy vật, con người là bộ phận của tự nhiên, tự nhiên phát triển có quy luật, do đó con người và sự phát triển của con người càng phải tuân theo những quy luật phổ biến của tự nhiên. Và có thể coi giáo dục như là một bộ phận của tự nhiên, giáo dục cũng phải diễn ra theo những quy luật nhất định, dựa trên quy luật phát triển của tự nhiên. Hãy để đứa trẻ là chính mình, được học và rèn luyện một cách tự nhiên, người thầy chỉ có vai trò hướng dẫn. “Thầy dạy ít hơn, nhưng học sinh học được nhiều hơn... để trong trường học không có tiếng kêu la, không có cảm giác sợ và sự lao động bỏ ra một cách vô ích mà chỉ có niềm vui và sự hi vọng đầy thành tích” [Dẫn theo 27, tr.45]. Từ quy luật của tự nhiên, việc giáo dục và dạy học cũng phải trang bị cho học sinh những cơ sở chung của các khoa học, trước khi đi sâu vào một khoa học chuyên ngành. Nói cách khác là phải trang bị những kiến thức phổ thông trước khi đi vào

kiến thức chuyên sâu một cách nào đó. Bất kỳ một môn khoa học nào cũng phải dạy cho học sinh những nguyên lý cơ bản nhất, để học sinh có quan niệm chung, sau đó cho học sinh thấy những ví dụ, quy tắc cụ thể, hệ thống đầy đủ kiến thức. Chính những quan niệm về giáo dục phù hợp với tự nhiên này đã ảnh hưởng đến nhiều nhà giáo dục sau này, trong đó có J.J.Rousseau, “một số nhà lý thuyết giáo dục hiện đại đã dựa theo Comenius với chủ nghĩa tự nhiên như Rousseau, Pestalozzi và Spencer, vì họ đều thấy nhiều điều tốt đẹp ở trẻ em và tự nhiên”¹ [72, tr.153]. J.J.Rousseau đã kế thừa tư tưởng giáo dục từ Comenxki và tiếp tục phát triển quan điểm giáo dục chính là quá trình phát triển tự nhiên của trẻ một cách cụ thể và có hệ thống hơn.

Comenxki đã phân chia thời kỳ để giáo dục, quá trình giáo dục ở nhà trường chia giáo dục ra làm bốn giai đoạn phù hợp với bốn thời kỳ của tuổi học: trường Mẫu giáo, giáo dục trẻ em trong gia đình cho đến hết sáu tuổi, ở thời kỳ này cần rèn luyện giác quan của trẻ để chúng nhận thức được thế giới bên ngoài, tạo điều kiện cho trẻ được phát triển mọi khả năng của chúng; trường Quốc ngữ dạy trẻ em từ bảy tuổi đến hết mười hai tuổi, phải rèn luyện trí tưởng tượng và ký ức cho trẻ; trường La-tinh dạy học sinh từ mười ba tuổi đến hết mười tám tuổi, phải dạy cho thiếu niên ngữ pháp, tu từ học, toán học, thiên văn, lý luận về âm nhạc, để trau dồi thông minh và óc phán đoán của trẻ; trường Đại học đón những thanh niên từ mười tám tuổi đến hai mươi tư tuổi, hun đúc trí lực cho thanh niên và dạy triết học, y học, luật học...v.v, dùng phương pháp đi du lịch để mở rộng tầm mắt của học sinh [Xem: 16, tr. 92]. J.J.Rousseau đã chịu ảnh hưởng về quan niệm giáo dục của Comenxki về việc phân chia các giai đoạn giáo dục trẻ, điều này thể hiện ngay trong tác phẩm *Emily hay là về*

¹ “Some modern educational theorists are based on Comenius with Naturalism, such as Rousseau, Pestalozzi and Spencer, since they all saw much good in children and nature”.

giáo dục, tác phẩm có năm chương, mỗi chương tương ứng với một thời kỳ giáo dục trẻ. Tuy nhiên, để giáo dục trẻ một cách đầy đủ và cụ thể hơn, vẫn trên nền tảng phân chia giai đoạn giáo dục trẻ em của Comenxki, J.J.Rousseau đã chia việc giáo dục trẻ thành năm giai đoạn với những nội dung và phương thức có tiên bộ hơn Comenxki.

Comenxki đặc biệt quan tâm đến giáo dục đạo đức, theo ông, có ba nhóm đạo đức cần giáo dục cho học sinh. Nhóm 1, những nét nhân đạo, tính tự chủ, tính chính nghĩa, tính từ thiện, tính hào hiệp, tính thẳng thắn, tính công bằng, cư xử có lễ độ. Comenxki gọi ý đây là những nét sức mạnh tinh thần. Nhóm 2, những nét về thực tiễn đời sống, học sinh phải tập làm quen với lao động, có sức kiên nhẫn, chịu đựng lâu dài, nhẫn nại trong lao động, có tình yêu đối với lao động. Nhóm 3, những quy tắc hành vi có tính văn hoá, sạch sẽ, chỉnh tề, ý thức, tự chủ, khiêm tốn, giữ gìn phẩm cách. Để giáo dục đạo đức có hiệu quả, Comenxki yêu cầu, xã hội phải có trình độ học vấn cao, phải tạo nên một dư luận xã hội tốt và cần biên soạn chương trình, tài liệu về công tác giáo dục đào tạo. Trong giáo dục đạo đức, J.J.Rousseau cũng khuyên người học phải được giáo dục thông qua hoạt động thực tế và để đạt được mục đích, trước tiên người học phải có tình yêu đối với lao động và công việc của mình.

2.2.4. Quan niệm về giáo dục của John Locke

John Locke (1632-1704) – là đại biểu của giai cấp tư sản và quý tộc đang lên ở nước Anh sau cách mạng năm 1648. *Về phương diện chính trị xã hội*, Locke là đại biểu của giai cấp tư sản mới lên, bênh vực cho tự do, nhân quyền, tư hữu tài sản. Ông nhận định rằng loài người trong trạng thái tự nhiên là tự do và bình đẳng. Về phương diện giáo dục, Locke đã đưa ra nhiều kiến giải mới mẻ đối với thời đại của ông. Trước hết, ông cũng rất tin vào tác dụng của giáo dục “chín mươi phần trăm những người

ta gặp, những người này tốt hay xấu, hữu dụng hay vô tích sự, đều do giáo dục mà ra cả” [29, tr.2]. Ông phản đối giáo lý của giáo hội, những tư tưởng thể tập của phong kiến. Mục đích của giáo dục là đào tạo những con người phong nhã, có tài năng, hoạt bát, lanh lợi, lịch thiệp, đặc biệt là có đức hạnh “tôi đặt đức hạnh lên hàng đầu của các đức tính mà một con người, có học hay không, cũng cần có” [29, tr.63]. Giáo dục có vai trò đảm bảo hạnh phúc của mỗi cá nhân. Thông qua giáo dục, mỗi người phải được rèn luyện để có một thân thể khỏe mạnh. Ông muốn trẻ em phải có kiến thức để biết cách vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Locke muốn xây dựng con người phong nhã, để sống trong một xã hội mới không thể nào khác được là phải đề ra một nội dung giáo dục sát thực và toàn diện. J.J.Rousseau cho rằng, Locke chú trọng đến việc rèn luyện tinh thần “Locke muốn người ta bắt đầu bằng nghiên cứu tinh thần rồi tiếp theo mới nghiên cứu thể xác” [42, tr.350]. Bởi vì một thân thể khỏe mạnh chỉ được tạo nên trên một tinh thần tự do, phóng khoáng. Theo ông, giáo dục con người cần được rèn luyện qua ba nội dung chính là giáo dục thể lực, giáo dục đạo đức và giáo dục trí lực. Ba nội dung giáo dục trên cần được thực hiện một cách hài hoà, vì chúng sẽ bổ sung cho nhau trong việc giáo dục trẻ “một tinh thần minh mẫn trong một thân thể tráng kiện, đây là một câu nói ngắn gọn, miêu tả thể nào là hạnh phúc trên cõi đời này” [29, tr.1]. Locke cho rằng, một tinh thần tốt cần được xây dựng trên một thể chất khỏe mạnh, J.J.Rousseau viết: “Locke hiền mình, Rollin nhân hậu, Fleury uyên bác, hết sức khác biệt nhau về mọi điều còn lại, song tất cả đều nhất chí ở riêng một điểm là rèn luyện thân thể cho trẻ em thật nhiều” [42, tr.156]. Bên cạnh đó, ông còn quan niệm nội dung giáo dục bao gồm những môn học hữu ích nhất, phục vụ trực tiếp và tích cực các yêu cầu của thời đại, của giai cấp tiến bộ nhất và của bản thân mỗi cá

nhân trong xã hội. Nói cách khác, tiêu chuẩn để lựa chọn các môn học là: có lợi không? Từ đó ông xây dựng chương trình học mang tính bách khoa với nhiều môn học như môn quốc văn, môn tập đọc, tập vẽ, môn sinh ngữ, môn lịch sử, môn kinh tế, pháp luật. Locke nhấn mạnh, chương trình học rộng rãi không có nghĩa là đứa trẻ chỉ cần biết sơ lược về tất cả, điều quan trọng là đứa trẻ sẽ chỉ chú ý tới những gì ích lợi nhất ở ngoài đời. Trong tư tưởng triết học giáo dục của mình, J.J.Rousseau đã tiếp thu những yếu tố hợp lý của Locke như nội dung giáo dục toàn diện coi trọng giáo dục qua lao động, cơ sở khoa học của giáo dục trẻ em là phát huy các đặc điểm cá nhân phản đối giáo dục roi vọt, nguyên tắc giáo dục nhằm khơi dậy lòng ham mê kiến thức đối với trẻ.

Để xây dựng con người như vậy, theo Locke “giáo dục phải dân chủ, cởi mở, phóng khoáng” [dẫn theo 17, tr.81]. Ông lên án giáo dục bằng sự trừng phạt thể xác vì những trừng phạt này làm cho tính tình trẻ trở thành nô lệ “những đứa trẻ nào bị trừng phạt nhiều nhất rất ít có khả năng trở thành những con người tốt” [42, tr.22]. Ông ca ngợi sự trừng phạt cần kín đáo để tránh chạm vào lòng tự ái của trẻ “...đã đem lại kết quả tốt hơn là giảm nhẹ nó đi và thay thế bằng một thứ kỷ luật nhẹ nhàng hơn” [29, tr.23]. Giáo dục phải tin vào nơi trẻ, giúp trẻ tự tin bước vào đời sống xã hội. Với giáo dục trẻ, ông luôn dịu dàng và ôn hoà. Xã hội có thể tác động đến sự trưởng thành của trẻ hơn là những gì cha mẹ có thể làm. Giáo dục cần tìm hiểu trẻ, mỗi đứa trẻ có mỗi tâm lý riêng mà chúng ta phải tìm hiểu để thích nghi tác động vào giáo dục. Locke cho rằng, không có vấn đề nhồi sọ đứa trẻ với những gì mà nó không thích hoặc không bao giờ nghĩ tới trong suốt cuộc đời của chúng. Locke đề cao dạy học cá nhân, tốt hơn nên dạy dỗ đứa trẻ ở nhà bởi thầy dạy kèm, dưới sự kiểm soát của người cha, nó sẽ đĩnh đạc hơn, khiêm nhường hơn và được kính trọng hơn. Locke là nhà khai sáng nổi tiếng của phương Tây và là bậc tiền bối

của J.J.Rousseau, nên J.J.Rousseau đã học hỏi nhiều từ Locke về quan điểm dân chủ, bình đẳng để thoát khỏi những xiềng xích trói buộc con người. Tuy nhiên, J.J.Rousseau không tán thành cách dạy nói lý lẽ với trẻ của Locke “Nói lý lẽ với trẻ là phương châm lớn lao của Locke, đó là phương châm thịnh hành nhất hiện nay” [42, tr.103]. J.J.Rousseau cho rằng, nói lý lẽ với trẻ chỉ mất thời gian và không mang lại kết quả gì. Để trẻ hiểu và nắm bắt được vấn đề, người thầy phải hướng trẻ đến những hành động, thực hành, trải nghiệm trực tiếp.

Nhìn chung, so với nền giáo dục phong kiến, Locke đã đem lại một số kiến giải tiến bộ mà J.J.Rousseau đã kế thừa như: phủ nhận tư tưởng tiên thiên, coi trọng tác dụng của giáo dục, chú ý đến thể dục, đến lao động bằng chân tay, lên án kỷ luật roi vọt, đề ra những nguyên tắc giảng dạy hợp với tâm lý của trẻ em. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định do đứng trên lập trường giai cấp, nhưng ảnh hưởng của Locke trong thế kỷ XVIII ở Tây Âu rất rộng lớn đối với các nhà giáo dục, như các nhà duy vật Pháp và J.J.Rousseau [Xem: 23, tr.74-77].

2.2.5. Quan niệm về giáo dục của một số nhà triết học Pháp

M.D.Montaigne (1533-1592) là một nhà tư tưởng về giáo dục ở Pháp, bản thân ông đã có ảnh hưởng nhất định đối với nhiều triết gia, trong đó có Rene Descartes, Pascal, Jean-Jacques Rousseau. Trong lý luận về giáo dục, ông chú trọng dạy cho con người sống thật với bản vị của mình chứ không phải sống như những ông thánh mà giáo dục thời trung cổ hướng tới. “Trước thời Rousseau, đã có một số người, bắt đầu từ Montaigne đã phản đối quan niệm phổ biến về giáo dục là không phù hợp với nhiều trẻ em”² [68, tr.120]. Quan điểm này của Montaigne đã được các nhà tư tưởng thời Khai sáng phát triển để nhận thức rằng con người

² It should also be mentioned that prior to the time of Rousseau, there had been a number of people, beginning probably with Montaigne, who had opposed the prevailing concept of education as being unsuitable for many children

muốn trưởng thành và định đoạt số phận của mình không có cách nào khác là phải học tập, rèn luyện tu dưỡng.

Montaigne đã nhận thấy rất rõ rằng, giáo dục thực sự không phải là một quá trình thụ động, “giáo dục nhằm dạy cho con người sống một cuộc đời theo thiên nhiên” [58, tr.127], đó là sự tương tác chủ động giữa học trò và môi trường xung quanh. Chủ trương thực hiện các chuyến dã ngoại của ông được các trường học tuân thủ chặt chẽ và coi đó là một bộ phận không thể tách rời khỏi chương trình. Montaigne mong muốn giáo dục những con người toàn diện thông qua thể dục, trí dục và đức dục. Đối với trí dục, ông phản đối cách học nhồi nhét mà chủ trương học tập có phê phán, xét đoán, lựa chọn. Ông cũng cho rằng trẻ em cần học ngoại ngữ từ sớm phải dạy trẻ học tiếng nước ngoài từ khi còn nhỏ tuổi nếu không chúng sẽ không bao giờ phát âm được chuẩn xác. “Ông phản đối việc học vì nhà trường mà chủ trương học vì cuộc sống, học sinh phải áp dụng những điều thông thái từ sách vở vào cuộc sống” [17, tr.45]. Được sinh ra và nuôi dưỡng trong môi trường của chủ nghĩa tư bản đang lên, đứng trên lập trường tư sản nhưng Montaigne đã sớm nhận rõ được bản chất dã man của chủ nghĩa thực dân và cực lực lên án những hành động vô nhân đạo của thực dân, đồng thời ông đứng về phía những người lao động chân chính, ca ngợi những phẩm chất hướng thiện của họ, cho dù họ là những con người nghèo khổ, thiếu học thức. J.J.Rousseau được sinh ra và lớn lên ở Pháp, nên các tư tưởng về giáo dục ở Pháp là cái nôi đầu tiên để thúc đẩy ông học tập và nghiên cứu về giáo dục.

Ch.S.Montesquieu (1689-1755), triết gia Khai sáng của Pháp, ông cho rằng: nguyên tắc về giáo dục là thứ đầu tiên mà chúng ta phải nắm bắt được. Vì giáo dục chuẩn bị cho cuộc sống công dân, mỗi gia đình riêng lẻ phải được điều hành bởi một kế hoạch chung rộng lớn bao trùm lên tất cả. Chính là vì giáo dục sẽ đào tạo nên những công dân sống trong xã hội của

một thể chế chính trị nhất định, các nguyên tắc giáo dục được quy định bởi thể chế chính trị đó. Trong xã hội quân chủ, danh dự đóng một vai trò quan trọng, danh dự có một số nguyên tắc tối thượng mà người có giáo dục phải tuân thủ. Nguyên tắc quan trọng nhất là được phép định giá cho tài sản nhưng không được phép định giá cho cuộc sống; nguyên tắc thứ hai là khi được thăng chức tước, người có giáo dục không bao giờ được phép thể hiện rằng họ không xứng đáng với vị trí đó; nguyên tắc thứ ba là có một số điều mà danh dự đã cấm ngặt thì đó là những thứ không bao giờ được màng tới, dù luật pháp không ngăn cấm [Xem:17, tr.47]. Montesquieu đã sớm tỏ thái độ phê phán chế độ chuyên chế và nền giáo dục. Nếu giáo dục trong chế độ quân chủ ca tụng trí tuệ thì các nhà nước chuyên chế tìm cách hạ thấp nó. Dưới chế độ này, giáo dục chỉ nhằm tạo nên những kẻ biết nghe lời. Trong khi đó, ông ủng hộ chế độ cộng hòa cùng giáo dục. Chính trong thể chế cộng hòa, giáo dục mới phát huy được toàn bộ sức mạnh của nó. Giá trị mà giáo dục đem lại có thể được hiểu là tình yêu đối với luật pháp và với đất nước. Tình yêu này đòi hỏi cả lợi ích công cộng lẫn riêng tư nên nó là nguồn gốc của mọi giá trị cá nhân. Trên cơ sở những ý tưởng Khai sáng cùng thời đại, J.J.Rousseau đã học hỏi từ Montesquieu với quan điểm coi nhiệm vụ của giáo dục là đào tạo những công dân mẫu mực phù hợp với một xã hội nhất định và hướng tới quyền tự do, hạnh phúc cho những công dân sống trong xã hội ấy.

C.A.Helvetius (1715-1771) – nhà triết học duy vật Pháp, cũng phủ nhận quan niệm tiên thiên và cho rằng giáo dục là vạn năng, bằng giáo dục, người ta có thể cải biến tư tưởng con người và nhờ đó cải biến được xã hội. Giáo dục sẽ đào tạo những con người yêu nước, những người biết kết hợp hạnh phúc cá nhân với sự phồn vinh của dân tộc. Giáo dục có thể đào tạo cả những nhân tài. Ông kiên quyết đấu tranh chống ảnh hưởng của tôn giáo trong nhà trường và cực lực phản đối sự gò bó của chủ nghĩa

kinh viện. Helvetius rất coi trọng tính tích cực và tính tự giác của trẻ em. Tuy còn có nhiều lệch lạc về giáo dục, song Helvetius đã có công lớn là can đảm tấn công mạnh mẽ vào thành lũy kiên cố của phong kiến và tăng lữ. So với đương thời, những kiến giải của ông về giáo dục có những tiến bộ nhất định [Xem: 23, tr.78-80]. Helvetius là nhà triết học hoạt động cùng thời với J.J.Rousseau, tuy nhiên J.J.Rousseau cũng đã học hỏi nhiều điều từ quan điểm về giáo dục của Helvetius như: giáo dục con người về lòng yêu nước và coi trọng tính chủ động, tự giác của người học.

Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau không chỉ kế thừa các quan điểm về giáo dục của các bậc tiền bối trong lịch sử mà còn là sự kế thừa, học hỏi từ các nhà triết học Pháp khác. Nhìn chung, các nhà triết học Pháp, cụ thể là trào lưu Khai sáng đã khái quát và đưa ra những luận điểm cơ bản sau: Tất cả mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm, tuyệt đối hoá cá nhân, hoàn toàn bình đẳng xét về khía cạnh lý lẽ (so với các cá nhân khác hay nhà nước) và do đó phải được tạo cho sự bình đẳng trước luật pháp và quyền tự do cá nhân. Bởi vậy cần có những cơ chế, hiến chương tránh lạm dụng, vi phạm những quyền cơ bản về sự tự do của cá nhân. Con người không tự do với hoàn cảnh lịch sử xã hội. Con người đón nhận hoàn cảnh và trong điều kiện không tự do ấy khởi sự làm nên tự do, giải phóng mình. Trong con người hàm chứa nhiều mâu thuẫn: giữa xã hội và cá nhân, giữa bản năng và trí tuệ, giữa sáng và tối. Các ý tưởng về pháp lý và chính trị của quốc gia, dân tộc, toàn cầu có khả năng đem đến cho mỗi người và các dân tộc điều kiện bên ngoài để mỗi người thực thi tốt nhất, đầy đủ nhất sự tự do của mình. Con người cá nhân được nối kết trong tình huynh đệ với tất cả mọi người khác bằng sự hợp lý mà tôi chia sẻ với họ, không có bất kỳ thành kiến với bất kỳ ai. Giáo dục phải giúp chuyển giao tri thức cho các thế hệ và toàn nhân loại, hơn là gò sẵn, đúc khuôn tình cảm và lý trí của mỗi người. Truyền thông là công cụ chủ đạo

của cả cộng đồng giúp cho từng cá nhân và toàn thể nhân loại trao đổi tư tưởng, sự thật và chân lý; tình thương, cảm thông và nhân ái.

Như vậy, hoà chung với hơi thở của thời đại, trước sự biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội trong xã hội đương thời, thì tư tưởng giáo dục của các triết gia Pháp cũng có những biến đổi rõ nét. Sẽ là không đầy đủ khi luận bàn về tiền đề tư tưởng, lý luận cho sự ra đời quan niệm giáo dục của J.J.Rousseau mà lại không đề cập đến ảnh hưởng của tinh thần chung trong toàn bộ tư tưởng triết học Pháp nói chung và phong trào Khai sáng nói riêng. Chính tư tưởng của các nhà triết học Pháp đã chịu ảnh hưởng của nhau và tác động mạnh mẽ đến sự hình thành tư tưởng chính trị và tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Góp phần vào sức mạnh chung của triết học Khai sáng Pháp, J.J.Rousseau đã thể hiện tiếng nói dân chủ của mình trên lĩnh vực chính trị và giáo dục, đòi quyền tự do, bình đẳng cho con người. Đặc biệt, tư tưởng giáo dục tiên bộ của ông chính là “tuyên ngôn giải phóng tuổi trẻ” với lý luận đòi quyền tự do cho con người cá nhân ở lứa tuổi thiếu niên. Tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau mang tinh thần nhân đạo, nhân văn cao cả.

2.3. J.J.Rousseau: cuộc đời và tác phẩm

J.J.Rousseau sinh ra ở Geneve, lúc đó là một thành phố kiêm quốc gia và là một thành phần của Liên minh Tin lành trong liên bang Thụy Sĩ. Kể từ năm 1536, Geneva đã là quốc gia Huguenot và là cội nguồn của thần học Calvin. Năm thế hệ trước của J.J.Rousseau là ông cố Didier, một người bán sách có thể đã xuất bản các tác phẩm Kháng Cách, để tránh bị Công giáo Pháp truy tố, đã chạy trốn tới Geneve vào năm 1549, tại đó ông đã trở thành một thương gia buôn rượu vang. J.J.Rousseau rất tự hào rằng cả gia đình của ông đã từng là gia đình trung lưu, có quyền bầu cử trong Geneva. Có nhiều tranh luận chính trị trong Geneva bao gồm cả những thương nhân. Nhiều cuộc thảo luận đã tranh luận về tính hợp pháp của

quyền lực những Hội đồng trên có được, nội dung tranh luận thường bị giới cầm quyền chế giễu. Trong năm 1707, một người cải cách dân chủ tên Pierre Fatio phản ứng nói rằng, “một quyền lực tối cao mà không có hành động tương xứng thì chỉ là một ảo tưởng”. Fatio sau đó bị bắt theo lệnh của Tiểu Hội đồng. Cha của Jean-Jacques Rousseau, Isaac, lúc đó không có mặt trong thành phố, nhưng ông nội của J.J.Rousseau đã ủng hộ Fatio và đã phải trả giá. Trong năm 1699, Isaac đã dính vào bê bối chính trị khi cãi cọ với một sĩ quan người Anh, người sau đó đã tuốt kiếm ra dọa ông. Sau khi các quan chức địa phương tới nơi, Isaac đã bị trừng phạt, vì Geneva đặc biệt quan tâm và gìn giữ các liên hệ của thành phố với sức mạnh nước ngoài.

Mẹ của J.J.Rousseau mất ngay sau khi sinh ông. Cha ông, thợ đồng hồ ở Geneve, gà trống nuôi con không lâu thì phải bỏ trốn sau một vụ ẩu đả khi ông lên mười. Mười hai tuổi phải kiếm sống bằng đủ thứ nghề. Mười sáu tuổi, trốn nhà từ Geneve lên Turin. Từ đó bắt đầu cuộc đời phiêu bạt, mà những phút giây yên ổn, hạnh phúc là ngoại lệ. Làm đủ thứ chuyện (khoa học, xã hội, nghệ thuật), nhưng chủ yếu bằng nghề chép nhạc. Ông cũng tỏ ra rất đau khổ và nhiều lần biện bạch: cuộc sống quá bấp bênh, không có lối thoát. Năm hai mươi tuổi, J.J.Rousseau và Warens trở thành người tình của nhau. Warens có một thư viện lớn và đã giới thiệu ông vào thế giới của những ý tưởng. Vì vậy, J.J.Rousseau đã có cơ hội được rèn luyện và nghiên cứu về âm nhạc, văn học cùng những tư tưởng triết học, chính trị. Năm 1728, ông rời Geneva sau nhiều năm học việc nghề thư ký và tới thủ đô Paris năm 1742. J.J.Rousseau là thư ký cho Đại sứ Pháp tại Venezia từ 1743-1744. Sau đó ông về Pháp và có năm con với Therese Levasseur. Ông cũng từng tâm sự về cuộc sống với Therese Levasseur : “Therese là niềm an ủi duy nhất và có thực mà Trời đã ban cho tôi trong cảnh cùng khổ, và chỉ riêng niềm an ủi ấy đủ giúp tôi

chịu đựng được cuộc đời” [60, tr.155]. Tuy nhiên, ông không nuôi được các người con của mình, ông đều bỏ cho trại trẻ mồ côi nuôi [Xem 45, tr.11]. Năm 1746, ông làm bạn với Diderot và có đóng góp cho tập Bách khoa thư với các bài về âm nhạc và quan trọng nhất là bài về kinh tế chính trị.

Trong thời gian này, J.J.Rousseau đã viết hai luận văn tương ứng với hai cuộc thi do Viện Hàn lâm Dijon tổ chức. Hai cuộc thi này được ví như là thuốc súng làm nổ tung những uất ức chất chứa trong lòng J.J.Rousseau bấy lâu. Ông đã thẳng tay kết tội nền văn minh giả dối đương thời bằng *Luận văn thứ nhất* về các ngành khoa học và nghệ thuật. Năm 1754, ông viết *Luận văn thứ hai* về nguồn gốc và căn nguyên của sự bất bình đẳng giữa con người. Hai luận văn then chốt, xác lập vị trí riêng biệt của J.J.Rousseau trong đấu trường tư tưởng. Trong *Luận văn thứ hai*, J.J.Rousseau kịch liệt phản đối chế độ tư hữu tài sản và lên án mạnh mẽ những kẻ quyền thế đã ra sức biện minh, bênh vực cho sự bất bình đẳng đó. Với luận văn này, trong những năm 1754-1755, J.J.Rousseau đã thực sự dấn thân vào một cuộc đấu tranh chính trị. Khi luận văn này bị loại khỏi cuộc thi, ông đã gửi bản thảo sang Hà Lan nhờ nhà xuất bản Michel Ray ấn hành. Tháng 6 năm 1755, luận văn này đã ra mắt công chúng Hà Lan, ngay lập tức xuất hiện trong các hiệu sách ở thủ đô Paris. J.J.Rousseau lại bị những người thuộc giới thượng lưu công kích gay gắt. Trước sự công kích dữ dội của giới quý tộc thượng lưu Paris, J.J.Rousseau đã buộc phải trở về quê hương Geneve. [Xem: 63, tr.206-233]. Năm 1756, J.J.Rousseau lại rời bỏ Geneve để đến sống ẩn dật ở Montmorency - một vùng quê hẻo lánh ở phía Bắc Paris, trong một ngôi nhà nhỏ bỏ hoang của một ẩn sĩ đã quá cố từ lâu. Tháng 1/1761, J.J.Rousseau cho ra mắt công chúng Pháp cuốn *July hay nàng Heloise mới*. Tiểu thuyết này viết dưới dạng những bức thư trao đổi, kể về câu

chuyện tình giữa nàng Julie, con gái một nam tước, với chàng gia sư Saint-Preux. J.J.Rousseau không chỉ đưa ra một quan điểm mới mẻ về tình yêu và tự do luyện ái, lên án kiểu hôn nhân cưỡng ép, ông còn lồng ghép vào tác phẩm có kết cấu khác lạ này những giá trị triết học đặc sắc. Đó là những mô tả đậm chất trữ tình về cuộc sống bình dị mà nên thơ nơi thôn dã, khi con người hòa hợp với thiên nhiên, khi cái tôi trữ tình trong mỗi người được trở về với bản chất nguyên sơ thánh thiện trong chính mình. Ngay từ lần xuất bản đầu tiên vào năm 1761 và rất nhiều lần tái bản sau đó, mối tình éo le và trắc trở của đôi trai gái đã khiến nhiều thế hệ độc giả rung động và đồng cảm. Câu chuyện tình của họ cũng là câu chuyện về sự mong manh của những tâm hồn mạnh mẽ, khi phải lựa chọn lắng nghe trái tim hay tuân theo lý trí, để sống với tình yêu hay đầu hàng những khuôn phép, chuẩn mực khắc nghiệt của xã hội đương thời.

Tháng 4 năm 1762, tác phẩm được coi là quan trọng nhất và có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất của J.J Rousseau – *Bàn về khế ước xã hội* đã được nhà xuất bản Michel Ray ở Hà Lan cho ra mắt độc giả. *Khế ước xã hội* là tên gọi vắn tắt của bản luận văn lớn của Jean Jacques Rousseau có tên “Bàn về khế ước xã hội hay là các nguyên tắc của quyền chính trị”. Trong cuốn sách này, mục đích của tác giả là muốn tìm xem trong trật tự dân sự có tồn tại một số quy tắc cai trị chính đáng và có tồn tại luật pháp đúng với ý nghĩa chân thực của nó hay không? Tuy nhiên, khi mới xuất bản thì tác phẩm này đã bị chính quyền xếp vào danh mục các tác phẩm nguy hiểm và tác giả của nó phải chịu kiếp sống lưu vong. Mặc dù vậy, ngay sau khi *Bàn về khế ước xã hội* được xuất bản một tháng, tháng 5 năm 1762, J.J.Rousseau tiếp tục cho ra mắt công chúng Pháp cuốn tiểu thuyết thứ hai của ông – *Émile hay là về giáo dục*. Toàn bộ tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* được kết cấu thành 5 quyển tương ứng với 5 giai đoạn phát triển của Émile. Quyển I (Giai đoạn Émile từ 0 đến 2 tuổi), kể

về giai đoạn bé Émile từ lúc chào đời đến lúc học nói. Quyển II, cậu bé Émile đang ở lứa tuổi nhi đồng, khoảng từ 2 đến 12 tuổi. Quyển III (Giai đoạn Émile từ 12 đến 15 tuổi): cậu bé Émile được giáo dục chẳng những qua sách vở, qua kinh nghiệm cuộc sống, mà còn được học kiến thức thực nghiệm hướng nghiệp cho nghề nghiệp tương lai. Quyển IV (15 đến 20 tuổi: tuổi của lý trí và những đam mê): cậu bé cần được hưởng nền giáo dục đạo đức (trong đó có cả giáo dục giới tính, giáo dục thẩm mỹ...v.v) và giáo dục tôn giáo để bước vào thế giới của người lớn mà không ngỡ ngàng, vấp vấp. Quyển V (Émile 20 đến 25 tuổi - độ tuổi khôn lớn và hôn nhân): J.J.Rousseau kể chuyện về Sophie, người sẽ là vị hôn thê tương lai của Émile. Trong tiểu thuyết này, J.J.Rousseau đưa ra một thông điệp mới về giáo dục: những đứa trẻ có quyền tự do và cần được tôn trọng các giá trị cơ bản của mình. Những đứa trẻ được giáo dục vì những lợi ích của chúng, không phải giáo dục để phục vụ lợi ích giai cấp. Chính vì lý do này mà ngay sau khi ra mắt công chúng Pháp, *Émile hay là về giáo dục* cũng bị thu hồi và tác giả của nó càng bị truy nã ráo riết hơn.³

Trong bối cảnh đó, năm 1762, tại Anh, ông vẫn cảm thấy bất ổn. Không thể sống mãi trong tình cảnh đó, đầu năm 1768, ông trở lại Pháp ẩn náu tại một vùng gần biên giới Pháp – Italia, cho đến giữa năm 1769 thì trở lại Paris, khi việc truy lùng ông không còn gay gắt như trước nữa. Năm 1770, J.J.Rousseau thường gặp những người quen thân, đọc cho họ nghe những đoạn hồi ký *Những lời bộc bạch* mà ông vừa viết xong. Trong cuốn tự truyện, J.J.Rousseau đã chia thành hai giai đoạn khác biệt nhau rõ rệt. Giai đoạn một, ông kể về ba mươi năm của tuổi thanh xuân với những hồi ức tươi mát và êm đềm, với muôn ngàn ấn tượng thú vị của mình.

³ Ở Việt Nam, năm 1963, tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* [42] của J.J.Rousseau lần đầu tiên được dịch sang tiếng Việt. Năm 2008, tác phẩm này được hai dịch giả Lê Hồng Sâm và Trần Quốc Dương dịch do nhà xuất bản Tri Thức phát hành. Năm 2010, tác phẩm được Nhà xuất bản Tri Thức tái bản.

Giai đoạn hai, ông thuật lại quãng thời gian tương tự, đầy những biến động trong cuộc chiến đấu với bản thân, với xã hội: vinh quang, danh tiếng, khổ đau, tai họa.

Trong những năm 1772 – 1773, J.J Rousseau tập trung viết *Đối thoại* với tiêu đề *Rousseau - người phán xét Jean Jacques* nhằm mục đích thanh minh để công chúng và các thể hệ sau hiểu rõ được sự tâm huyết, mong muốn của ông là đổi mới xã hội đương thời cũng như thấy rõ được tâm địa độc ác của những kẻ từng làm hại ông. Từ năm 1776, J.J.Rousseau bắt đầu viết tập ký sự *Những điều mơ mộng của một người lãng du cô đơn* để chia sẻ những suy nghĩ trăn trở về cuộc sống và những dự định của ông về tương lai. Tập ký sự này được viết trong lúc sức khỏe ông đã yếu, sau đó, ông đã qua đời vì xuất huyết não vào ngày 2 tháng 7 năm 1778. Thi hài của J.J.Rousseau được mai táng ở công viên Ermenonville thuộc tỉnh Oise, vùng tây bắc nước Pháp.

Như vậy, qua cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo của J.J Rousseau, có thể thấy tư tưởng chủ đạo bao trùm toàn bộ hệ thống lý luận, quan điểm của ông là lý tưởng tự do, bình đẳng. Ngay cả trong giáo dục, tâm thế đó của ông cũng được thể hiện rõ nét và sắc sảo. Với tư cách nhà triết học, về phương diện thế giới quan, J.J.Rousseau là người theo thuyết tự nhiên thần luận. Thế giới quan của ông liên quan chủ yếu đến những vấn đề xã hội. Mặc dù đứng trên lập trường tự nhiên thần luận như nhiều nhà Khai sáng khác nhưng tiên bộ của ông thể hiện ở chỗ coi lịch sử của nhân loại là kết quả của hoạt động con người, chứ không phải do bàn tay Thượng đế sắp đặt. Trong lý luận nhận thức, ông đề cao cảm giác luận. Với tư cách nhà chính trị học, J.J.Rousseau mang lập trường cấp tiến. Từ lập trường cấp tiến - tả khuynh, ông phê phán gay gắt các quan hệ đẳng cấp phong kiến và chế độ chuyên chế, ủng hộ nền dân chủ tư sản và các quyền tự do của công dân, tán thành sự bình đẳng của con người bất chấp nguồn gốc

xuất thân. Những tư tưởng này của ông trở thành khẩu hiệu của giai cấp tư sản Pháp trong cuộc cách mạng (1789-1794). Với tư cách nhà văn, J.J.Rousseau để lại những áng văn tuyệt tác ca ngợi tình yêu chân thật, đấu tranh cho tự do hôn nhân, tự do luyện ái. Từ tiểu thuyết của ông, một trào lưu văn học lãng mạn mới xuất hiện. Với tư cách nhà giáo dục học, ông phê phán gay gắt hệ thống giáo dục theo đẳng cấp của chế độ phong kiến và đề xuất xây dựng một hệ thống giáo dục mới. Trong đó, J.J.Rousseau đã đưa ra những tư tưởng mới mẻ và táo bạo về giáo dục.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương này, chúng tôi làm rõ bối cảnh và những tiền đề lý luận ra đời tư tưởng triết học của J.J.Rousseau, cũng như những sự kiện chính trong cuộc đời và các tác phẩm của ông. Qua đó nhận thấy rằng, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau là con đẻ của thời đại, nó không chỉ là sự kết nối từ quá khứ đến tương lai, mà còn là sự phản tư từ hiện tại.

Nói chung, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ra đời trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và chính những mâu thuẫn giữa các tầng lớp tư sản với tầng lớp nông dân và tầng lớp quý tộc, cũng như mâu thuẫn giữa tôn giáo và khoa học ở Pháp thế kỷ XVIII đã thúc đẩy các trí thức, trong đó có J.J.Rousseau tìm lý luận mới để giải phóng con người. Tuy nhiên, tư tưởng triết học giáo dục của ông còn chịu sự tác động từ những tư tưởng giáo dục của các triết gia tiền bối đi trước như: quan điểm về giáo dục đức hạnh của Socrate đến những quan niệm về giáo dục thân thể và tâm hồn Plato và quan điểm coi con người là bộ phận của tự nhiên theo Comenxki đến quan niệm giáo dục khai phóng của Locke...v.v, đã ảnh hưởng lớn tới tư tưởng của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục. Song chủ trương giáo dục của ông đã có nhiều điểm mới lạ và tiến bộ so với các tiền bối.

Ngoài ra, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau còn ảnh hưởng bởi những quan điểm cơ bản của các nhà triết học Pháp cận đại về tinh thần Khai sáng nói chung cũng như quan điểm về giáo dục nói riêng. Có thể nói rằng, với tư cách là một nhà triết học luận bàn về giáo dục, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chịu sự chi phối bởi một thế giới quan được hình thành từ chính những đắng cay mà ông đã nếm trải trong cuộc đời gian truân của mình. Nghiên cứu con người, cuộc đời và sự nghiệp của J.J.Rousseau, ta thấy ông thật là vĩ đại. Một nhà triết học tiên phong của phong trào Khai sáng Pháp, J.J.Rousseau góp phần cùng với các nhà triết học Khai sáng đã soạn thảo ra những triết lý về giải phóng con người, vì con người, đặc biệt là lý luận độc đáo của ông về vai trò giáo dục đối với trẻ em nhằm xây dựng nên mẫu người công dân cho một xã hội dân chủ lý tưởng mà ông đã kiến tạo.

CHƯƠNG 3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

Việc sử dụng các phương pháp triết học để xem xét các vấn đề giáo dục đã có từ thời cổ đại, nhưng lĩnh vực nghiên cứu này chỉ bắt đầu được công nhận như một tiểu ngành học chính thức vào thế kỷ XIX. Mặc dù triết học giáo dục thường có vẻ thiếu sự cố kết vốn có với những lĩnh vực triết học khác, nó thường, và có lẽ do vậy, cởi mở hơn đối với những cách tiếp cận mới. Theo tác giả William.K.Frankane từ Đại học Michigan (Mỹ), “Triết học giáo dục nghiên cứu về các mục tiêu, hình thức, phương pháp, nội dung, chương trình và kết quả của giáo dục, để vận dụng vào những hoàn cảnh chung hoặc cụ thể”⁴ [65, tr.8]. Như vậy, tư tưởng triết học giáo dục chính là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm về giáo dục được xây dựng trên một nền tảng triết học. Trên thế giới, đứng trên những lập trường khác nhau nên sẽ có nhiều các tư tưởng triết học giáo dục khác nhau như: giáo dục khai minh, giáo dục duy thiên, giáo dục hiện sinh, giáo dục thực dụng, giáo dục hậu hiện đại...v.v. Tuy nhiên, chủ trương khai minh có mặt trong cả các tư tưởng triết học giáo dục khác, điều này không phải ngẫu nhiên. Trong ý nghĩa cơ bản, triết học là khai minh. Vì thế, khai minh không chỉ là danh hiệu riêng của một thời đại (thế kỷ XVII, XVIII ở Châu Âu), mà còn được hiểu theo nghĩa rộng như là tâm thế, ý hướng và hành động của con người. Giáo dục khai minh phát triển rực rỡ vào thế kỷ XVIII và lưu lại dấu ấn lâu dài đến tận ngày nay. Theo đúng như tên gọi – giáo dục khai minh, các triết gia của phong trào này, trong đó có J.J.Rousseau đặc biệt quan tâm đến giáo dục - lĩnh vực được coi là có tầm ảnh hưởng quan trọng và trực tiếp đến việc truyền bá tri thức. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chính là tư tưởng giáo dục trong

⁴ The philosophy of education researched on aims, form, methods, contents, programs and results of education etc., for it to adopt or employ, in general or in specific situations.

thời đại của ông, thời đại của triết học khai minh. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau được xây dựng trên từ chính quan điểm của ông về con người tự nhiên và tự do. Điểm độc đáo trong tư tưởng triết học giáo dục của ông chính là những quan điểm giáo dục đi ngược lại quan điểm duy lý, duy khoa học và chỉ ra những mặt trái của văn minh và khoa học kỹ thuật. Vì vậy, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau coi trọng những giá trị thuần khiết của tự nhiên và đặc biệt đề cao thực hành, trải nghiệm bằng cảm nhận trực tiếp trong giáo dục. Nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau qua nhãn quan triết học và phương pháp của triết học, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chú trọng giải quyết những nội dung cơ bản sau:

3.1. Quan niệm về con người – cơ sở và xuất phát điểm cho tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

J.J.Rousseau coi lịch sử của nhân loại là kết quả hoạt động của con người chứ không phải do bàn tay xếp đặt của Thượng đế. Nghiên cứu con người và quá trình phát triển của xã hội từ trước tới giờ, ông khẳng định bản chất của con người là tự do. Khát vọng tự do của con người luôn bị kìm hãm “Con người sinh ra vốn tự do nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích” [41, tr.29]. Ông hiểu rằng, những nghịch lý trên đây hoàn toàn không phải ngẫu nhiên do ý muốn chủ quan tùy tiện của con người, mà có nguyên nhân hoàn toàn khách quan, trong chính bản thân quá trình phát triển của xã hội. Quá trình phát triển của lịch sử, theo ông là sự chuyển tiếp của xã hội từ trạng thái này sang trạng thái khác, đồng thời cũng là quá trình liên tiếp diễn ra sự phủ định của xã hội sau đối với xã hội trước. Cũng như mọi nhà triết học Khai sáng, J.J.Rousseau lấy con người làm xuất phát điểm trong việc xây dựng các mô hình xã hội. “Dự định của tôi là tìm hiểu về con người và phương pháp của tôi là nghiên cứu con người trong các mối quan hệ khác nhau” [44, tr.230]. Ông cho rằng, con người với tư cách là một thực

thể tự nhiên, tức một cá thể biệt lập, bị nguyên tử hoá. Con người cũng phải trải qua hai trạng thái: tự nhiên và xã hội.

3.1.1. Quan niệm của J.J.Rousseau về con người ở trạng thái tự nhiên

Trạng thái tự nhiên, con người sống bên ngoài xã hội. Cuộc sống của con người “vẫn còn giữ nguyên những khuynh hướng tự nhiên của họ” [44, tr.230]. Tình cảm đầu tiên của con người chính là tình cảm về sự tồn tại, mối bận tâm đầu tiên của họ là mối bận tâm về sự tự bảo tồn bản thân. Các sản phẩm của trái đất chu cấp cho con người tất cả sự trợ giúp cần thiết, bản năng đã hướng dẫn họ tận dụng chúng. Sự đói khát và những thèm muốn khác khiến họ phải trải nghiệm lần lượt nhiều cách ứng xử để tồn tại, có một ham muốn luôn mời mọc con người là duy trì nòi giống. Đây là tình trạng của con người sơ khai. Đây cũng chính là cuộc sống của một con vật lúc đầu còn bị hạn chế bởi những cảm giác đơn thuần và lợi lộc hiếm hoi từ những quà tặng mà thiên nhiên đã ban tặng cho. Quan điểm này, thống nhất với quan điểm của Montesquieu. Theo J.J.Rousseau, trong trạng thái tự nhiên con người luôn tuân thủ những luật tự nhiên là luôn có nhu cầu tự tìm cách và nuôi sống mình đồng thời có nhu cầu bảo tồn nòi giống bằng tình yêu nam nữ.

Trong thời kỳ này, con người chưa có sự khác biệt rõ rệt về địa vị xã hội và kinh tế...v.v. Các mối quan hệ xã hội còn thuần khiết, chưa có sự phân biệt đẳng cấp. Đây là thời kỳ lâu dài, bình yên và hạnh phúc nhất trong lịch sử nhân loại. Mọi người sinh ra, mọi thứ đều như nhau. Trong giai đoạn đó, “gia đình là mô hình đầu tiên của các thứ xã hội chính trị; cha là hình ảnh của người thủ lĩnh, con cái là hình ảnh của dân chúng. Thủ lĩnh cũng như dân chúng đều sinh ra bình đẳng, tự do” [41, tr.30]. Có thể nói J.J.Rousseau đã tiên đoán và phác hoạ một cách thiên tài thời kỳ sơ khai của lịch sử loài người.

Trạng thái tự nhiên là điều kiện tồn tại trước khi có sự cai trị của luật do con người đặt ra, cũng tương đồng với khái niệm vô chính phủ. Tự nhiên luôn là khái niệm trung tâm, thường xuyên xuất hiện trong tư tưởng của J.J.Rousseau, nó vừa là điểm khởi đầu và cũng là mục tiêu mà ông hướng tới. Vấn đề tự nhiên

được J.J.Rousseau sử dụng rất linh hoạt khi là “thiên nhiên”, khi là “luật tự nhiên”, “quyền tự nhiên của con người” hay “con người ở trạng thái tự nhiên”. Thuật ngữ “tự nhiên” được sử dụng ở đây được hiểu về phương diện nhận thức luận với tính cách là thiên nhiên, tức là một cái gì đó không hoàn thiện, một quá trình đang hướng đến sự hoàn thiện. Với J.J.Rousseau, trạng thái tự nhiên không phải là khái niệm được khái quát từ lịch sử hiện thực của xã hội loài người, mà đó chỉ là một giả thuyết thuần túy, không có sự chứng minh. Theo J.J.Rousseau, bản tính của con người tự nhiên là “thiện”, nhưng bị xã hội giả tạo làm cho đồi bại và biến chất đi. Có nghĩa là, bên trong mỗi con người hiện đại, vẫn lưu lại dấu vết của một bản ngã thiện hảo thời xa xưa. Khi con người còn chưa thể sử dụng lý tính, thì con người cũng chưa thể có được khả năng lạm dụng các năng lực của mình, nên chưa thể làm điều ác. Ở trạng thái tự nhiên, cái thiện của con người không phải là sự ngoan ngoãn ở phương diện đạo đức, mà chỉ là sự tuân theo tự nhiên.

Ở trong trạng thái tự nhiên, con người có vô số quyền tự do tuyệt đối. Tự do là từ bản chất con người mà có. Tự do và bình đẳng là điều tốt nhất cho tất cả mọi người và đồng thời chúng còn là mục tiêu của mọi hệ thống luật pháp. Chính vì vậy, tự do trong quan niệm của J.J.Rousseau là không thể tách rời khỏi bình đẳng, bởi lẽ, bình đẳng là tiền đề của tự do, không có nó thì sự tự do không thể tồn tại được. Bàn về “bình đẳng”, J.J.Rousseau không hiểu bình đẳng nghĩa là ai cũng có quyền thế và giàu có bằng nhau một cách tuyệt đối; nhưng phải hiểu là quyền lực không được dùng để gây ra bạo lực và chỉ được sử dụng trong khuôn khổ luật pháp và thẩm quyền; còn về sự giàu có thì không công dân nào có thể giàu có đến mức có thể mua kẻ khác và không ai nghèo đến mức phải tự bán mình. Điều này có nghĩa là người giàu phải sử dụng tiền bạc và địa vị một cách có chừng mực và người nghèo phải biết giới hạn sự tham lam và ham muốn của mình. Vì vậy, theo J.J.Rousseau, do bản tính tự nhiên mà tất cả mọi người sinh ra đều tự do, ngay cả khi một kẻ có thể từ bỏ tự do của mình thì hẳn ta cũng không thể đem cho tự do

của con cái hẳn. Bởi vì, chúng được sinh ra là những con người tự do. Tự do của chúng thuộc về chúng, không ai có quyền xâm phạm đến. Chúng ta thấy, J.J.Rousseau đặc biệt đề cao vai trò của tự do, coi đây là phẩm giá người, khi ông khẳng định: “Tự bỏ tự do của mình là từ bỏ phẩm chất con người, từ bỏ quyền làm người và cả nghĩa vụ làm người” [41, tr.36].

Trong quá trình sinh sống, con người dần dần nhận ra rằng họ cần phải liên hệ với nhau và họ đã hiểu rằng, tự do tuyệt đối là không cần thiết. Sự tự nguyện hạn chế kỳ vọng vô lý của mình sẽ có lợi hơn là việc tham gia vào cuộc chiến chống lại nhau của mọi người và đặc biệt sự xuất hiện của sở hữu tư nhân đã dẫn đến phá vỡ trạng thái tự nhiên của con người, dẫn đến xã hội công dân. Ông viết: “Phải chăng cứ đặt chân lên một mảnh đất chung là đủ để tuyên bố là ông chủ của mảnh đất ấy? Làm chủ rồi anh có đủ sức đẩy người khác ra không...Làm như vậy họ phải tước đoạt sinh mạng và thức ăn mà thiên nhiên đã ban chung cho con người [41, tr.50]. Theo ông, nguyên nhân làm cho trạng thái tự nhiên của xã hội bị phá vỡ, dẫn đến sự xuất hiện xã hội công dân, chính là do sự phát triển của khoa học cùng với việc sáng tạo ra nhiều công cụ lao động mới hoàn thiện hơn và đặc biệt là sự xuất hiện của sở hữu tư nhân.

3.1.2. Quan niệm của J.J.Rousseau về con người ở trạng thái xã hội

Trong trạng thái xã hội – trạng thái công dân, “con người đã phải trải qua những chuyển biến lớn lao. Đó là thời điểm dứt anh ta ra khỏi động vật mu muội để vĩnh viễn trở thành loài thông minh, thành một con người” [41, tr.14]. Đầu tiên, trong cách ứng xử của họ, công lý thay cho tiềm thức, trong hành vi của họ có thêm đạo nghĩa mà trước kia họ không có. Từ nay, tiếng nói nghĩa vụ thay thế cho những ham muốn bản năng. Đồng thời, họ phải hành động theo những nguyên tắc khác; họ phải suy xét bằng lý trí trước khi nghe theo dục vọng. Tiếp theo, con người mất đi một vài lợi thế trong trạng thái tự nhiên, nhưng con người đã thu được những lợi thế cao hơn: năng khiếu được vận dụng và phát triển, tư tưởng mở rộng ra, tình cảm cao quý thêm, tâm hồn được nâng lên. “Với khế ước

xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và cái quyền nhỏ nhoi được làm những điều muốn làm và chỉ làm được với sức lực hạn chế của mình, nhưng mặt khác con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái gì mà anh ta có được” [41, tr.14].

Sau đó con người có thể theo đuổi những mục đích cá nhân của mình và thể hiện với tư cách là lợi ích cá nhân. Tuy nhiên, trong xã hội, lợi ích của mỗi người là khác nhau và thậm chí là đối lập nhau. Vì vậy, sự thống nhất về lợi ích của mọi người tham gia Khế ước xã hội được thể hiện qua ý chí chung, khi đó thể hiện ra như là những công dân “Ý chí chung là của toàn thể dân chúng được công bố lên sẽ là một hành động của chủ quyền tối cao. Đó tức là luật” [41, tr.15]. Đây là cuộc sống chính trị xã hội, chứ không là cuộc sống riêng tư. Theo J.J.Rousseau, có sự khác biệt lớn giữa ý chí của mọi người và ý chí chung. Ý chí chung chỉ tuân theo lợi ích chung, còn ý chí của mọi người tuân thủ theo lợi ích cá nhân. Và nếu sự đối lập giữa những lợi ích cá nhân không cho phép xác lập xã hội, thì chính sự đồng thuận về lợi ích cho phép sự tồn tại tiếp theo của nó. Chủ quyền là sự thực hiện ý chí chung, do vậy không bao giờ bị tước đoạt.

J.J.Rousseau đã đúng khi nhận thấy sự phát triển của sản xuất vật chất với việc phát hiện ra nhiều công cụ lao động mới hoàn thiện hơn đã dẫn đến sự ra đời của xã hội công dân dựa trên sở hữu tư nhân. Cụ thể là “nghệ thuật khai thác kim loại cùng với trồng trọt – là hai phương tiện, mà sự phát kiến ra chúng dẫn đến sự chuyển biến to lớn đó. Theo quan điểm của nhà thơ thì vàng và bạc, theo quan điểm của nhà triết học thì đó là sắt và bánh mì - là những cái làm văn minh mọi người và huỷ hoại giống nòi” [dẫn theo 62, tr.358]. J.J.Rousseau đã hiểu được sự ra đời của xã hội công dân là kết quả tất yếu của xã hội phát triển từ thấp đến cao. Ông nhận thấy, xã hội công dân xuất hiện là từ sở hữu tư nhân, bởi chính việc thiết lập sở hữu tư nhân sẽ dẫn đến thu nhập của mọi người trong xã hội sẽ khác nhau. Từ đó, xã hội sẽ phân chia thành kẻ giàu người nghèo và nảy sinh ra các đạo luật xã hội, tạo ra những xiềng xích mới trói buộc kẻ yếu, đem lại quyền lực

cho kẻ mạnh, phá vỡ tự do tự nhiên, thiết lập những sở hữu và bất bình đẳng. Ông cho rằng, sở hữu tư nhân có hai mặt. Một mặt, nó nhằm phát triển lực lượng sản xuất, đem lại khả năng tự hoàn thiện và làm cho con người văn minh hơn. Mặt khác, nó trở thành mối bất hạnh cho con người. Chính những “ham muốn của con người là cái nô dịch và đem lại cái ác cho họ” [19, tr.64]. Tuy nhiên, J.J.Rousseau không xoá bỏ sở hữu tư nhân nói chung, mà lại coi quyền tư hữu nhỏ là cơ sở của xã hội. Theo ông, việc phân phối bình quân tài sản tư nhân là thích hợp nhất cho một nhà nước hợp với lý tính. Quan điểm của J.J.Rousseau khác với quan điểm của Morali và Mabolli, những nhà cộng sản chủ nghĩa không tưởng lại chủ trương xoá bỏ quyền tư hữu để khôi phục trật tự tự nhiên phù hợp với các quy luật của bản thân giới tự nhiên, qua đó sẽ xoá bỏ được các tệ nạn xã hội, chấn chỉnh con người để con người có một đời sống đạo đức và hạnh phúc.

Cuối cùng, trong giai đoạn này, xã hội xuất hiện đầy rẫy những bất công và áp bức. Các mối quan hệ xã hội hoàn toàn bị biến chất, đối lập với bản chất tự nhiên của con người. Chiến tranh và mọi tệ nạn xã hội khác xảy ra. Đây là thời đại xã hội bị tha hoá, đối lập với bản tính tự nhiên vốn tốt đẹp của nó. Theo J.J.Rousseau, cũng ở giai đoạn này, nhà nước xuất hiện trên cơ sở Khế ước xã hội do nhân dân lập ra một cách thâm lặng. Khế ước xã hội thiết lập nhằm cải biến mọi người khỏi tính ích kỷ cá nhân của họ và đảm bảo cho mọi người về quyền tự do, bình đẳng và lợi ích vốn có của con người. Sự thoả thuận cơ bản không những phá vỡ sự bình đẳng, tự nhiên mà ngược lại, thay thế sự bình đẳng về thể lực mà tự nhiên có thể tạo ra bằng sự bình đẳng về đạo đức và pháp luật. Mọi người tuy không đều nhau về mặt thể lực và trí tuệ, trở thành ngang nhau trong hiệu lực của khế ước.

Song trạng thái xã hội đã bộc lộ những điểm yếu của mình. Ông đã mô tả trạng thái nhân loại khi đó như là trạng thái suy đồi sâu sắc. Bởi vì J.J.Rousseau nhận thấy ánh hào quang rực rỡ mà văn minh bao phủ lên con người chỉ là giả dối. Ông cho rằng, toàn bộ sự giàu có chỉ cản trở con người nhận thấy sự bần cùng của nội tâm đích thực của mình. Con người chạy vào thế giới, xã hội, hiến dâng bản

thân mình cho vô số công việc, thú vui ở trong đó chỉ vì con người không thể đối mặt một mình với bản thân mình và cần xấu hổ với cái nhìn chân thực về bản thân mình. Theo ông, toàn bộ hoạt động vô bổ và vô mục đích ấy chỉ xuất hiện do có nỗi sợ hãi đối với sự yên tĩnh. Con người chỉ cần bình tâm trong chốc lát và thực sự ý thức xem nó là ai, thì nó sẽ trở thành vật hy sinh của sự thất vọng sâu sắc và vô vọng nhất. Ông kết án các lực lượng cố kết con người trong xã hội đương thời. Ông kiên trì nhấn mạnh rằng trong xã hội không có một nhạc đạo khởi thủy nào, không có ý nghĩa cộng sinh theo một chỉnh thể đích thực và chân chính, thậm chí không có sự đồng cảm tự nhiên – bản năng có thiện cảm là cái hợp nhất con người với nhau. Tất cả mọi mối quan hệ xã hội đều được thiết lập và căn cứ trên một ảo tưởng thuần túy. Thói ích kỷ và háo danh, khát vọng thống trị và trở thành trung tâm chú ý – đó là những sợi dây đích thực duy trì sự thống nhất trong xã hội.

Ông cho rằng, con người cần trở về trạng thái tự nhiên ban đầu của mình trên cơ sở cao hơn. Tất nhiên, không nên hiểu lời kêu gọi quay về với tự nhiên của J.J.Rousseau theo nghĩa đen. Ông kêu gọi duy trì một trạng thái xã hội, ở đó định hướng phát triển theo hướng “loại bỏ những hệ quả tai hại của phát triển trước đây. Sự phát triển duy kỹ thuật và cùng với nó là trạng thái văn hoá đứng đối lập với tự nhiên mà ông gọi là nguồn gốc sinh ra mọi tai hoạ của con người” [19, tr.67-68]. Mọi bất công và tệ nạn trong xã hội công dân phải được xoá bỏ. Các kỷ cương xã hội được lập lại. Tự do bình đẳng được khôi phục. Nhân dân xây dựng lại nhà nước trên cơ sở Khế ước xã hội mới nhằm phục vụ quyền lợi cho con người. Giờ đây xã hội đã phát triển hơn nhiều so với thời kỳ đầu của nhân loại, thời kỳ mà “người nông dân và văn minh khác nhau về tâm hồn, các năng khiếu, thiên hướng, ham thích tới mức tột đỉnh của người này dẫn đến bất hạnh cho người kia” [dẫn theo 62, tr.361].

Để thực hiện điều đó, J.J.Rousseau đã vạch ra một con đường mà trước đây chưa ai tìm kiếm. J.J.Rousseau cho rằng, con người càng ứng dụng khoa học vào đời sống xã hội, cuộc sống của con người càng văn minh hơn. Văn minh mang lại

hiều thay đổi và hỗ trợ cho con người trong nhiều mặt của cuộc sống. Tuy nhiên, văn minh cũng làm ảnh hưởng đến sự phát triển tự nhiên của con người. J.J.Rousseau chủ trương đưa ra quan điểm về con người và giáo dục nhằm giảm thiểu sự tác hại của văn minh. Theo ông, có thể hiện thực hoá thiết kế về xã hội lý tưởng tương lai thông qua hình thức giáo dục mới, ở đó định hướng phát triển cá tính bẩm sinh. Với mục đích này, ông đề nghị phát triển tự do các nhu cầu của con người để họ trưởng thành ở bên trong tự nhiên. “Đời sống văn hoá nên tập trung vào tiếng nói nội tại của tự nhiên, chứ không phải những suy luận sao cho phù hợp với lý tính. Cần phải tiến hành giáo dục trong lòng tự nhiên” [19, tr.68]. Theo J.J.Rousseau, đứa bé sinh ra không có một thói xấu nào, bản thân nó là sự hoàn hảo. Nhiệm vụ của nhà giáo dục là duy trì sự hoàn hảo ấy.

3.2. Mục tiêu giáo dục trẻ em

Xuất phát từ quan điểm của J.J.Rousseau về quyền tự nhiên và tự do của con người, ông đã phê phán cách cai trị của xã hội đương thời. Nếu như trong Khế ước xã hội, câu đầu tiên J.J.Rousseau viết: “Con người sinh ra tự do, và đâu đâu cũng bị trong xiềng xích”, thì cũng vẫn với ngòi bút sắc sảo giọng văn đầy mỉa mai, khiêu khích đó, ngay trang mở đầu tác phẩm Émile hay là về giáo dục, J.J.Rousseau đã nhận định về con người xã hội một cách thẳng thắn: “Mọi thứ từ bàn tay Tạo hoá mà ra đều tốt: mọi thứ đều suy đồi biến chất trong bàn tay con người. Con người bắt ép một chất đất phải nuôi các sản phẩm của chất đất khác, một cái cây phải mang quả của cây khác; con người hoà trộn và lẫn lộn các khí hậu, các yếu tố, các mùa; con người cắt xẻo các bộ phận trong thân thể con chó của mình, con ngựa của mình, nô lệ của mình; họ đảo lộn mọi thứ (...). Các thành kiến, uy quyền, sự cần thiết, tấm gương, mọi thể chế xã hội, trong đó chúng ta bị chìm ngộp, sẽ bóp nghẹt bản tính tự nhiên ở anh ta, và chẳng để gì thay thế vào đó...” [42, tr. 31]. Qua đó, J.J.Rousseau muốn vẽ ra trước mắt độc giả một bức tranh khái quát về sự giáo dục trong xã hội đương thời mà ông

sống. Và ông gọi đó là “sự giáo dục man rợ hy sinh hiện tại cho một tương lai vô định, sự giáo dục bắt đứa trẻ mang đủ loại xiềng xích, và khởi đầu bằng việc làm nó khôn khổ, để chuẩn bị từ xa cho nó một thứ hạnh phúc gì chẳng biết mà có lẽ nó sẽ chẳng bao giờ thụ hưởng” [42, tr. 87]. Nền giáo dục mà J.J.Rousseau đã và đang phải chứng kiến trong xã hội đương thời của ông là nền giáo dục mà ở đó, nội dung giáo dục chỉ tập trung vào những điều con người cần biết, không coi trọng những điều trẻ con có thể học được. Giáo dục luôn tìm người lớn trong đứa trẻ mà không nghĩ về hiện trạng của đứa trẻ trước khi nó là người lớn. Luôn thuyết giáo, luôn nói đạo đức, luôn mô phạm với những lời lẽ dài dòng - điều đó khiến đứa trẻ mệt mỏi, ngán ngẩm khi tiếp thu. Theo J.J.Rousseau, với nền giáo dục đó, sự xuyên tạc và trá ngụy được diễn ra là do con người luôn bị động khi phải chạy theo xã hội, người ta chỉ quan tâm đến những gì xã hội cần hoặc người khác chờ đợi ở chính mình và vì vậy, họ phải tìm cách thích ứng với xã hội.

J.J.Rousseau khẳng định, giáo dục của xã hội hướng về hai mục đích tương phản mà lẽ cả hai, tạo nên những con người kép luôn ra vẻ đem lại tất cả cho người khác, song bao giờ cũng chỉ mang lợi cho riêng mình. Sự giáo dục đó hoàn toàn nhọc công và uổng phí. Từ thực trạng của nền giáo dục đương thời, phản đối kịch liệt sự giáo dục đó, J.J.Rousseau đã đưa ra những mục tiêu khác mà giáo dục phải hướng đến đạt được. Theo J.J.Rousseau, mục tiêu giáo dục cần đáp ứng những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, mục tiêu của J.J.Rousseau là giáo dục phát triển theo khuynh hướng tự nhiên của trẻ (thuận theo tự nhiên). J.J.Rousseau viết: “Sự giáo dục đó đến với chúng ta từ tự nhiên” [42, tr.33], ông tin rằng, bản tính tự nhiên của con người phù hợp với giáo dục tự nhiên. Vậy, tại sao con người từ bản tính tự nhiên là tốt nhưng khi trưởng thành lại ích kỷ, tư lợi? Bởi vì, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, có khuynh hướng tách rời con người khỏi trạng thái tự nhiên của họ đưa họ có đời sống cao hơn song cũng mang lại cho họ những bất hạnh

và đau khổ. Văn minh mang đến cho con người nhiều cám dỗ về vật chất để bản tính con người ngày càng bị suy đồi “cái làm cho con người căn bản thiện tâm, là do có ít nhu cầu, và chẳng mấy khi muốn so sánh với kẻ khác; cái làm cho căn bản là độc ác là do có quá nhiều nhu cầu và chú trọng quá nhiều đến dư luận” [42, tr.285]. Vì vậy, mục tiêu của giáo dục là phải làm cho cái thiên chân trong con người không những được bảo tồn mà còn phải được phát huy tối đa. Giáo dục nên đào tạo con người vì chính con người để trở thành những tác nhân cải tạo xã hội chứ không phải là nhân tố tái tạo xã hội. Vì vậy, “con người tự nhiên được đào tạo bởi giáo dục tự nhiên, tức là con người mới được phát triển tự do và phối hợp giữa thể chất và tinh thần, không bị ràng buộc và áp bức của xã hội”⁵ [83, tr.420]. Và trong trật tự tự nhiên, nơi mọi người đều bình đẳng thì làm người là nghề nghiệp chung của họ. Ra khỏi sự giáo dục, đưa trẻ trước hết thành người. Và bất cứ ai được giáo dục để làm người (một con người đích thực) thì sẽ chẳng bao giờ phải lo lắng về đạo đức, nhân cách và khả năng của người đó. Quan điểm trên của J.J.Rousseau xuất phát từ lòng nhân đạo, tình yêu thương con người, hàm chứa tính nhân bản vô cùng sâu sắc, giáo dục con người hướng tới một xã hội đại đồng. Giáo dục tự nhiên, đặc biệt nhấn mạnh đến quá trình phát triển tự nhiên của trẻ trong quá trình giáo dục ấy, trẻ được tôn trọng quyền và những giá trị cơ bản của mình. Mọi thứ người lớn làm cho trẻ, chỉ là đưa ra những gợi mở để trẻ được tự do phát triển, thuận theo tự nhiên.

Thứ hai, mục tiêu giáo dục của J.J.Rousseau là hướng tới “sự phát triển cá nhân”⁶ [67, tr.6532]. Quá trình này phụ thuộc vào phản ứng của người học trước điều được truyền đạt. Đến đây vai trò trung tâm của người học trở nên rõ ràng. Người học là mục đích tồn tại của hoạt động giáo dục, ở đó giáo dục sẽ “định hướng phát triển cá nhân bẩm sinh” [19, tr.68]. Bởi vì nền dân chủ được

⁵ “Rousseau believes that the natural person trained by natural education, that is, the new person who is free and coordinated development of body and mind, free from social bondage and oppression”.

⁶ “To develop individuality”

thúc đẩy bởi những cá nhân sáng tạo, vì thế sự đóng góp của giáo dục cho xã hội cốt ở sự phát triển những cá nhân tự do, có trí tưởng tượng và có óc sáng tạo. Cá nhân được trao quyền tự do không hạn chế và chỉ khi đó sự phát triển hài hòa của người học mới diễn ra. Tự do phải được trao cho mỗi cá nhân trong bối cảnh xã hội chứ không phải đến mức độ dẫn đến sự tan rã của xã hội. Con người tự do không “phục tùng luôn cúi của một nô lệ”, cũng không có “giọng điệu hách dịch của một chủ nhân” [42, tr.206]. J.J.Rousseau nhấn mạnh sự phát triển cá nhân để hướng tới những công dân lý tưởng, người có óc xét đoán công minh và một trái tim khỏe mạnh. Con người luôn sống và tỏ ra chính là mình, không hào nhoáng bên ngoài, không thêm không bớt, khi được lôi kéo ra bên ngoài xã hội, do đã được giáo dục, “anh ta có khả năng chống lại các tật xấu để đến khi trưởng thành gia nhập xã hội sống chung với người khác” [52, tr.245]. Tương tự, quá trình giáo dục được khuyến khích và duy trì bằng lực thúc đẩy của ham muốn, hứng thú và mục đích của người học. Giống như trật tự xã hội tiến bộ một cách vững chắc và năng động nhất nhờ việc các cá nhân có cơ hội bày tỏ mình nhiều nhất, nhà trường hoạt động tốt nhất khi nó dựa trên nguyên tắc của sự phát triển cá nhân dành cho người học. Hiểu theo nghĩa này thì nhà trường có thể thực sự được coi là “lấy người học làm trung tâm”.

Để mỗi cá nhân được phát triển một cách tối đa, người được giáo dục phải đạt được sự hài hoà giữa ba phương diện đạo đức, trí năng và thể chất. Hình ảnh một người trẻ, J.J.Rousseau muốn tạo ra là tự lập, tự tin vào bản thân, mạnh khỏe về thể chất và tinh thần, chân tay lanh lẹ, “trí óc đúng đắn và không thành kiến, tâm hồn tự do... Không phá rối sự an tĩnh của ai hết, nó đã sống hài lòng, hạnh phúc và tự do, hết mức mà thiên nhiên cho phép” [42, tr.277]. Trong suốt các tác phẩm *Émile hay về giáo dục*, độc giả có thể thấy, Émile đã được giáo dục để có một thể lực khỏe mạnh, một ý chí vượt qua mọi khó khăn để thoát khỏi những cám dỗ. Đặc biệt, giáo dục cũng phải tạo ra con người có đạo đức, biết rung cảm, biết thương xót, có lòng trắc ẩn. Giáo dục phải dạy cho

học sinh làm những việc tốt, không chỉ là việc bỏ một số tiền túi ra bố thí cho những người nghèo khó mà bằng sự chăm sóc đối với họ, dạy cho học sinh lấy lợi ích của họ làm lợi ích của mình, phục vụ họ, bảo vệ họ, dành cho họ cả con người và thời gian. Đạo đức sẽ điều khiển trí năng, khiến cho con người biết tuân theo tiếng gọi của lương tâm, hướng đến điều thiện. Trí năng và đạo đức chỉ tỏa sáng rực rỡ khi nó được nâng đỡ trên cơ thể tràn trề sinh lực, một thân hình khỏe mạnh, các giác quan nhạy bén, một thần thái sáng suốt.

Thứ ba, mục tiêu của giáo dục không phải là dạy cho trẻ em kiến thức, mà dạy cho trẻ biết làm thế nào để có kiến thức, “Vấn đề là chỉ ra cho nó cần làm thế nào để luôn khám phá ra sự thật hơn là bảo cho nó biết một sự thật” [42, tr.273]. J.J.Rousseau muốn đứa trẻ phải tự học hỏi, phải tự sử dụng lý trí của nó chứ không phải sử dụng lý trí của người khác. Ông mong muốn đứa trẻ có một đầu óc phổ quát, cởi mở, thông minh, sẵn sàng cho tất cả. J.J.Rousseau không dạy đứa trẻ khoa học một cách áp đặt mà dạy nó “tiếp thu khoa học theo nhu cầu” [42, tr.276]. Khả năng của mỗi đứa trẻ là khác nhau nên sự lựa chọn kiến thức cũng khác nhau. Ông có xu hướng lấy chức năng cụ thể của kiến thức làm cơ sở của sự lựa chọn. Bởi vì chỉ có kiến thức thực sự hữu ích mới có thể thúc đẩy sức khỏe thể chất và tinh thần và sự phát triển hài hòa các mặt của trẻ, để mọi người có thể trở thành một người phát triển tự nhiên trong một xã hội không cần phải phụ thuộc vào người khác và có thể tự hỗ trợ. Câu hỏi không phải là những gì trẻ đã học được, mà là những gì trẻ đã học được để trở nên hữu ích. Để trẻ tự tìm kiếm kiến thức, theo J.J.Rousseau, trẻ phải được rèn luyện cách tự học.

Thứ tư, mục tiêu giáo dục là dạy đứa trẻ làm người tự do chứ không đào tạo đứa trẻ thành ông này bà nọ trong xã hội. Con người tự do là con người khi tư duy hay hành động, không bị ràng buộc bởi vật chất, thành kiến hay dư luận, không bị những đam mê dục vọng khống chế. “Con người đó là con người trưởng thành, quyết định và hành động hợp lẽ sống trong sự tôn trọng tự nhiên

và sự thật, tôn trọng người khác chứ không lệ thuộc bất cứ ai” [52, tr.245]. Theo J.J.Rousseau, mục tiêu giáo dục cũng không phải tạo ra người giàu, người nghèo, hay để phân biệt giữa người giàu và người nghèo, mà trong trật tự tự nhiên, tất cả đều bình đẳng. Ông viết: “Vì người giàu chẳng có dạ dày to hơn người nghèo và chẳng tiêu hoá tốt hơn người nghèo; vì ông chủ chẳng có cánh tay dài hơn cũng như mạnh hơn người nô lệ;... và cuối cùng do các nhu cầu tự nhiên ở khắp nơi đều giống nhau, nên các phương sách để cung ứng cho các nhu cầu ấy ắt phải như nhau ở khắp nơi. Hãy làm cho sự giáo dục con người phù hợp với con người, chứ không phải với cái gì không hề là anh ta. Các vị không thấy rằng trong khi ra sức đào tạo con người chỉ chuyên cho một địa vị, là các vị đã khiến anh ta vô dụng với bất kỳ địa vị nào khác” [42, tr.256]. Bởi vậy, J.J.Rousseau viết: “Sống là nghề tôi muốn dạy anh ta”, “việc học tập đích thực của chúng ta là học tập về thân phận con người” [42, tr.38]. Giáo dục là nghệ thuật xây dựng con người. Bởi vì, con người ở mọi địa vị là như nhau. Con người chỉ có một nghề duy nhất được phép học đó là học làm người.

Thứ năm, mục tiêu giáo dục con người để “đảm bảo được hạnh phúc quá khứ và hiện tại”⁷ [67, tr.6532]. Khi con người được giáo dục không phải vì bất kỳ một vị trí hay đẳng cấp nào, người đó sẽ thấy cuộc sống được tự do và hạnh phúc. Hạnh phúc thật sự là con người được sống thật với bản tính tự nhiên và nguyện vọng của mình “con người đã sống nhiều nhất không phải là người đã đếm được nhiều năm nhất mà là người đã cảm nhận cuộc đời được nhiều nhất” [42, tr.39]. Nếu không được giáo dục làm cho cuộc sống có giá trị, thì theo J.J.Rousseau, dù “lúc nhắm mắt xuôi tay có xa buổi lọt lòng đi nữa cũng chẳng có ích gì, cuộc đời vẫn cứ là quá ngắn ngủi khi khoảng cách thời gian ấy không được sử dụng đủ đầy” [42, tr.285]. Vậy làm thế nào để trẻ được sống, tự bảo vệ cuộc sống của mình và có được hạnh phúc thực sự? Câu trả lời là trẻ cần được cung cấp những thứ mà khi sinh ra, con người chưa có, nhưng lại rất cần khi

⁷ “To secure present and past happiness”

con người lớn lên. Con đường mà J.J.Rousseau lựa chọn và đặt tên là con đường tự nhiên. Tự nhiên rèn luyện trẻ em không ngừng; tự nhiên làm tính tình chúng cứng rắn lên bằng đủ loại thử thách. Chính nhờ các thử thách này mà đứa trẻ mạnh lên - đó là vũ khí chống lại những tai họa có thể mang đến cho trẻ tại mọi thời điểm. Chỉ khi trẻ được sống cuộc sống của chính mình, tự mình dũng cảm vượt qua những thử thách cuộc sống để tìm đến những gì chúng muốn và thấy có ý nghĩa thì chúng mới cảm nhận được hạnh phúc thực tại.

Như vậy, **bản chất** đích thực của giáo dục là quá trình phát triển tự nhiên của con người. Bởi vì, con người có quyền tự nhiên là được tự do, bình đẳng, vì vậy, nền giáo dục chân chính phải hướng đến bản tính tự nhiên của con người. Theo J.J.Rousseau, hiệu quả từ giáo dục thể hiện ở sự phát triển năng lực của con người. Để đánh giá phát triển năng lực của con người, chúng ta buộc phải dựa vào hoạt động và thành tựu của cá nhân đó trong đời sống cộng đồng. Hiệu quả từ giáo dục có được do chủ động sử dụng các khả năng cá nhân vào các việc mang ý nghĩa cộng đồng. Giáo dục mang lại sự tiến bộ xã hội được xem là mục tiêu. Mọi mục tiêu chỉ có ý nghĩa chừng nào nó hỗ trợ sự quan sát, lựa chọn và lập kế hoạch để duy trì hoạt động trong mọi thời khắc và giây phút. Sau khi thể hiện thành các mục tiêu cụ thể, hiệu quả giáo dục thể hiện bằng việc rèn luyện năng lực sống cho con người. Con người không thể sống thiếu các phương tiện sinh sống; cách sử dụng và tiêu thụ các phương tiện đó ảnh hưởng sâu sắc tới mối quan hệ giữa người và người. Vì vậy theo J.J.Rousseau cần đề cao vai trò của một nền giáo dục nhằm mục đích giúp con người tiến bộ về mặt nhận thức trong cuộc sống xã hội, có đủ khả năng tham gia và phát triển trong xã hội. Hơn nữa, giáo dục có vai trò hình thành những người công dân tốt, những tư cách công dân tốt. Những phẩm chất tốt nó bao hàm khả năng xét đoán sáng suốt cùng với những cam kết cá nhân và trách nhiệm cộng đồng để xây dựng một xã hội vững mạnh.

Tóm lại, mục tiêu giáo dục của J.J.Rousseau chú trọng đặc biệt đến việc giáo dục trẻ thuận theo tự nhiên. Đối với việc học tập của trẻ, J.J.Rousseau nhấn mạnh đến việc tạo cho trẻ kỹ năng học hướng tới sự phát triển cá nhân, có nghĩa là để trẻ tự tìm kiếm kiến thức bằng sự đam mê và khám phá của mình. Một công dân lý tưởng trước hết phải là một người khỏe mạnh, có đức, có tài và phải được giáo dục từ khi còn nhỏ. Ngay từ khi còn là trẻ thơ, trẻ phải hiểu được những gì mình học, những gì mình làm hướng tới điều gì. Chỉ như vậy, trẻ mới cảm nhận và thấy hết được ý nghĩa của cuộc sống. Và sự rèn luyện và học tập đạo đức, trí năng và thể lực sẽ hướng đến hạnh phúc của trẻ.

3.3. Đối tượng và chủ thể giáo dục là trẻ em

Giáo dục học truyền thống quan niệm rằng: giáo dục là quá trình truyền đạt tri thức và kinh nghiệm hoặc là quá trình rửa tội và thanh lọc tâm hồn hoặc có thể là một quá trình khai sáng nhằm giúp con người tự do sử dụng lý trí. Giáo dục truyền thống phớt lờ và hạ thấp những đặc tính riêng biệt của trẻ cũng như những suy nghĩ bất thường, những kinh nghiệm của chúng. Những đặc điểm do buộc phải bị che đậy hoặc bị loại bỏ. Vấn đề của giảng dạy trở thành cung cấp sách giáo khoa đưa ra những phân và trình tự hợp logic của nội dung. Nội dung cung cấp mục đích và quyết định phương pháp .

J.J.Rousseau đã phê phán nền giáo dục cổ truyền. *Đối tượng* giáo dục ông bàn đến là trẻ em “sự giáo dục bắt đầu từ khi anh ta ra đời; trước khi nói, trước khi nghe thấy, con người đã học tập rồi” [42, tr.67]. Theo J.J.Rousseau, ngay từ khi còn nhỏ, trẻ em thật sự cần thiết phải được giáo dục, bởi vì “Người ta uốn nắn cây nhờ vun trồng và đào luyện con người nhờ giáo dục. Nếu con người sinh ra vốn cao lớn mạnh mẽ, thì tầm vóc và sức mạnh của anh ta sẽ vô dụng đối với anh cho đến khi nào anh học được cách sử dụng chúng” [42, tr.32]. Trẻ em là những người còn ngây thơ, chưa bị ảnh hưởng từ mặt trái của văn minh, những cám dỗ từ xã hội nên việc giáo dục trẻ ngay từ khi còn nhỏ sẽ định hình sự phát triển của trẻ theo khuynh hướng tự nhiên. Khi trẻ đã trưởng thành và

bắt đầu có thể tự suy nghĩ và lựa chọn các thiên hướng phù hợp với chính mình, nên giáo dục sau tuổi hai mươi lăm sẽ không phù hợp, giống như cái cây đã trưởng thành, rất khó để uốn nắn.

J.J.Rousseau cho rằng trẻ em cần được giáo dục thuận theo tự nhiên, là trung tâm và là mục đích của giáo dục. Sự phát triển và trưởng thành của trẻ là việc giáo dục phải hướng đến và thực hiện. Vì vậy, J.J.Rousseau coi nhiệm vụ lớn lao nhất của mình trong giáo dục là nghiên cứu trẻ em. Vì sao J.J.Rousseau lại quan tâm đến giáo dục trẻ em? Về vấn đề này ông đã lý giải như sau “Người ta phàn nàn về trạng thái tuổi thơ, người ta không biết rằng loài người sẽ tiêu vong, nếu như con người không khởi đầu bằng việc là trẻ thơ” [42, tr.32]. Theo J.J.Rousseau, giáo dục phải hướng quan tâm đặc biệt đến việc hiểu trẻ em, người học, vì chính trẻ em là khởi đầu, chuẩn bị cho sự tồn vong, hưng thịnh, sự phát triển của mọi quốc gia trên thế giới. Quan điểm đó rất căn bản, chính xác, thể hiện trách nhiệm hết sức lớn lao của J.J.Rousseau đối với sự nghiệp giáo dục.

Ngoài ra, J.J.Rousseau cho rằng hoàn cảnh của người nghèo và người giàu có sự khác biệt hoàn toàn. Đối với người nghèo, chính hoàn cảnh sống của họ đã giáo dục họ, “Sự giáo dục tự nhiên ắt phải làm cho con người thích hợp với mọi thân phận” [42, tr.54]. Trong khi đó, người giàu sống ở nơi diễn ra nhiều nhất sự thị phi, đòi hỏi; họ lại đang nhận được sự giáo dục của một nền giáo dục ít thích hợp nhất cho cả bản thân họ và cho cả xã hội, nên họ cần phải được giáo dục một cách hợp lý. Mặt khác, theo tỷ lệ hoàn cảnh thực tế thì số người phá sản nhiều hơn số người phát lên, do đó hãy chọn kẻ giàu để giáo dục; chỉ ít ta cũng chắc chắn là đã đào tạo được thêm một con người [Xem: 42, tr.54].

Tất cả các môn học, các phương pháp giáo dục đều phụ thuộc vào khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển khả năng của mỗi cá nhân chứ không phải sự nhận thức hay kiến thức của trẻ. Học tập mang tính chủ động, có nghĩa là học tập xuất phát từ trẻ em và vì lợi ích và

năng lực của trẻ em. Trẻ em không phải là nội dung mà là *đối tượng* của giáo dục. Song chỉ *đối tượng* đúng đắn là chưa đủ nếu không nhận thức đúng *chủ thể* tác động vào *đối tượng*. Nhưng *chủ thể* không đứng im mà luôn vận động để phù hợp với sự thay đổi của *đối tượng* cần tác động. Trẻ em là *đối tượng* của giáo dục và trẻ em có quyền quyết định mình phải được giáo dục để trở thành người như chúng muốn. Tuy nhiên, nếu không có sự tác động của cha, mẹ, thầy giáo, v.v., những đứa trẻ đó khó có thể phát huy được hết khả năng của mình. Tuy nhiên, có một sự thật đáng lên án, đó là không hề hiểu biết trẻ em hoặc hiểu sai lầm về trẻ em. Ông viết “Chúng ta không bao giờ biết đặt địa vị của mình vào trẻ em, chúng ta không thâm nhập các ý tưởng qua chúng, chúng ta gán cho chúng các ý tưởng của mình; và bằng cách luôn đi theo những suy luận của mình, và những chuỗi chân lý nối tiếp, chúng ta chỉ chồng chất vào đầu óc chúng toàn những điều ngông cuồng và sai lầm vô lý mà thôi” [42, tr.221]. Vì vậy, cha, mẹ, cần phải đóng vai trò là *chủ thể* của giáo dục để tác động, định hướng và tạo điều kiện tối đa cho trẻ phát triển. Theo J.J.Rousseau, hãy để cho bản tính tự nhiên của trẻ em hoàn thành số mệnh của chính nó, hãy để cho bản tính của trẻ em tự bộc lộ và được phát hiện trong bất cứ mọi hoàn cảnh. Nhưng cha, mẹ cũng có vai trò vô cùng quan trọng. Nếu họ không biết, không quan tâm hoặc để tâm tìm hiểu về học trò của mình, thì sẽ không hiểu được năng lực, năng khiếu, thái độ, tâm lý của trẻ qua mỗi giai đoạn. Cha, mẹ cũng sẽ không hiểu được bằng cách nào để trẻ em khẳng định năng lực ấy, vận dụng năng khiếu ấy và hình thành thái độ ấy trong hiện thực.

Một trong những điều ta không thể không quan tâm ở đây là tư tưởng của J.J.Rousseau cho rằng, người thầy có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, người thầy chỉ đóng vai trò hướng dẫn và khai mở những khả năng tiềm tàng của người học. “J.J.Rousseau đã đánh giá đúng rằng người thầy không nên can thiệp vào các hoạt động của trẻ. Nhiệm vụ của người thầy nên thấy rằng giáo dục của học sinh là sự phát triển tự do về lợi ích và động cơ của

họ”⁸ [67, tr.6532]. Đối với ông, người thầy phải có tri thức về giáo dục, đó là hình mẫu về người thầy. Trong một nền giáo dục cần có những người thầy như thế. Chỉ có như vậy, người thầy mới hiểu được bản chất, nội dung, chức năng, mục tiêu, phương pháp giáo dục; mới hiểu được người học; hiểu được những yêu cầu thực sự của đời sống; mới có thể hình dung được cái sản phẩm giáo dục của mình; mới không đem cái ý kiến, tư tưởng, tưởng tượng chủ quan của mình chụp lên đứa trẻ. Ông đòi hỏi người thầy hướng dẫn cho đứa trẻ và không được ngộ nhận mình là người ra lệnh, mà trái lại phải thấy khả năng phát triển của chính đứa trẻ và người thầy phải tạo điều kiện tối đa để khả năng của trẻ được phát triển. Đây là tư tưởng giáo dục rất sâu sắc của J.J.Rousseau. Đương nhiên, J.J.Rousseau không nhầm lẫn “điều khiển” với hướng dẫn. Ông cho rằng phải hiểu được, thừa nhận sự thật nói trên thì người thầy mới có thể thực hiện được công việc hướng dẫn. Vì thế, “hãy sớm chuẩn bị cho trẻ quen tự do và sử dụng sức lực của nó, bằng cách để thân thể nó có thói quen tự nhiên, bằng cách đặt nó trong trạng thái luôn được tự chủ, được làm mọi điều theo ý muốn của nó, một khi nó có ý muốn nào đó” [42, tr.68]. Như vậy, theo ông, người học phải là trung tâm của quá trình giáo dục; người học phải học tập một cách tích cực, chủ động; người thầy phải thấy rõ công việc hướng dẫn của mình như một “nghệ thuật”. Đây quả thực là điều rất đặc sắc của tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau.

Tóm lại, theo J.J.Rousseau, giáo dục phải xuất phát từ trẻ em. Vì giáo dục chính là sự phát triển tự nhiên của trẻ, nên nó phải là quá trình của người học chứ không phải của người dạy. Giáo dục chính là quá trình mà người học là trung tâm. Trẻ em là đối tượng của giáo dục được hướng dẫn, định hướng từ cha, mẹ, người thầy thể phát huy được những khả năng tiềm ẩn của mình. Chính trẻ em là tương lai của dân tộc; đất nước có phát triển hay không, chúng

⁸ “Teacher should not interfere with the activities of the children. The teacher duty is that the should see that the education of the students is the development of their interests and motives”.

ta có thể nhìn ngay vào việc giáo dục và đầu tư cho trẻ em. Nếu trẻ em được giáo dục đúng, những công dân trong tương lai sẽ định hình nên cả một đất nước sau này. Người dạy là người khơi gợi những tri thức để người học tìm hiểu và chiếm lĩnh tri thức ấy.

3.4. Nội dung giáo dục trẻ em

Qua những câu chuyện về cuộc đời của J.J.Rousseau trong tác phẩm *Những lời bộc bạch*, ông đã tự viết lên những suy nghĩ về tầm quan trọng của việc tạo ra một môi trường bình đẳng, tự do, nơi con người được trân trọng, được yêu thương, để con người được sống tử tế và từ đó ngược lại bằng hành động, thái độ sống tử tế, con người giúp môi trường sống của mình ngày càng tốt đẹp hơn. J.J.Rousseau đã lên án nền giáo dục của xã hội đương thời, nội dung giáo dục chỉ tập trung vào những điều con người cần biết mà không coi trọng những điều trẻ em có thể học được. Ông kêu gọi phải giáo dục tự nhiên và giáo dục tự do, vì tự nhiên mong muốn rằng trẻ em phải sống đúng nghĩa trước khi trưởng thành. Đặc điểm lớn nhất của giáo dục tự nhiên J.J.Rousseau là từ quan điểm về bản chất con người, con người phải luôn tuân theo các nguyên tắc tự nhiên, để cơ thể và tâm trí của trẻ em có thể được phát triển tự nhiên và tự do trong giáo dục. Vì vậy, nội dung giáo dục nên “theo bản chất tự nhiên của trẻ em và tổ chức theo nó”⁹ [80, tr.322].

Thông qua các sự kiện trẻ em quan sát, đọc, xem, thảo luận trong quá trình thực tế, chúng sẽ nắm bắt được phần nào những nội dung mà giáo viên muốn hướng tới. Tức là nội dung là cái mà ta thu được trong diễn biến của một tình huống có mục đích cụ thể. Theo J.J.Rousseau, nội dung giáo dục là một khái niệm được mô tả như là những điều mà người học thực sự dùng đến khi hành động trong một tình huống có mục đích. Tri thức có tổ chức sẵn, dù quan trọng thế nào đi nữa, cũng phải phục vụ mục đích của việc dạy. Khái niệm, mệnh đề và lý thuyết được đưa vào, khi chúng cần thiết cho việc giải quyết vấn

⁹ “Education contents should follow the nature of child and organization according it”

đề. Khi vấn đề trở nên phức tạp hơn thì cần phải có tri thức có hệ thống hơn. Nhưng ngay cả khi ấy, việc tổ chức tri thức cũng không nên đơn thuần làm theo sự chỉ đạo của phương pháp truyền thống, mà phải dựa trên sự phù hợp của tri thức đối với những vấn đề cụ thể.

Cuộc sống của trẻ em là một chỉnh thể hoàn chỉnh. Trẻ em nhanh chóng và dễ dàng chuyển từ chủ đề này sang chủ đề khác, hoặc từ một địa điểm này sang địa điểm khác, song chúng không ý thức được sự chuyển tiếp và gián đoạn. Khi trẻ đi học, các nội dung học chia cắt thể giới của trẻ. Các nội dung học có sự phân loại khác nhau nhưng đó là sản phẩm của các thể hệ đi trước chứ không phải sản phẩm của kinh nghiệm của trẻ em, nên luôn có sự vênh nhau giữa kinh nghiệm của trẻ em và các hình thức khác nhau của nội dung. Vì thế cần thiết phải khôi phục lại nội dung của các môn học gắn với kinh nghiệm, ở bên trong kinh nghiệm, gần gũi và thực tế với trẻ em. Nội dung ấy cần được biến đổi thành quá trình tâm lý của người học. Quá trình giáo dục một con người từ lúc mới chào đời đến lúc trưởng thành theo tư tưởng của J.J.Rousseau bao gồm rất nhiều nội dung khác nhau từ cách ăn uống, mặc, ngủ, sử dụng các giác quan đến những điều lớn lao hơn như lao động, giáo dục giới tính, giáo dục các môn khoa học, giáo dục tôn giáo hay hướng trẻ biết quan tâm đến mọi người và đặc biệt có lòng yêu thương con người. Trong đó, J.J.Rousseau bàn đến chủ yếu qua ba khía cạnh chính là: giáo dục thể chất, giáo dục trí năng và giáo dục đạo đức.

3.4.1. Quan niệm của J.J.Rousseau về giáo dục thể chất

J.J.Rousseau đã mang vào thực tiễn giáo dục những quan điểm đúng đắn của mình về triết học, tâm lý học. Ông đặt niềm tin vào tầm quan trọng của việc theo sát trẻ, từ đó điều chỉnh nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ. Mặc dù nhận thức được sự khác biệt khả năng bẩm sinh của mỗi cá nhân khi sinh ra nhưng ông luôn có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của giáo dục. Trong tác phẩm *Những lời bộc bạch*, J.J.Rousseau chia

sẻ rằng: sức khỏe của ông rất yếu, nhiều lần bị ốm và trải qua những cơn sốt nghiêm trọng “Trước hết là sức khỏe xấu. Cơn bệnh cấp tôi vừa mắc có những hậu quả khiến tôi không bao giờ còn khỏe mạnh được như trước đây” [43, tr.461]. Chính vì vậy, J.J.Rousseau hiểu rằng, giáo dục thể chất là một trong những nội dung quan trọng, hàng đầu, trẻ phải có sức khỏe tốt, sau đó mới có thể học được những nội dung giáo dục khác, trước tiên “để cho thân thể nó được tự do mạnh mẽ lên bằng sự tập luyện không ngừng mà bản năng yêu cầu nó” [44, tr.536]. Tạo mọi điều kiện để trẻ được vận động cơ thể, làm những thứ chúng muốn liên quan đến thể chất. “Nên rèn luyện thể chất và sức khỏe cho trẻ như chạy, nhảy, leo trèo và bơi lội. Đứa trẻ phải được phép tự do đi lại tối đa”¹⁰ [67, tr.6531]. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển của trẻ. Giáo dục tự nhiên và tự do, lấy người học làm trung tâm là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt mọi nội dung giáo dục của J.J.Rousseau. Ông quan tâm đến sự tự do và thoải mái của trẻ bắt đầu từ những chi tiết rất nhỏ, đó là bộ y phục. “Chùng nào người ta chưa khiến đứa trẻ phục tùng các thành kiến của chúng ta, thì mong muốn đầu tiên của nó là được thoải mái và tự do; bộ quần áo giản dị nhất, thuận tiện nhất, bộ quần áo ít bắt nó lệ thuộc nhất, bao giờ cũng là quý giá nhất đối với nó” [42, tr.157]. Từ đây, ông lên án cách chăm sóc thái quá, như cho trẻ mặc quá nhiều áo khiến trẻ nóng bức dễ sinh bệnh tật, hay việc quấn trẻ thật chặt trong các tã nịt làm trẻ không được tự do vận động. Ông đã rất bất bình khi thấy “Đứa trẻ vừa ra khỏi bụng mẹ, vừa mới được tự do động đậy và duỗi chân, duỗi tay, là người ta đã cho nó những ràng buộc mới. Người ta bó chặt nó trong tã nịt, người ta để nó nằm đầu cố định còn chân duỗi ra, hai cánh tay nó buông xuôi cạnh thân hình; đủ loại quần áo và vải vóc quấn xung quanh nó, không cho nó thay đổi tư thế” [42, tr.40]. Ông cho rằng, chính những thành kiến, quan niệm cùng với sự chi phối của thể chế khiến con người đã bị trong xiềng xích của văn minh từ khi sinh ra bị quấn trong tã nịt đến khi chết cũng bị đóng đinh

¹⁰ “Physical and health training should be given to the child i.e, Running, jumping, climbing and swimming. The child must be allowed utmost freedom of movement”

trong quan tài. Như vậy, người ta sẽ làm cản trở việc phát triển tự nhiên, khỏe mạnh và cân đối của con trẻ, làm trẻ bị biến dạng về thân thể, đau đớn, khổ sở.

Sự phát triển của khoa học công nghệ đã ảnh hưởng trực tiếp đến lối sống, sinh hoạt của con người. J.J.Rousseau rất nghiêm khắc với việc xác định chế độ sinh hoạt trong ngày để tránh những tác nhân xấu từ xã hội văn minh, vì vậy ông cũng đưa ra nhiều lời khuyên về chế độ ăn uống cho trẻ. Ông khuyên, thức ăn phù hợp đối với trẻ phải là các sản phẩm được làm tự nhiên. “Trái cây, sữa, vài miếng bánh nướng ngon hơn bánh mì thường ngày một chút, nhất là nghệ thuật phân phát những thứ ấy một cách chừng mực” [42, tr.195]. Vì sao J.J.Rousseau lại hướng trẻ ăn các đồ ăn từ tự nhiên? Ông cho rằng “tất cả người hoang dã đều tàn nhẫn, song phong tục của họ dẫn đến điều ấy, sự tàn nhẫn này xuất phát từ thức ăn của họ. Họ ra trận để đi săn và đối xử với con người như với những con gấu” [42, tr.195]. Khi ăn thịt đồng nghĩa với việc tàn sát các sinh vật có sự sống, điều này dẫn đến sự tàn bạo đối với những người săn bắt chúng. Thực chất, nếu cho những đứa trẻ ăn thịt động vật sẽ làm mất thị hiếu nguyên sơ của đứa trẻ. Việc ăn uống không đúng cách sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tính cách của chúng. J.J.Rousseau lấy dẫn chứng “chắc chắn là những kẻ ăn thịt nói chung thường tàn ác và hung bạo hơn những người khác, nhận xét này thuộc mọi nơi chốn và mọi thời đại” [42, tr.195]. Những đứa trẻ cần được ăn uống một cách đúng chừng mực, tập cho chúng những món ăn thông thường và đơn giản, hãy để trẻ ăn, chạy, chơi đùa tùy thích. Tuy nhiên, bố mẹ nên tránh để trẻ “ăn quá nhiều và để chúng đầy bụng khó tiêu” [42, tr.199]. Người lớn phải đưa ra chế độ ăn cho trẻ đủ chất dinh dưỡng, như vậy mới đảm bảo được sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ. Sau những kiến giải như trên, J.J.Rousseau cho rằng “thị hiếu ăn thịt không mang tính tự nhiên ở con người, là sự thờ ơ của trẻ em đối với món ăn đó, và sự ưa chuộng của tất cả trẻ em đối với các thức ăn từ thực vật, như sữa, bánh ngọt, trái cây...” [42, tr.195]. Quan niệm này thể hiện thâm ý của J.J.Rousseau, để trẻ có được sự phát triển thể chất khỏe mạnh theo khuynh hướng tự nhiên, một trong những yếu tố quan trọng là thức ăn của trẻ

cũng phải được làm từ thiên nhiên.

J.J.Rousseau đánh giá cao sức khoẻ thân thể của con người “thân thể phải có sức mạnh để tuân theo tâm hồn: một người phục vụ tốt phải cường tráng” [42, tr.55]. Mọi đam mê nhục dục đều ẩn sau một thân thể ẻo lả và thân thể yếu đuối làm bạc nhược tâm hồn. Giống như Locke, khi bàn đến nội dung giáo dục trẻ em, J.J Rousseau cũng đặc biệt tập trung bàn đến vấn đề rèn luyện sức khoẻ đối với trẻ và đặt vấn đề này lên hàng đầu. Ngay từ khi được sinh ra, đứa trẻ đã buộc phải phó mặc bản thân cho những người khác - nhận thức rõ điều này, J.J.Rousseau yêu cầu phải làm cho cơ thể của trẻ cứng rắn trước những thất thường bất lợi của thời tiết, của khí hậu, của các yếu tố thiên nhiên, trước cái đói, cái khát, cái mệt. Việc bảo tồn sự sống là một nội dung rất quan trọng “Môn học đầu tiên của con người là một thứ vật lý thực nghiệm liên quan đến việc bảo tồn chính mình” [42, tr.154]. Tự bảo tồn cũng là bản năng hết sức tự nhiên, con người có thể tồn tại và phát được, điều đầu tiên là tự bảo tồn, “mọi người chỉ nghĩ đến bảo tồn con mình; như thế không đủ cần dạy nó tự bảo tồn khi là người trưởng thành, dạy nó chịu đựng các thử thách của số phận, dạy nó không sợ giàu sang và nghèo khổ, dạy nó sống nếu cần, trên băng đá miền Islande hay trên núi đá nóng bỏng vùng Mallte” [42, tr.39]. Trẻ tự biết yêu quý sinh mạng và sức khoẻ, tự biết cách để bảo vệ sức khoẻ của mình là những điều thiết yếu để đứa trẻ có thể vững vàng trên đường đời sau này. Nói chung, phải rèn luyện cho trẻ về những xâm hại và cách để vượt qua những xâm hại mà một ngày kia chúng sẽ phải chịu đựng.

Theo Rousseau, “hầu như tất cả các tấm gương về những cuộc sống thọ nhất đều được rút ra từ những người đã luyện tập nhiều nhất, đã chịu nhọc nhằn và lao động nhiều nhất” [42, tr.58]. Do vậy, ông thấy cần phải cho học trò của mình lao động chân tay, luyện tập thân thể để tính tình và sức khoẻ thêm mạnh mẽ. Hơn nữa, lao động là một nghĩa vụ với bất kỳ ai, bởi ai cũng cần trưởng thành từ những giá trị của lao động, “và người ta chỉ rút nó ra từ nơi gần nhất

với bản thân là bằng lao động của mình” [44, tr.79-80]. Việc không trực tiếp làm ra nó mà dùng quyền lực để thụ hưởng được J.J.Rousseau coi là đồng nghĩa với ăn cướp, hay với việc mắc nợ người khác. “Vậy lao động là một nghĩa vụ cần thiết với con người xã hội. Giàu hay nghèo, quyền thế hay yếu đuối, bất kỳ công dân nào ăn không ngồi rồi đều là một kẻ gian manh” [42, tr.258]. Ông luôn nghĩ rằng, bất cứ nghề nào hữu ích cho công chúng đều lương thiện. Khác với Locke, J.J.Rousseau không muốn học trò của mình làm thợ thêu, thợ thếp vàng, thợ quang dầu tráng men cũng không muốn nó làm nhạc sĩ, diễn viên hay viết sách, ông chỉ đơn giản là muốn học trò của mình học lấy một nghề mà chúng muốn. Ông cũng lưu ý việc chọn nghề phải phù hợp khả năng của trẻ, chứ không chọn vì sở thích của trẻ. Tuy nhiên, cần hiểu đúng quan điểm của J.J.Rousseau: chọn một nghề song mục đích là để “làm người”, chứ không để là thợ. Lao động để rèn luyện thân thể, để hình thành thói quen lao động chân tay, song hơn thế lao động sẽ “đem lại cho học trò mình sở thích nghĩ ngợi và suy tư, để bù lại sự biếng nhác ở nó do thờ ơ với những phán đoán của mọi người và do trạng thái bình thản của các đam mê. Cần để nó làm việc như nông dân và tư duy như trí giả...Bí quyết quan trọng của việc giáo dục là làm sao cho những sự luyện tập thân thể và luyện tập trí óc luôn luôn việc nọ dùng để giải lao cho việc kia” [42, tr.269]. Theo ông, cần phải có những quan sát tinh vi hơn là người ta nghĩ để biết chắc tài năng thực sự và sở thích thực sự của một đứa trẻ.

J.J.Rousseau đã nhìn thấy những mặt trái của xã hội văn minh và đưa ra nhận định, “các thành phố là vực thẳm của loài người. Sau vài thế hệ, nòi giống tiêu vong hoặc thoái hoá; phải đổi mới nòi giống, và nông thôn bao giờ cũng cống hiến cho sự đổi mới ấy” [42, tr. 63]. Sở dĩ J.J.Rousseau đưa ra nhận định đó là vì ông cho rằng: môi trường tác động đến thể chất của trẻ, đặc biệt trong những năm đầu đời. Nó làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến thân thể mới nảy nở. Môi trường thuần khiết ở nơi thôn quê tốt hơn môi trường đang bị pha tạp ở thành thị, nó có tác động lớn đối với sự phát triển của trẻ. Mặt khác, thành phố là nơi tập trung rất đông người, con người vốn không được tạo nên để chen chúc, mà

để phân tán trên mặt đất; những tàn tật của thân thể, những thói xấu của tâm hồn là kết quả không sao tránh khỏi của sự tụ hội quá đông đảo. Trong khi đó, nông thôn là nơi hợp với nòi giống một cách tự nhiên hơn; sống ở đó, những thú vui gắn liền với bốn phận tự nhiên sẽ nhanh chóng làm cho con người quên đi những thú vui không liên quan đến bốn phận ấy.

Như vậy, nội dung về giáo dục thể chất cho trẻ của J.J.Rousseau có phần khắt khe nhưng có nhiều ý nghĩa đúng đắn và đến ngày nay vẫn có tác dụng tích cực. Giáo dục thể chất có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của trẻ. Ngay từ khi sinh ra, trẻ phải được thoải mái trong cách ăn và mặc để giúp trẻ có sự phát triển tốt nhất về mặt hình thể. Khi trưởng thành, trẻ nên được rèn luyện thể lực thông qua lao động. Theo J.J.Rousseau, lao động là cách tốt nhất để không chỉ rèn luyện thân thể mà còn giúp trẻ học cách suy nghĩ và trải nghiệm về cuộc sống và cách tốt nhất để đưa trẻ có thể phát triển một cách tự nhiên là tránh những tác nhân xấu từ mặt trái của xã hội văn minh.

3.4.2. Quan niệm của J.J.Rousseau về giáo dục trí năng qua việc học tập các môn khoa học

Trí năng là năng lực hiểu biết, suy nghĩ của mỗi con người. Một cơ thể, bộ não khỏe mạnh là cơ sở để hình thành nên một người có năng lực cao. Trí năng của con người được nâng cao nhờ sự tin tưởng và làm theo lời Chúa dạy. Theo quan điểm của J.J.Rousseau, “Chúa là một trí năng” [42, tr.393]. Thượng đế không phải là một thân xác và có thể cảm nhận được nữa, trí năng tối thượng điều hành thế giới không chỉ là chính thế giới ấy. Khi ta nghĩ rằng trí năng tối thượng ban cuộc sống và khả năng hành động cho thực thể sống, Chúa là thông minh, nhưng Người thông minh như thế nào?. Con người thông minh khi lập luận, còn trí năng tối thượng thì chẳng cần đến lập luận; đối với trí năng tối thượng thì không có tiền đề mà cũng không có hậu quả. Quyền năng của Chúa tác động bằng chính mình. Chúa có thể vì người muốn, ý chí của người tạo ra quyền lực của người [Xem: 42, tr.394]. Vì vậy, những đứa trẻ cần được rèn

luyện đặt niềm tin vào trí năng của đáng tối cao. Tuân theo quyền năng của Chúa, con người sẽ nâng cao được sự hiểu biết và nhận thức của mình.

Khi trẻ em bước vào độ tuổi mười hai, mười ba - khi mà sức lực của trẻ mạnh hơn rất nhiều so với nhu cầu của nó thì đây là giai đoạn quý báu nhất đời. Việc rèn luyện cho trẻ khả năng tư duy, hiểu biết các vấn đề là cần thiết để trẻ vượt lên số phận của chính mình “Xét tuổi thơ ấu tự bản chất nó, trên đời có sinh vật nào yếu ớt hơn, khốn khổ hơn, phải phục tùng mọi thứ xung quanh mình như một đứa trẻ” [44, tr.536]. Trẻ em cần được giải phóng thoát khỏi những gò bó, đau khổ và để làm được điều đó, trước tiên trẻ em phải được rèn luyện một trí lực vững vàng. J.J.Rousseau muốn học trò của mình có thể tiếp nhận thông tin thông qua việc truyền đạt. Thông qua học tập và giao tiếp, các phương tiện thông tin, v.v., đã tạo ra khối lượng khổng lồ các nội dung truyền đạt. Việc này tạo ra một vấn đề là học sinh sẽ không “lọc” được kiến thức nào là đúng, là tốt, là cần thiết. Chúng sẽ bị “ngập lụt” trong “đống” kiến thức khổng lồ. Chừng nào điều truyền đạt ấy không thể được tổ chức thành kinh nghiệm hiện hữu cho học sinh thì việc truyền đạt ấy trở thành lời nói đơn thuần nghĩa là, đó là sự kích thích các giác quan thuần túy và chẳng có ý nghĩa nào cả. Nói cách khác, học tập không phải là tìm hiểu toàn bộ tri thức nhân loại hay tất cả những gì đang tồn tại, bởi vì trong số những tri thức đó, có những tri thức vượt quá khả năng, cái thì vô bổ, cái lại sai lầm, nên trẻ chỉ cần được dạy những kiến thức đúng và phù hợp với độ tuổi. Theo J.J.Rousseau “những tri thức thực sự góp phần vào sự an lạc của chúng ta mới xứng đáng với những tìm kiếm của một con người hiền minh, và do đó của một đứa trẻ mà ta muốn nó trở thành người như vậy. Vấn đề không phải là biết những gì đang tồn tại, mà là chỉ biết những gì hữu ích thôi” [42, tr.215]. Khi trí năng của trẻ bắt đầu tiến bộ, chúng bắt đầu thích khám phá và tìm hiểu các môn khoa học. Lúc đó cần phải tập cho chúng quen hướng việc sử dụng thời gian vào những mục tiêu hữu ích – những môn khoa học hữu ích rõ rệt với lứa tuổi của trẻ. Để tạo ham

muốn học tập các môn khoa học ở trẻ, trước hết phải cho trẻ thấy việc học tập đó có liên quan đến lợi ích của trẻ như thế nào.

Nội dung giảng dạy các môn khoa học nên lấy kinh nghiệm làm trung tâm. Trải nghiệm này sẽ được cung cấp trong hoạt động thực tế và kinh nghiệm phải được cung cấp từ những trải nghiệm trong hoạt động thực tế. Vì vậy, nội dung giảng dạy các môn khoa học là dựa trên phạm vi khá rộng. Trải nghiệm này phải tuân theo những lý thuyết khác nhau nên cần nhu cầu về sách văn bản và cả những kinh nghiệm trực tiếp. Tuy J.J.Rousseau đã cảnh tỉnh những cạm bẫy duy khoa học, duy kỹ thuật mang lại cho con người nhưng khoa học, kỹ thuật cũng có những mặt lợi ích, nếu chúng ta hiểu và tránh được những mặt trái của chúng. Vì vậy, việc giảng dạy các môn khoa học nên đi vào thực tế để giúp trẻ rèn luyện trí năng. J.J.Rousseau cho rằng, ngay cả các môn khoa học cũng không nên được giảng dạy chính thức trong lớp học mà phải dạy trên thực địa và thông qua khám phá. Điều này cũng phù hợp với bản chất tự nhiên của đứa trẻ. Tất nhiên, nội dung giáo dục phải phù hợp với năng lực và khuynh hướng tự nhiên nội tại của trẻ.

Sự hiểu biết của trẻ về thế giới bên ngoài nên chú trọng các môn học như vật lý, thiên văn và con người như môn sử, tiểu sử các nhân vật. Trong đó, môn lịch sử là môn ông thích thú và quan tâm nhất. “Đối với những kinh nghiệm trong quá khứ, các môn học lịch sử và nghiên cứu xã hội nên được đưa vào”¹¹ [67, tr.6531]. Môn lịch sử hướng tới việc nghiên cứu những vấn đề về pháp luật và nhà nước, những vấn đề mang tầm vóc lớn cho thế hệ tương lai, những người sẽ làm chủ đất nước. Đặc biệt là các vấn đề xã hội, đó là các quyền tư hữu, hệ thống trao đổi kinh tế và tiền tệ, cuối cùng là về nhà nước và bổn phận các công dân. Trí năng của con người luôn cần được nâng cao và rèn luyện, tuy nhiên trí năng đó cũng có giới hạn nên mỗi người chỉ cần tìm hiểu phải là

¹¹ “For the past experiences history and social studies subjects should be included”.

những điều thực tế. Điều đầu tiên gần gũi mà cũng là mối quan tâm của đứa trẻ là kiến thức về những điều kiện tự nhiên xung quanh con người như trái đất, mặt trời, vị trí địa lý của một thành phố hay một dòng sông, các hiện tượng vật lý như khi ma sát sinh ra hiện tượng hút cộng rơm hay hiện tượng con vịt bị hút bởi một mẩu bánh. Đúng như tinh thần ông đã nói: “tinh thần sự giáo dục của tôi không phải là dạy cho đứa trẻ nhiều điều, mà là bao giờ cũng chỉ để cho đi vào trí não nó những ý niệm đúng đắn và rõ ràng mà thôi” [42, tr.222]. Vậy có một sự lựa chọn về các điều ta dạy dỗ cũng như về thời gian thích đáng để học những điều ấy. Thực chất, chỉ có số ít ỏi những tri thức thực sự cần thiết cho cuộc sống của trẻ mới xứng đáng với những tìm kiếm và học hỏi theo khuynh hướng tự nhiên của trẻ. Vì vậy, một đứa trẻ ta muốn nó trở thành người như vậy, vấn đề không phải là biết những gì đang tồn tại, mà là chỉ biết những gì hữu ích với chúng.

Theo J.J.Rousseau, “Những tiến bộ trong môn hình học có thể dùng để thử thách và để ước lượng chắc chắn về sự phát triển của trí năng” [42, tr.216]. Trẻ có thể bản đồ hoá, rút gọn các sự vật hiện tượng lại còn phạm vi rất nhỏ bé so với sự tồn tại của chúng. Những bản đồ lược hoá sẽ dần dần xuất hiện trong trí não trẻ, chúng sẽ biết tóm lược và khái quát hoá những gì chúng nhìn và cảm nhận trong cuộc sống. Từ đó, trẻ có thể biết phân biệt cái gì hữu ích với cái không hữu ích, điều quan trọng là phải sử dụng nhiều kỹ năng để dẫn nó đến những môn học tự nhiên bằng cảm nhận trực tiếp để kích thích các năng lực khác nhau trong trí não của trẻ. Trí năng trẻ được rèn luyện tốt, đồng thời sẽ tăng khả năng nhìn nhận và phán đoán của chúng trong cuộc sống, J.J.Rousseau cho rằng: “Ta chỉ biết ý chí bằng ý thức về ý chí của riêng mình...nguyên nhân nào quyết định ý chí của ta, đến lượt ta, ta lại hỏi rằng nguyên nhân nào quyết định sự phán đoán của ta” [42, tr. 386]. Để một thanh niên giỏi phán đoán, rất cần đào tạo phán đoán của cậu ta, thay vì truyền bảo cho cậu các phán đoán của người lớn: “Và cái gì quyết định nguyên nhân phán

đoán của con người. Đó là năng lực trí tuệ, đó là khả năng xét đoán của nó” [42, tr.386]. Trong xã hội văn minh, sẽ có nhiều vấn đề thật và giả nảy sinh, giữa rất nhiều mối quan hệ mà trẻ sắp phụ thuộc, nó sẽ cần phải phán đoán dù nó không muốn, do vậy hãy dạy nó phán đoán cho đúng.

Quá trình học tập các môn khoa học đòi hỏi yếu tố thực tế cao cần đưa trẻ phải có khả năng quan sát, đặc biệt các môn khoa học tự nhiên khi quan sát các thực thể và sự chuyển động của chúng. Do vậy, J.J.Rousseau đặc biệt chú ý đến việc rèn kỹ năng quan sát cho trẻ. Ông cho rằng các giác quan của một đứa trẻ cũng không khác nhiều so với một người trưởng thành và cần được vun trồng, hoàn thiện. “Rèn luyện giác quan không chỉ sử dụng giác quan, đó là, học cách phán đoán đúng nhờ vào giác quan, có thể nói đó là học cảm nhận” [42, tr.165]. Chính việc quan sát chính xác sẽ giúp việc sử dụng sức lực hợp lý không thừa cũng chẳng thiếu. Trẻ có thể thu nhận được tri thức mới từ các môn khoa học tự nhiên, mà chỉ khi chúng tự quan sát mới có được. Ông còn khuyến khích học trò không cần dùng đến công cụ hỗ trợ nên bằng phán đoán. Theo J.J.Rousseau, để có được phán đoán tốt, những đứa trẻ phải có một khả năng quan sát tốt các sự vật, hiện tượng. Khả năng quan sát cần được tự do hoạt động và phải được bố trí đúng, không sai lệch, và thông qua cảm giác phải phát hiện được sự thay đổi, kết cấu, hoạt động của sự vật hiện tượng, tùy theo đà phát triển của con người, tiến từ cảm giác lên tri giác và từ đó lên ý niệm, xây dựng lý trí, trí xét đoán và trí nhớ, là những khả năng trên cơ sở đó mới phát triển được.

Bên cạnh việc giáo dục các môn khoa học, với chủ trương thiết lập giáo dục tự nhiên để trẻ sớm làm quen, tiếp xúc với những khó khăn và nỗi sợ hãi sẽ giúp trẻ miễn trừ những điều đó khi gặp phải sau này, nên giáo dục trí lực để giúp trẻ có lòng dũng cảm trước những khó khăn, thử thách bên ngoài. “Tôi muốn người ta tập cho trẻ quen nhìn thấy các đồ vật mới, các con vật xấu xí, ghê tởm, kỳ cục, nhưng là dần dần, từ xa, cho đến khi trẻ quen đi...trẻ đã nhìn

mà không hoảng sợ những con cóc, con rắn,... thì khi lớn, nó nhìn sẽ không kinh hãi trước con vật nào” [42, tr.68]. Theo J.J.Rousseau, cần chủ động cho trẻ đối mặt với những thử thách khác nhau. Chẳng hạn: để trẻ không sợ sấm sét, phải chủ động tạo ra và cho trẻ quen dần với những âm thanh như tiếng sấm, tiếng trái phá, tiếng nổ kinh khủng nhất. Để giáo dục trí năng có hiệu quả hơn, giáo dục lòng dũng cảm là cần thiết để tăng khả năng vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống sau này của trẻ.

Như vậy, giáo dục cho trẻ năng lực nhận thức, hiểu biết là một trong những nội dung giáo dục quan trọng đối với trẻ. Giáo dục để trẻ có năng lực vượt qua những sóng gió trong cuộc đời để trẻ rèn luyện lòng dũng cảm có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển về ý chí của trẻ. Giáo dục trí năng sẽ giúp trẻ nhìn nhận và đánh giá vấn đề xung quanh một cách chuẩn xác hơn. Đặc biệt giáo dục trí năng cho trẻ qua việc rèn luyện các môn khoa học, được trải nghiệm trực tiếp về sự vật, con người và xã hội xung quanh, điều này sẽ tăng kinh nghiệm sống cho trẻ.

3.4.3. Quan niệm của J.J.Rousseau về giáo dục đạo đức

Theo J.J.Rousseau, để tránh những cạm bẫy dục vọng từ mặt trái của xã hội văn minh, trẻ cần được học lối sống lành mạnh phù hợp với chính mình và cách ứng xử với mọi người. Trước tiên, trẻ cần phải có sự rung động, cảm thông sâu sắc đối với những sự vật xung quanh “Muốn trở nên nhạy cảm và lay động lòng thương xót, đứa trẻ cần phải biết rằng có những sinh vật giống như nó đang đau khổ về những gì mà nó từng đau khổ” [42, tr.299]. Người giáo dục phải luôn giáo dục trẻ để trẻ có thiện tâm và tận đáy lòng là tình yêu đồng loại; tạo cho trẻ luôn có điều kiện thực hành việc tốt đúng như khả năng và trình độ của trẻ. Trẻ có đủ tình yêu và lòng dũng cảm để đấu tranh bảo vệ những người khôn khổ. Bởi trẻ cảm thấy đau khổ khi người khác đau khổ và hạnh phúc của người khác làm nó vui sướng. Học trò của J.J.Rousseau với tấm

lòng từ thiện sẽ luôn quan tâm đến các phương cách làm chấm dứt nỗi thống khổ của con người. “Nếu nó phát hiện ra sự bất hòa giữa bạn bè của mình thì nó tìm cách hòa giải. Nếu nó thấy những người sầu khổ, nó sẽ thăm hỏi nguyên nhân gây ra sự thống khổ của họ” [42, tr.344]. Không cần diễn thuyết hùng hồn, đơn giản là biểu hiện của tình cảm cao thượng thể hiện qua lời nói thành thật, xúc động chứa đựng tình yêu nhân loại thấm thiết. Đặc biệt gia đình, xã hội có vai trò quan trọng đối với việc rèn luyện đạo đức cho trẻ. Trong tác phẩm *Những lời bộc bạch*, J.J.Rousseau từng chia sẻ rằng: “Làm sao tôi tai ác được, khi trước mắt tôi chỉ có những tấm gương hiền dịu và xung quanh tôi chỉ có những người tốt nhất trên đời. Cha tôi, cô tôi, u tôi, họ hàng của tôi, bạn bè, hàng xóm của chúng tôi, tất cả xung quanh rồi quả thực không vâng theo tôi, nhưng yêu mến tôi, còn tôi cũng yêu mến họ như vậy” [43, tr.24]. Như vậy, tấm gương đạo đức có nghĩa quan trọng trong việc giáo dục đạo đức cho trẻ, môi trường xung quanh mà trẻ tiếp xúc sẽ quyết định đến thói quen, tính cách của trẻ.

J.J.Rousseau cho rằng: “Chính nhân dân hợp thành nhân loại; cái gì không phải là nhân dân thì chẳng đáng gì phải đếm xỉa đến” [42, tr.303]. Những giai cấp nào đông đảo nhất đáng được kính trọng nhiều nhất. Do đó, tình thương yêu con người không chỉ bó hẹp trong không gian và thời gian nhỏ hẹp mà phải mở rộng ra cho toàn bộ nhân loại chung nghĩa là phải dạy trẻ em yêu mến tất cả mọi người. Khi đi dự một bữa đại tiệc với vô vàn những món sa hoa, đó cũng là một dịp tốt để giáo dục đạo đức cho trẻ. Bằng cách đó, J.J.Rousseau đã hỏi cậu học trò của mình rằng: em ước lượng xem tất cả những gì em nhìn thấy trên bàn này đã đi qua bao nhiêu bàn tay trước khi đến được đó?. Chỉ đơn giản vậy thôi mà đã làm cho bộ óc non nớt của Émile ý thức được giá trị của sức lao động. “Nó thấy rằng tất cả mọi miền trên thế gian đã phải chịu phần gánh vác, rằng hai chục triệu bàn tay có lẽ đã lao động trong thời gian dài, rằng cả ngàn người có thể đã mất mạng, và tất cả để long trọng bày ra cho nó vào giữa trưa

những gì mà buổi tối nó sẽ đem cất vào tủ áo?” [42, tr.251]. Đây là một bài học đạo đức sâu xa, Émile sẽ dễ dàng lựa chọn những bữa ăn giản dị mà thích thú của những người nông dân, chứ không muốn những bữa tiệc sa hoa trên lưng những người lao động vất vả.

J.J.Rousseau nhấn mạnh về lòng yêu quê hương, đất nước “Nếu ta nói với con về các bổn phận của người công dân, có thể là con sẽ hỏi rằng đâu là tổ quốc và con sẽ tin rằng...bởi vì ai không có tổ quốc thì ít ra cũng có một quê hương” [42, tr.678]. Mỗi đất nước đều có một chính quyền, mà những đứa trẻ sống bình yên trong đó. Những lợi ích của đứa trẻ được bảo hộ bởi ý chí chung, những bạo lực được kiểm soát nhờ có chính quyền đất nước. Chính điều đó, đã làm cho những đứa trẻ yêu điều thiện và căm ghét những bất công trong xã hội. “Ô Émile, có ở nơi nào mà một người có thiện tâm lại không mang ơn quê hương mình? Dù thế nào đi chăng nữa, anh cũng mang ơn quê hương mình về những gì quý giá nhất đối với con người, đó là tính đạo đức trong hành động và lòng yêu đức hạnh” [42, tr.678]. Mọi người đều có quê hương, họ vẫn phải sinh sống trong một nước. Không người lương chính nào mà không nợ nước mình. Mặc dầu là người nước nào, người đó vẫn nợ nước cái quý giá nhất đối với con người, đó là tinh thần tiến hành mọi việc theo đạo đức và tình yêu chuộng đạo đức. Ông yêu cầu, là công dân phải đấu tranh với bản thân, tự chiến thắng, hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung. Con người phải có bổn phận, có tình yêu mến nơi mình sinh sống, phải yêu mến những đồng bào của mình, giữ tình hữu nghị, công hiến và là ân nhân cho họ. Như vậy, việc giáo dục đạo đức cho trẻ trong quan niệm của J.J.Rousseau là nội dung rất quan trọng. Điều này có tác động tích cực đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

Ngoài ra, trong suốt những thời kỳ trước của học trò, J.J.Rousseau không hề nói với học trò về tôn giáo, chỉ khi nào sự phát triển tự nhiên của trẻ đòi hỏi, hướng đến các vấn đề tôn giáo, khi đó tôn giáo mới được dạy cho trẻ. Với

Émile, khi cậu bắt đầu thắc mắc về những vấn đề lớn lao (tôn giáo) thì không phải là vì đã nghe nói đến chúng mà là khi sự tiến bộ tự nhiên của ánh sáng trí tuệ của cậu hướng những tìm tòi của cậu về phía này. J.J.Rousseau là người tin vào Thượng đế, tuy nhiên, trong xã hội đương thời, ông lại tán thành khoan dung tôn giáo. Vì vậy, ông cho rằng, dạy tôn giáo nào hoàn toàn do lý trí của trẻ lựa chọn và quyết định. Chúng ta không muốn phó mình cho quyền uy, chúng ta không hề muốn dạy cho học trò những điều mà cậu không thể tự mình học tập lấy ở khắp các nước. Chúng ta sẽ đưa cậu - con người của tự nhiên gia nhập giáo phái nào? Câu trả lời rất đơn giản: “chúng ta sẽ để cậu có quyền lựa chọn giáo phái nào mà việc sử dụng tốt nhất lý trí của cậu phải hướng dẫn cậu đến với nó” [42, tr. 357]. Để trẻ tự do lựa chọn tôn giáo phải theo sự chỉ dẫn bởi lý trí của nó, cũng có nghĩa là tôn giáo mà con người tự nhiên đó sẽ chọn là tôn giáo của tấm lòng. Bởi Thượng Đế đã ban cho con người lương tâm để yêu mến điều thiện và lý trí để nhận ra nó. Thực chất, trong quan niệm của J.J.Rousseau, tôn giáo của tấm lòng cũng chính là tôn giáo của tự nhiên – là tôn giáo duy nhất mà con người cần phải theo nếu họ chỉ nghe theo những gì Thượng Đế nói với lòng mình. Một trong những biểu hiện của tôn giáo tự nhiên – tôn giáo của tấm lòng là ở sự thờ phụng. Theo J.J.Rousseau: “Sự thờ phụng cốt yếu nhất là sự thờ phụng trong lòng. Chúa không hề từ chối ở đây lòng thành kính, khi tấm lòng ấy chân thành dù có dâng lên Người theo cách nào thì cũng thế mà thôi” [42, tr. 431].

J.J.Rousseau cũng cho rằng, mọi cô gái đều nên theo tín ngưỡng của mẹ mình và mọi người vợ nên theo tín ngưỡng của chồng mình. Họ không có khả năng tự mình phán xét và thường phải chấp nhận quyết định của cha và của chồng cũng như quyết định của nhà thờ. Họ không thể tự mình rút ra những quy tắc cho niềm tin của mình, đàn bà chỉ có thể tự giới hạn điều đó trong phạm vi của sự hiển nhiên và lẽ phải, nhưng vì tự để cho mình bị cuốn theo hàng ngàn kích động của người ngoài, họ bao giờ cũng cứ ở mấp mé bên này hay bên kia sự thật. Bao giờ cũng cực đoan, họ sống hoàn toàn phóng dăng hoặc

cực kỳ ngoan đạo. Ngoài ra, trước tuổi lý trí, các bé gái còn được dạy về lễ tiết, sự lễ độ, sự phục tùng, sự tinh ranh, trang điểm - làm đẹp. Tất cả nội dung đó đều nhằm một mục đích duy nhất là để người phụ nữ biết yêu và thực hiện tốt bổn phận của mình để “trở thành người vợ đảm đang và hiệu quả”¹² [67, tr.6533]. Nội dung đạo đức mà J.J.Rousseau luôn nhắc nhở các cô gái phải học trước khi kết hôn và ngay cả trong hôn nhân là tìm hiểu bổn phận người đàn bà đoan chính: vâng lời chồng, mang lại hạnh phúc cho chồng, dẫn dắt anh ta bằng sự dịu dàng, làm cho bản thân mình trở nên đáng yêu để trở nên có ích. Trong tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau, các bé gái, các thiếu nữ phải học rất nhiều nội dung liên quan đến đạo đức nhằm thực hiện bổn phận thiên phú của mình.

Theo J.J.Rousseau, con người sẽ bị ảnh hưởng bởi các dục vọng “Y sẽ tìm tới hạnh phúc mà không nhớ rằng y là người, trái tim là lý trí của y sẽ luôn luôn đấu tranh và những ham muốn không bờ bến sẽ chuẩn bị cho y những thiếu thốn vĩnh cửu” [44, tr.84]. Vì vậy, những ham mê dục vọng sẽ không có bờ bến, chỉ làm con người thêm đau khổ và đức hạnh là sắc đẹp vĩnh cửu, không thể tiêu tan. Do vậy, muốn có hạnh phúc và khôn ngoan, thì cậu học trò chỉ nên gắn bó trái tim mình với sắc đẹp đức hạnh. Đức hạnh thể hiện ở sức mạnh của tâm hồn, đó là học cách chịu mất mát những gì có thể bị lấy mất, học cách từ bỏ mọi thứ khi đức hạnh đòi hỏi; sao cho những bổn phận phải đi trước những dục vọng. Để thực hiện được những yêu cầu đó, để phát huy sức mạnh của tâm hồn thì người thanh niên cần phải rời xa người yêu (không phải là bỏ), rời xa cô để học những điều mà anh ta phải biết, điều đầu tiên phải biết đó là tình cảm, sự chung thủy hai người dành cho nhau: “Ai đảm bảo cho con về cô ta, ai đảm bảo cho cô ta về con, chừng nào các con chưa từng bị thử thách? Các con cứ chờ xem liệu cuộc thử thách này có vô ích không?” [42, tr. 639]. Để có được đức hạnh, cậu học trò ở tuổi đang yêu còn cần phải rèn luyện cho mình lòng dũng cảm, sức mạnh của ý chí. Bởi lẽ, không có hạnh phúc nào là không

¹² “Education should make her perfect and efficient house wife”

cần lòng dũng cảm, không có đức hạnh nào là không cần sự phấn đấu. Sức mạnh là nền tảng của mọi đức hạnh. Đức hạnh chỉ thuộc về một sinh thể yếu đuối về bản chất và mạnh mẽ về ý chí. Sức mạnh của ý chí và lòng dũng cảm sẽ giúp anh ta có thể rời xa người mà anh ta đang cuồng yêu.

Cậu học trò sẽ là một người chồng trong tương lai, trong khi cô gái phải học bổn phận của một người đàn bà khi kết hôn, thì chàng thanh niên phải nghĩ về bổn phận công dân. Bởi vì, J.J.Rousseau cho rằng: “Khi trở thành chủ gia đình, con sẽ trở thành thành viên của quốc gia. Con đã nghiên cứu các bổn phận của mình khi làm người đàn ông, nhưng con chưa biết những bổn phận của người công dân (biết chính phủ, luật pháp, tổ quốc là gì,...). Trước khi giữ vị trí trong trật tự dân sự, con hãy học để biết trật tự ấy và để biết con hợp với đẳng cấp nào ở đó” [42, tr. 641]. Cậu học trò khi đến tuổi trưởng thành cũng cần phải được nhắc nhở trách nhiệm, nghĩa vụ của anh ta trong hôn nhân, đó là: “Phải biết chịu đựng cái ách tự mình quàng vào cổ mình. Hãy xứng đáng để nó trở nên nhẹ nhõm. Hãy ăn nói, cư xử cho phong nhã” [42, tr.688].

Tóm lại, nội dung giáo dục của J.J.Rousseau về cơ bản thể hiện việc học tập và rèn luyện dựa trên khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ ở ba điểm chính: giáo dục thể chất, trí năng và đạo đức. Tuy nhiên ba nội dung này không phải tồn tại tách rời mà kết hợp với nhau. Với mỗi sự lý giải mà J.J.Rousseau đưa ra làm minh chứng cho luận điểm của mình thì đều kết hợp cả ba nội dung giáo dục đó. Tuy nhiên, qua năm giai đoạn giáo dục trẻ, tùy vào từng giai đoạn, J.J.Rousseau sẽ bàn luận đến khía cạnh giáo dục nào nhiều hơn. Nhìn chung, quan niệm của J.J.Rousseau về nội dung giáo dục đã mang tính chất toàn diện hơn so với quan niệm về nội dung giáo dục của các vị tiền bối. Ông khẳng định, giáo dục thể chất để có một cơ thể khỏe mạnh; giáo dục trí năng để nâng cao được năng lực nhận thức cũng như có lòng dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, thử thách; giáo dục đạo đức để tránh được những cám dỗ của dục vọng. Người học cần phải có nhận thức đúng đắn về giáo dục thể chất, trí năng và đạo đức, vì cả ba khía cạnh giáo dục đó đều thực sự cần để giáo dục nên một con người

lý tưởng. Đứa trẻ cần được phát triển để hoàn thiện về nhân cách và hình thành các kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu thiết thực của xã hội đương thời.

3.5. Phương pháp giáo dục trẻ em

Trong nhận thức luận, “J.J.Rousseau tin rằng nguồn gốc của nhận thức là cảm giác và sự phản ánh cụ thể của lý thuyết cảm giác này trong tư tưởng giáo dục của ông chính là sự tự nhiên trong giáo dục”¹³ [83, tr.420]. Vì vậy, J.J.Rousseau cho rằng phương pháp giáo dục trẻ phải hướng đến những cảm nhận, trải nghiệm tự nhiên và chân thực về con người, sự vật và xã hội. Ông đề xuất các phương pháp giáo dục để người học không học một cách miễn cưỡng. Phương pháp của J.J.Rousseau cũng hoàn toàn khác biệt với lối dạy truyền thống thầy nói, trò ghi và thi cử gắn liền với những điều thầy giảng và sách đã viết. J.J.Rousseau coi phương pháp được sinh ra từ sự quan sát quá trình kinh nghiệm ở nơi không có sự phân biệt hữu thức giữa thái độ cá nhân và phương cách của vật liệu đang được giải quyết. Ông khẳng định phương pháp giáo dục được kiểm nghiệm bởi thực tế, vì thực tế là nguồn gốc của mọi tri thức khoa học. Nhờ thực tiễn, những tri thức và kỹ năng ấy mới được kiểm tra và hoàn thiện.

J.J.Rousseau cho rằng, người thầy phải thu thập, phân tích các dữ liệu, đi sâu vào nghiên cứu các chi tiết, ý tưởng, vận dụng và chứng minh, rút ra kết luận hoặc phán đoán. Người thầy cũng phải nghiên cứu những thành tựu của những người đi trước về phương pháp để thầy có thể hiểu được những phản ứng khác nhau và hướng dẫn trên cơ sở “thuận theo khả năng của người học”¹⁴ [80, tr.324]. Đối với người học, J.J.Rousseau nhấn mạnh đến tính độc đáo ở mỗi cá nhân. Vì vậy mỗi cá nhân trong quá trình học tập cần lựa chọn các phương pháp để giải quyết tốt vấn đề đồng thời duy trì được tính cá nhân độc đáo của mình. Những phương pháp ông đưa ra thể hiện sự tôn trọng quyền và

¹³ “Rousseau believes that the source of cognition is feeling, and concrete reflection of this feeling theory in his educational thought is the naturalness of education”

¹⁴ “According to student’s ability”

giá trị thiên chân của người học, đặc biệt coi trọng thí nghiệm, thực hành như: phương pháp giáo dục tự nhiên, phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp, phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm

3.5.1. Quan niệm của J.J.Rousseau về phương pháp giáo dục tự nhiên

J.J.Rousseau thể hiện mọi quan tâm và chủ trương về phương pháp giáo dục giảm thiểu tác hại của xã hội văn minh và mang con người trở về lại với những phẩm tính tự nhiên tốt đẹp vốn có. J.J.Rousseau có tham vọng thay thế cho phương pháp giáo dục khuôn thức cổ truyền đương thời bằng phương pháp giáo dục tự nhiên và tự khởi. Vì vậy, phương pháp giáo dục tự nhiên phải phù hợp với khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Khi bàn đến phương pháp giáo dục này, J.J.Rousseau khẳng định: “Phương pháp của trẻ không hề là phương pháp của chúng ta, và cái gì trở thành nghệ thuật suy luận với chúng ta thì với chúng chỉ là nghệ thuật nhìn mà thôi. Thay vì dạy chúng phương pháp của ta, tốt hơn là ta dùng phương pháp của chúng” [42, tr. 183]. Trẻ em sẽ có tâm sinh lý riêng, nên cần được giáo dục theo sự phát triển của tâm sinh lý của trẻ. Tùy vào từng giai đoạn giáo dục trẻ, cha mẹ cần có những phương pháp khác nhau phù hợp để giáo dục.

J.J. Rousseau cho rằng phương pháp giáo dục tự nhiên gắn liền với quá trình phát triển tự nhiên của trẻ, giáo dục thực sự không phải là một cái gì đó được áp đặt lên đứa trẻ từ bên ngoài, mà là quá trình phát triển tự nhiên của các đặc tính, các năng lực mà con người có được khi gia nhập vào cuộc sống xã hội, J.J.Rousseau muốn “trẻ con trước hết là trẻ con trước khi là người lớn” [44, tr.530]. Tuổi thơ là thời kỳ phát triển mạnh mẽ, trong đó đứa trẻ tích cực sử dụng các năng lực thể chất và trí tuệ của mình để tìm hiểu thế giới xung quanh. Việc nhà trường ràng buộc trẻ em với các chương trình áp đặt sẽ làm hủy hoại trí tuệ của chúng bởi các dữ kiện hiện thực như là những kết quả phát minh của ai đó, hoàn toàn xa lạ với trẻ em.

Phương pháp giáo dục tự nhiên của J.J.Rousseau chống lại những mặt trái của xã hội. Tự nhiên tạo ra con người, bản chất tốt, sống tự do và hưởng hạnh phúc. Xã hội biến con người thành tàn ác, sống nô lệ trong khổ cực. Vì vậy, tự nhiên và xã hội có mâu thuẫn đối kháng. Giáo dục cần hướng con người và xã hội trở về tự nhiên, khôi phục lại tự nhiên trong con người, giáo dục rèn luyện con người để nó trở lại bản chất thiên nhiên của nó, xây dựng một nhân sinh quan trên cơ sở tự do và dân chủ, đảm bảo con người được hưởng hạnh phúc cao quý mà thiên nhiên ban tặng. Ông cũng đã từng khẳng định: “Điều tốt lành đầu tiên của mọi điều tốt lành không phải là uy quyền, mà là tự do. Con người thực sự tự do chỉ muốn điều gì anh ta có thể, và làm điều gì anh ta thích” [42, tr.95]. Mọi phương pháp giáo dục sẽ từ đó mà suy ra. Hãy để trẻ ở đúng vị trí và khả năng của trẻ, trẻ chỉ phải làm điều có ích cho nó chứ không phải là điều người khác mong muốn - dù đó là bố mẹ của trẻ, “Ngoài cái thể chất chung cho cả loài, mỗi người sinh ra mang một tính khí riêng, quyết định tài năng và tính cách của mình, không nên thay đổi hay gò ép cái tính khí ấy, mà phải hình thành và hoàn thiện nó” [44, tr.531]. Như vậy, trẻ được giáo dục, được phát triển theo quy luật tự nhiên và không bị lệ thuộc vào các đam mê, luôn làm chủ được bản thân mà không bị dẫn dắt. Mọi điều tốt đẹp mà J.J.Rousseau hướng tới cho trẻ em là phải phù hợp với mục tiêu phát huy tối đa bản tính tự nhiên của con người, được phát triển theo thiên hướng của cá nhân, có sức mạnh để không bị lệ thuộc.

Một trong những yếu cơ bản của phương pháp giáo dục tự nhiên là giáo dục trẻ gần gũi với thiên nhiên. Đặc biệt, mẹ thiên nhiên chính là người thầy đầu tiên của trẻ “Hãy giữ cho đứa trẻ chỉ phụ thuộc các sự vật, các vị sẽ tuân theo trật tự của tự nhiên trong bước tiến triển của việc giáo dục nó” [42, tr.97]. Thiên nhiên là môi trường học tập đầu đời giúp trẻ phát huy tiềm năng bẩm sinh thay vì bị gò ép theo khuôn mẫu. Ngoài môi trường tự nhiên trẻ có thể tự do hoạt động lên cơ thể mình, một mặt rèn luyện thể lực cho trẻ “Để làm cho

thân thể mạnh lên và nảy nở, thiên nhiên có những kẻ mà ta không bao giờ được ngăn trở” [42, tr.97]. Mặt khác, trẻ có thể tự do khám phá, trải nghiệm để rèn luyện cho trẻ trí năng và “việc để cho trẻ khó nhọc tìm tòi, khám phá thế giới giữa thiên nhiên hoang dã sẽ kích thích ở trẻ em óc sáng tạo và tinh thần tự chủ” [52, tr.247]. Quan trọng hơn, thiên nhiên giúp kích thích các giác quan đang cần hoàn thiện của trẻ. Trẻ có thể khám phá, nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm, biết bao điều mới lạ từ thế giới bên ngoài “tất cả những gì nó nhìn thấy, tất cả những gì nó nghe thấy, đập vào nó và nó nhớ lấy, nó ghi sổ ở trong nó” [44, tr.546]. Ở trẻ nhỏ, tương tác hoặc khám phá thế giới xung quanh bởi các giác quan sẽ giúp trẻ thu được thông tin, hình ảnh từ bên ngoài để kích thích sự phát triển tư duy của trẻ.

Môi trường học tập tự nhiên của trẻ không được trở thành một xã hội thu nhỏ, mà phải cung cấp một môi trường cân bằng nhân tạo, được thanh lọc, được đơn giản hóa nhằm đảm bảo một môi trường có lợi cho sự trưởng thành. Như vậy, môi trường học nên mang tính chất giống như thực tế hơn là mang tính chất giống như tự nhiên. J.J.Rousseau cho rằng nơi học tập không chỉ có chức năng đơn thuần cung cấp phương tiện để người học thích nghi với xã hội, mà còn phải cung cấp một phương tiện để chúng thay đổi xã hội theo hướng tốt đẹp hơn. Điều này không ám chỉ một hệ thống “nhồi sọ” để cung cấp phương tiện xây dựng một “trật tự xã hội mới mẻ”. Nhưng nó cũng không ám chỉ sự bảo vệ học sinh khỏi những ảnh hưởng xấu và phức tạp của xã hội đương thời để đảm bảo chắc chắn một sự trung thành với hiện tại.

Để thực hiện hiệu quả phương pháp giáo dục tự nhiên, người mẹ trong gia đình có vai trò quan trọng bởi vì người mẹ là gần gũi trẻ nhất, từ khi chúng chào đời. J.J.Rousseau khuyên bậc làm cha làm mẹ phải hiểu được vai trò của tự nhiên trong việc giáo dục trẻ. Cha mẹ nên tìm hiểu kỹ tâm tính, sở thích của trẻ, bởi vì có như vậy, cha mẹ mới hiểu rõ được đặc điểm tâm sinh lý cũng như tính cách của con mình. “Các vị hãy quan sát tự nhiên và hãy đi theo con

đường mà tự nhiên vạch ra cho các vị. Tự nhiên rèn luyện trẻ em không ngừng, tự nhiên làm tính tình chúng cứng rắn lên bằng mọi sự thử thách; tự nhiên sớm dạy cho chúng biết thế nào là khổ sở và đau đớn” [42, tr.46]. Chính người mẹ là người gần với trẻ nhỏ nhất, họ có thể hiểu được cuộc sống cũng như tâm lý phát triển của trẻ, nên phương pháp giáo dục tự nhiên sẽ được giáo dục hiệu quả bởi cha mẹ trong gia đình. Theo J.J.Rousseau, ngay từ khi sinh ra, đứa trẻ đã phải chịu đựng sự uốn nắn, chăm sóc, bảo vệ mang ý chí chủ quan của người lớn - đó là những tập quán trái tự nhiên. Sự giáo dục, trước hết phải thuộc về những người phụ nữ - đó là sự giáo dục đầu tiên và quan trọng hơn cả. J.J.Rousseau cho rằng, “nếu Đấng tạo tác ra tự nhiên muốn sự giáo dục ấy thuộc về đàn ông, thì Người đã cho họ sữa để nuôi con” [42, tr. 31]. Từ quy luật tự nhiên đó, với J.J.Rousseau, giáo dục con cái được xem như là thiên chức, bổn phận của người phụ nữ. Để khắc phục mọi hậu quả có thể xảy ra, theo J.J.Rousseau, sự giáo dục của các bà mẹ cần thực hiện theo phương pháp giáo dục tự nhiên. Chính bà mẹ là tấm gương lớn nhất, trực tiếp nhất đối với sự hình thành tính cách, nhân cách của những đứa trẻ. J.J.Rousseau cho rằng: “Nếu các vị muốn đứa trẻ giữ được hình thái bản lai của nó, xin hãy duy trì hình thái ấy ngay từ lúc nó chào đời. Nó vừa sinh ra, các vị hãy chiếm giữ ngay lấy nó, và đừng rời nó cho đến khi nó là người lớn. (...). Cha mẹ hãy đồng tình với nhau trong chức phận cũng như trong phương pháp: sao cho từ những bàn tay của người mẹ đứa trẻ chuyển sang tay của cha” [42, tr. 48].

Như vậy, phương pháp giáo dục thuận theo tự nhiên sẽ giúp trẻ tránh được những tác nhân xấu từ xã hội văn minh. Việc tự do vui chơi cùng với thiên nhiên giúp trẻ phát triển thể lực, tăng sự nhạy bén của giác quan, khả năng thích nghi với môi trường xung quanh. Trẻ sẽ có những trải nghiệm thú vị, hữu ích thông qua việc quan sát, thúc đẩy sự tò mò về thiên nhiên từ đó trẻ sẽ nhanh nhạy hơn trong việc sáng tạo và giải quyết vấn đề. Người hướng dẫn trẻ sớm và ảnh hưởng đến trẻ nhất chính là người mẹ. Giáo dục tự nhiên kết

hợp với môi trường thiên nhiên là bước đầu để trẻ tiếp xúc, học hỏi về sự vật, hiện tượng bằng những trải nghiệm của mình.

3.5.2. Quan niệm của J.J.Rousseau về phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp

J.J.Rousseau đặc biệt coi trọng thí nghiệm, thực hành. Ông đề cao cảm giác và cho rằng những cảm nhận trực tiếp mới mang lại tác động thật sự đối với trẻ “chúng ta sinh ra có cảm giác và từ khi ra đời, chúng ta chịu ảnh hưởng theo nhiều cách, từ những đối tượng bao quanh ta” [42, tr.34]. Ông luôn khẳng định, sự giáo dục con người cần bắt đầu từ khi mới ra đời và trải nghiệm chính là các bài học quý giá và “người sống nhiều nhất không phải là người nhiều tuổi nhất mà là người có nhiều trải nghiệm phong phú nhất”¹⁵ [dẫn theo 67, tr.6534]. Bởi vậy, giáo dục bằng sự trải nghiệm là hết sức quan trọng. J.J.Rousseau là người chống lại phương pháp giáo dục giáo điều sách vở. “Đừng dạy học trò mình bất kỳ loại bài học nào bằng lời lẽ; nó chỉ được nhận bài học từ trải nghiệm” [42, tr.107]. Học tập được tiếp nhận tốt nhất trong quá trình, không phải ở kết quả. Nghĩa là giáo dục trải nghiệm không chỉ quan tâm đến kết quả của việc học đó ra sao mà quan trọng hơn là trẻ học như thế nào trong quá trình học tập đó. Như vậy, kết quả không phải là yếu tố quyết định tất cả về việc học mà cần quan tâm cả quá trình đi đến kết quả đó. Học tập trải nghiệm là quá trình liên tục bắt nguồn từ kinh nghiệm để tạo ra tri thức. Có nghĩa là nguồn gốc những kiến thức mà trẻ có được xuất phát từ thực hành chứ không phải là một lý thuyết. Từ những kinh nghiệm đã có đó, kết hợp với những gì mà trẻ cảm nhận được bằng các giác quan để xây dựng, một kiến thức mới hoặc mở rộng kiến thức của bản thân trẻ chứ không phải chỉ là ghi nhớ những gì trẻ thấy.

¹⁵ “The person who has lived the most is not the one with the most years but the one with the richest experiences”

Phương pháp này của J.J.Rousseau được bắt đầu dạy trẻ từ khi còn rất nhỏ bằng cách dần dần tập cho trẻ quen tiếp xúc với các đồ vật xấu xí, kì cục bằng cách cho trẻ tiếp xúc dần dần từ xa đến khi trẻ quen do người khác sờ mó đối tượng đó rồi chính trẻ sờ mó chúng. Như thế lớn lên, trẻ sẽ không sợ con vật nào. Cũng với phương pháp tiệm tiến này, ông dạy trẻ làm quen với các mặt lạ từ dễ thương đến xấu xí, hay những điều đáng sợ hơn như sấm sét hay những tiếng nổ. Câu chuyện ông giáo dục cậu học trò Émile của mình về sự vận hành của hệ mặt trời. “Ta hãy giả định rằng, khi tôi đang nghiên cứu với học trò mình về sự vận hành của mặt trời và về cách tìm phương hướng. Tôi sẽ nói với nó về tính hữu ích của các cuộc hành trình, về lợi ích trong giao dịch” [42, tr.235]. Thay vì thuyết giáo một bài nói về vị trí địa lý của các hành tinh mà chẳng học trò nào muốn nghe, vì nó luôn thắc mắc: “cái đó để làm gì?”, người thầy giáo cần dần dựng một buổi học thực tế đầy hữu ích. Vì vậy, J.J.Rousseau kết luận: “Để rèn luyện một kỹ năng, phải bắt đầu bằng việc kiếm cho mình công cụ và để có thể dùng các công cụ này một cách hữu ích, phải làm cho chúng đủ chắc chắn để chịu đựng được việc sử dụng [42, tr.155].

Tri thức thuần túy tư biện không mấy thích hợp với trẻ em, ngay cả khi gần đến tuổi thanh niên, “kiến thức thu được thông qua cảm giác trực quan và kinh nghiệm thực tế trong cuộc sống có lợi cho sự phát triển của trẻ em”¹⁶ [83, tr.420]. Vì vậy, khi cần, có thể thay bằng việc giảng lý thuyết đơn thuần, hãy cho trẻ tự tiến hành các thí nghiệm, thực hành dưới sự hướng dẫn rất ít và không tỏ ra hướng dẫn của thầy giáo. Người thầy chủ động tạo ra các tình huống, kết quả sai lầm và để tự học trò sửa chữa. Trong thực nghiệm, hệ thống hoá các thực nghiệm một cách lôgic sẽ giúp trẻ hiểu và nhớ lâu. Tất cả các thí nghiệm của học trò, cái này liên kết với cái kia qua một kiểu suy luận nào đó, để nhờ vào chuỗi tiếp nối ấy chúng có thể xếp các thí nghiệm này trong óc theo

¹⁶ “The knowledge gained though intuitive feeling and real experiences in life practice is more conducive to the growth of children”

một trật tự, và nhớ lại được khi cần. “Chẳng hạn, tôi muốn xem xét môn địa lý bằng hai giới hạn của nó, và kết hợp việc nghiên cứu các chu chuyển của đại cầu với việc chắc định các bộ phận của nó, bắt đầu từ nơi chốn ta đang ở. Trong khi đưa trẻ học về thiên cầu và như vậy là đưa mình lên bầu trời, các vị hãy dẫn nó trở về mặt đất và trước hết hãy chỉ cho nó nơi lưu trú của chính nó” [42, tr.221]. Thay vào việc sử dụng quả đại cầu, thiên cầu, bản đồ làm khí cụ; hãy bắt đầu bằng việc chỉ ngay đối tượng cho trẻ, để ít ra nó biết được thầy giáo đang nói với nó về cái gì. Theo đó, chỉ nên đưa các đối tượng ra cho trẻ một cách đúng lúc là đủ, khi lòng hiếu kỳ của nó bị thu hút khá đủ, hãy đề ra cho nó một câu hỏi vấn tắt nào đó đặt nó trên con đường giải đáp câu hỏi ấy.

Đặt đứa trẻ vào vị trí sự biến đổi để chúng cảm nhận được giá trị của những vị trí ấy, “dục vọng của người ấy là công cụ của kinh nghiệm, nhưng sau khi đã để tâm hồn mình cảm thụ các đối tượng bên ngoài, người ấy rút nó vào bên trong để xem xét chúng, so sánh chúng, hiểu biết chúng” [44, tr.495]. Cũng nên bắt đầu cho nó thành diễn viên để rồi lại làm khán giả. Bởi vì từ hàng ghế của khán giả người ta nhìn các sự vật như chúng biểu hiện, còn từ trên sân khấu người ta nhìn thấy các sự vật này như chúng vốn là như thế. Để bao quát được cái tổng thể phải tự đặt mình vào điểm quan sát, phải tiếp cận để thấy được các chi tiết. J.J.Rousseau cho rằng, muốn biết con người cần phải xem họ hành động; khi làm điều tốt người ta sẽ trở thành người tốt. Làm cho học trò luôn bận rộn trong mọi hành động tốt, ngang tầm trình độ của chúng, “các vị hãy đặt tất cả các bài học của thanh niên trong hành động hơn là trong lời nói; cái gì mà kinh nghiệm có thể dạy cho chúng được thì chúng đừng học trong sách vở. Nếu thay vào các bài diễn từ hay tuyệt, các vị lại nói cho nó phải làm thế nào để cho ông giám học cho nó nghỉ, thì các vị hãy tin chắc rằng nó rất chăm chú nghe các quy tắc ấy của các vị” [42, tr. 344]. Học tập trải nghiệm bao gồm các tương tác giữa con người với đối tượng. Nghĩa là kiến thức mà trẻ thu được không phải nhờ vào việc người thầy truyền thụ cho trẻ hay trẻ bị

động, ngồi yên, mà cách duy nhất để học tập thông qua giáo dục trải nghiệm là trẻ phải chủ động, tích cực tiếp xúc, tác động tới môi trường đó. Trẻ chính là trung tâm và là chủ thể của hoạt động trải nghiệm.

Phương pháp giáo dục đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp còn rèn cho trẻ khả năng tự chịu trách nhiệm với hành động của mình. Để trẻ được tận mắt nhìn thấy hoặc phải gánh chịu những hậu quả do chính mình gây ra từ đó tự khắc sẽ biết cần phải hành động thế nào. Bởi ông cho rằng trẻ quên mọi điều chúng đã nói và những điều người ta đã nói với nó, nhưng sẽ không bao giờ quên những gì chúng làm và những việc người ta làm với chúng. Chẳng hạn, nếu trẻ hay cẩu rồi phá hỏng những thứ nó đụng đến thì không vội cho trẻ những đồ đặc khác, mà cứ để nó cảm nhận sự thiếu thốn. Nếu trẻ làm vỡ cửa kính thì sẽ phải chịu cái rét và cứ để nó chịu sự bất lợi đó dù nó có thể bị cảm lạnh. Sau đó, không cần mắng mỏ, cho sửa cửa kính. Nếu đứa trẻ vẫn ương bướng mà lại đập vỡ cửa kính. Lần này sẽ nhốt nó vào phòng mà không có cửa sổ. Chỉ không lâu sau, chắc chắn đứa trẻ nhận thấy rõ hậu quả do mình gây ra không dám có tình đập vỡ cửa kính nữa [Xem 42, tr.119]. Phương pháp đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp này còn được J.J.Rousseau ứng dụng ngay cả khi học trò bước vào tuổi trưởng thành. Khi muốn giáo dục đứa trẻ trước nguy cơ sa ngã bởi thú vui chơi trác táng, ông đã dẫn ra một câu chuyện một ông bố khi không còn cách gì để dạy dỗ cậu con trai hám sắc, ông đã đưa cậu con trai đến thẳng bệnh viện chữa giang mai để cậu tận mắt chứng kiến cảnh tượng gớm ghiếc - hậu quả của hành vi dâm dăng. Lúc đó, người cha mới nói với con: “Đi, đồ trụy lạc khốn nạn, cứ đi mà theo cái khuynh hướng dâm tiện đã lôi kéo mày; chẳng mấy chốc mày sẽ sưng lúm đấy khi bị tổng cổ vào cái phòng này mà chịu những đau đớn ghê gớm nhất, mày buộc cha mày phải tạ ơn Chúa vì cái chết của mày” [42, tr.313]. Phương pháp giáo dục không cần nhiều lời này của J.J.Rousseau tỏ ra rất hiệu quả chỉ cần học lấy cách lựa chọn địa điểm, thời gian thuận tiện, rồi đưa tất cả bài học thành những tấm gương hữu ích với học trò. Chắc chắn tác dụng của nó rất lâu bền. Ngoài ra, theo J.J.Rousseau, môi trường trải nghiệm là một yếu tố quan trọng và cần thiết trong quá trình trải nghiệm.

Môi trường trải nghiệm phải gắn với tự nhiên để khai thác được hết kinh nghiệm của trẻ; đảm bảo an toàn, đầy đủ đối tượng trải nghiệm để trẻ có thể chủ động, tích cực tương tác với môi trường. Đặc biệt môi trường đó gắn liền với tự nhiên và tránh những ảnh hưởng của nền văn minh.

Như vậy, trên cơ sở phê phán lối giáo dục truyền thống, J.J.Rousseau đề cao phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Giáo dục trải nghiệm là việc người thầy tổ chức cho trẻ tương tác với đối tượng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của trí óc và đôi tay. Quá trình tổ chức trải nghiệm đó cần được thiết kế dựa trên vốn kinh nghiệm của trẻ và khơi gợi sự hứng thú, trí tò mò thúc đẩy trẻ tham gia vào hoạt động trải nghiệm. Trong hoạt động trải nghiệm, việc trẻ tích cực, chủ động tiến hành trải nghiệm quan trọng hơn kết quả của quá trình đó. Nghĩa là, chính người học sẽ được tham gia vào tình huống thật sự và khi các vấn đề nảy sinh, tự người học sẽ hiểu và tìm các phương pháp để giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, người thầy chỉ đóng vai trò hướng dẫn và không tham gia vào quá trình trải nghiệm của trẻ.

3.5.3. Quan niệm của J.J.Rousseau về phương pháp giáo dục “lấy người học làm trung tâm”

Trên cơ sở ủng hộ phương pháp thực hành, trải nghiệm trong giáo dục, J.J.Rousseau đưa ra kiến nghị rằng, phải thực hiện các nhiệm vụ của giáo dục thông qua quá trình phát triển tự nhiên của đứa trẻ, nhấn mạnh đặt trẻ em làm trung tâm trong thực hành, trải nghiệm, cần phải chú ý đến sự phát triển của đứa trẻ, bởi vì chỉ có sự phát triển đó mới có thể là thước đo của giáo dục. “Ý tưởng của Rousseau về giáo dục được gắn chặt vào phân tích lấy trẻ em làm trung tâm là một điều vô cùng thú vị”¹⁷ [68, tr.121]. J.J.Rousseau đã đưa ra quan điểm giáo dục lấy người học làm trung tâm căn cứ vào các lợi ích tự nhiên và trải nghiệm cá nhân của đứa trẻ. Theo quan điểm này, việc học tập

¹⁷ Rousseau's idea of education as anchored significantly on the child-centered analysis is galvanizingly interesting.

của đứa trẻ chủ yếu cần phải được tiến hành sao cho giống như hoạt động trò chơi và hoạt động lao động.

Phương pháp lấy người học làm trung tâm chính là tôn trọng quyền và giá trị của người học. Theo J.J.Rousseau, một trong những phương pháp quan trọng để giáo dục trẻ nên người là không nên lý luận với trẻ, lý luận với trẻ con là một trong những phương pháp giáo dục ngu ngốc nhất cần phải từ bỏ. Để có trái chín ta phải chờ cho các bộ phận của cây phát triển đầy đủ, để có kết quả tốt cần phải hội tụ đầy đủ các nguyên nhân sinh ra kết quả, quy luật ấy người làm thầy cần phải hiểu thấu đáo. Lấy người học làm trung tâm là phải làm cho trẻ nhỏ thấy được ý nghĩa của việc học và tự có trách nhiệm đối với việc học của mình. Nói cách khác trẻ sẽ phải tự học và người thầy chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, ông viết: “Chắc chắn là người ta rút ra được những khái niệm rõ ràng hơn nhiều và vững vàng hơn nhiều từ những sự vật mà ta tự học hiểu lấy như vậy, hơn là từ những sự vật được người khác giáo huấn; và, ngoài việc ta không hề làm cho lý trí mình quen phục tùng một cách nô lệ trước uy quyền, ta còn khiến mình thành giỏi giang hơn trong việc tìm ra các quan hệ, kết nối các ý tưởng, sáng chế các dụng cụ, so với trường hợp ta tiếp nhận tất cả những điều này y như người ta đem lại cho mình, và để đầu óc mình tiêu trầm trong trạng thái uể oải...” [42, tr.229]. Khi trẻ em tự học cũng có nghĩa rằng, chúng đang học một cách nghiêm túc, không bị ép buộc, miễn cưỡng theo lối áp đặt từ bên ngoài.

Hoạt động học là nhân tố trung tâm và không thể thiếu để đảm bảo cho trẻ hoàn thành tốt các nhiệm vụ của quá trình học tập, nên quá trình tự học là một hệ thống. Hoạt động tự học của trẻ có thể diễn ra ở mọi lúc mọi nơi. J.J.Rousseau viết: “Các bài học mà bọn học trò học lẫn nhau ở sân trường có ích cho chúng gấp trăm lần những gì người ta nói với chúng trong lớp” [42, tr.154]. Hoạt động tự học giúp trẻ thu nhận được kiến thức dưới sự hướng dẫn trực tiếp của người thầy trở nên vững chắc, sâu sắc, tạo ra cơ sở để vận dụng

kiến thức đó vào thực tiễn học tập. Tự học không những giúp trẻ không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà trong tương lai, họ sẽ trở thành những con người có óc phê phán. Cứ khi nào trẻ huy động mọi khả năng nhận thức hiện có của mình, tiến hành các hoạt động tìm tòi, khám phá tự giác, đứng trước mọi hiện tượng của thế giới khách quan là khi đó họ đang tiến hành tự học. Trẻ tự học sẽ mang lại sự phát triển tính tự giác, tích cực và tính độc lập nhận thức, khắc phục tính thụ động, ỷ lại vào thầy hoặc người khác. Bồi dưỡng hứng thú học tập, rèn luyện ý chí phấn đấu, đức tính kiên trì, óc phê phán, nâng cao niềm tin và năng lực bản thân.

Để thực hiện hiệu quả phương pháp lấy người học làm trung tâm, J.J.Rousseau đấu tranh chống lối giáo dục áp đặt. Ông đề xuất một trong những nội dung của phương pháp lấy người học làm trung tâm là gây hứng thú để kích thích sự độc lập, sáng tạo của trẻ, các em không học một cách miễn cưỡng “ta có thể hướng niềm hiếu kỳ của học trò sang biết bao nhiêu đề tài thú vị, mà không bao giờ xa rời các quan hệ thực tế và vật chất vừa tầm hiểu biết của nó” [42, tr.250]. Với bản tính tự nhiên của trẻ là thích tìm tòi, khám phá, khi được đóng vai trò chính trong giờ học, trẻ sẽ thấy hứng thú và say mê với việc học hơn so với phương pháp truyền thống. Theo J.J.Rousseau, việc giáo dục chỉ hiệu quả khi nó xuất phát từ bản chất tích cực của đứa trẻ để tác động lên bản chất này, phải từ bỏ những hành động mang tính cưỡng ép. Phải tôn trọng trật tự tự nhiên những hoạt động, khả năng tâm lý lứa tuổi, nếu làm trái trật tự này là không có kết quả để phát triển tất cả sức mạnh tự nhiên của trẻ, tức là cho nó sự phát triển tối đa. Mà trong quá trình vận động phát triển đó đứa trẻ mới là người thực hiện, thông qua những trải nghiệm, những hiểu biết do chính đứa trẻ khám phá mới là hiểu biết hay và lâu bền. Vì vậy, giáo dục đòi hỏi trẻ phải có nhu cầu, hứng thú, sự tò mò với đối

tượng. Bởi vì chính sự hứng thú, tò mò sẽ trở thành động lực thúc đẩy trẻ tham gia vào quá trình học tập và tự trải nghiệm để tìm hiểu thế giới xung quanh.

Ngoài ra, J.J.Rousseau còn đưa ra một số phương pháp khác để thúc đẩy phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm hoạt động hiệu quả như: *phương pháp trò chơi* trong rèn luyện giác quan. Nhằm đảm bảo cho trẻ thấy tự do và hứng thú cao độ trong việc học tập, J.J.Rousseau đưa ra phương pháp giáo dục học mà chơi, chơi mà học. Theo ông, việc để cho trẻ khó nhọc tự tìm tòi, khám phá thế giới giữa thiên nhiên hoang dã sẽ kích thích ở nó óc sáng tạo và tinh thần tự chủ, đồng thời thông qua đó, trẻ rèn luyện được sự tráng kiệt về thể chất, thích ứng với mọi điều kiện của thiên nhiên - điều kiện quan trọng giúp trẻ sống và làm việc sau này. *Phương pháp chia sẻ của người thầy* đối với hoạt động học của trò. J.J.Rousseau viết: “Các vị hãy nhớ rằng trước khi dám bắt tay vào đào tạo một con người, bản thân mình phải tự làm người đã; phải tìm thấy ở mình tấm gương cần đề xuất. Trong khi đứa trẻ còn chưa hiểu biết, ta có thì giờ chuẩn bị tất cả những gì tiếp cận nó, soa cho những cái nhìn đầu tiên của nó chỉ xúc động vì những đối tượng thích hợp để nó nhìn thấy” [42, tr.111]. Theo J.J.Rousseau, người học không được coi là người với một cái đầu trống rỗng, cần phải được người thầy nhồi nhét kiến thức vào trong đó. Người thầy có vai trò hoàn toàn khác, không còn là người độc đoán, mà là người hướng dẫn thân thiện, đồng thời là một người quản lý, một người tạo điều kiện, một nhà tâm lý, một người phân xử. Khác với phương pháp giáo dục truyền thống, chương trình giảng dạy tập trung không phải vào việc rèn luyện trí nhớ, mà chủ yếu vào việc hướng dẫn người học suy tư một cách sâu sắc thông qua các hoạt động thực tế, “các nhà giáo dục nên đóng vai trò gương mẫu trong các hoạt động giáo dục, giáo dục không nên giới hạn trong lời nói mà nên dạy bằng hành động thiết thực”¹⁸ [83,

¹⁸ “Educators should play an exemplary role in educational activities, education should not be limited to words, but should be taught by practical action”

tr.421]. Phương pháp giảng dạy được thiết kế sao cho đảm bảo được sự phát triển của các cá nhân về thể lực, đạo đức, trí tuệ, cảm xúc và tâm linh.

Cùng với trẻ, người thầy là người dẫn dắt, hướng trẻ vào môi trường thực tế, đồng thời là người quan sát, giúp đỡ và kiểm tra, hướng dẫn, hệ thống lại những kiến thức mà trẻ thu được trong quá trình học tập đó. Ông viết: “Các vị hãy làm cho học trò của mình chú ý đến các hiện tượng của thiên nhiên...Hãy đặt ra những vấn đề vừa sức nó, và hãy để nó tự giải quyết các vấn đề đó. Sao cho nó hiểu biết điều gì cũng không phải do quý vị đã bảo cho nó, mà vì nó đã tự tìm hiểu lấy; sao cho nó đừng học khoa học, mà tìm ra khoa học” [42, tr.217]. Người thầy giáo ở đây đóng vai trò khai thác khuynh hướng lứa tuổi là người lựa chọn hoàn cảnh nhằm kích thích sự tập trung chú ý, tò mò và sáng tạo của trẻ.

Phương pháp lấy người học làm trung tâm là một cách để tạo ra hiệu quả dạy và học ở mức tối ưu nhất. Khi trẻ được hoàn toàn tự quyết định và đưa ra sự lựa chọn của mình học cái gì và học như thế nào, chắc chắn những gì đưa trẻ làm sẽ đặc biệt được hứng thú bởi những quyết định của mình. Như đối với môn học trẻ thích thì sẽ để hết tâm trí vào môn học đó với sự say mê. Khi trẻ được kích thích sự sáng tạo, chúng sẽ luôn tìm tòi để tìm ra phương án mới để giải quyết các vấn đề được đặt ra. Đây là phương pháp dạy và học được nhiều người ủng hộ trong mọi nền giáo dục, đặc biệt là giáo dục hiện đại.

Tóm lại, J.J.Rousseau đã trình bày một hệ thống những con đường, cách thức được coi là tối ưu nhất để người học dễ dàng tiếp cận và nắm bắt nội dung tri thức. Song điểm chung nhất của các phương pháp này là đề cao tinh thần tự học, thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Trẻ em luôn đóng vai trò chủ động, tự giác tìm đến tri thức. Trẻ tự mình phát hiện ra cái mình muốn biết, sáng tạo lại khoa học, tuy nhiên để trẻ có khả năng như vậy, môi trường xung quanh, người thầy là yếu tố quan trọng để đưa ra những phương

pháp giáo dục, mà ở đó, mỗi đứa trẻ với những tiềm năng khác nhau đều có thể được kích thích và phát huy tối đa các khả năng tiềm tàng đó.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Nội dung tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau được thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Emily hay là về giáo dục* (Emile, or on education) và được thể hiện rải rác trong ba tác phẩm: *Julie hay nàng Heloise mới* (Julie, or the new Heloise), *Những lời bộc bạch* (The confessions), *Bàn về khế ước xã hội* (The social contract).

Chính từ những trải nghiệm của bản thân, từ sự phê phán gay gắt lối giáo dục đương thời; J.J.Rousseau đã thiết lập một nền giáo dục được định hướng theo bản tính tự nhiên của con người. Ở đó, quá trình giáo dục diễn ra cùng với sự phát triển tự nhiên và tự do của người học. Một nền giáo dục định hướng theo bản tính tự nhiên của con người tuyệt nhiên không phải được hiểu như là một tiến trình tự nhiên thuần túy, như thể chỉ phó mặc học trò với tiến trình trưởng thành tự nhiên của họ. Tiến trình tự nhiên đòi hỏi giáo dục phải lưu ý đến: sự tương ứng giữa một bên là các nhu cầu với bên kia là các sức mạnh và năng lực của bản thân đứa trẻ.

Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau được xây dựng trên nền tảng những quan điểm cơ bản của ông về con người, bản chất con người, đặc biệt là quyền tự nhiên của con người. Trên nền tảng triết lý giáo dục tự nhiên, J.J.Rousseau đã nhấn mạnh vào đối tượng giáo dục chính là trẻ em, những người ngay từ nhỏ cần được rèn luyện, uốn nắn để trở thành những công dân có ích cho xã hội. Từ chính đối tượng là giáo dục trẻ em, J.J.Rousseau đã đưa ra mục tiêu giáo dục vì chính đứa trẻ để được phát triển theo khuynh hướng tự nhiên của chúng và hướng trẻ đến sự phát triển cá nhân. Mục tiêu cuối cùng của giáo dục phải hướng trẻ đến cuộc sống tự chủ và hạnh phúc. J.J.Rousseau cũng đã đề ra những nội dung của giáo dục về giáo dục thể chất, giáo dục trí lực và giáo dục đạo đức một cách phổ quát trên cơ sở tôn trọng bản tính tự nhiên của con người. Song, tùy theo lứa

tuổi mà nội dung giáo dục sẽ nặng về một mặt nội dung nhất định nào đó. Ba nội dung giáo dục đức – trí – thể không phải được giáo dục tách biệt nhau mà luôn bổ sung cho nhau để hướng đến việc giáo dục trẻ một cách đầy đủ và toàn diện.

Cùng với nội dung, tác giả đã đặt ra nhiều phương pháp giáo dục khác nhau trong quá trình giáo dục để giúp trẻ có thể thu nạp kiến thức hiệu quả. J.J.Rousseau đã phê phán các phương pháp giáo dục trẻ dựa trên nguyên tắc quyền lực, bắt ý chí, nguyện vọng của trẻ phải phụ thuộc vào ý chí, nguyện vọng của người có quyền lực cao hơn. Đồng thời ông cũng lên án lối giáo dục theo sách vở, học thuộc; thay vào đó hãy trao cho trẻ một công việc tay chân nào đó. Theo ông, phương pháp dạy học phải tạo hứng thú cho trẻ, phải làm cho trẻ được trải nghiệm các kiến thức bằng những trải nghiệm thông qua những cảm nhận trực tiếp về con người và sự vật. Trên cơ sở tư tưởng giáo dục tự nhiên - tự do, J.J.Rousseau coi trọng việc phát triển sự tự hoạt động, quan sát, thực nghiệm và rút ra kinh nghiệm của trẻ thông qua các phương pháp giáo dục tự nhiên, phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp, phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục đã để lại nhiều giá trị cho nhân loại, trong đó có những quan điểm mà chúng ta có thể chọn lọc và học hỏi, phù hợp với bối cảnh của giáo dục Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ VỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

4.1.1. Những đóng góp

Nhà nghiên cứu triết học Bùi Văn Nam Sơn từng viết: “Học thuyết của J.J.Rousseau về giáo dục còn có sức tác động mạnh mẽ hơn nữa. Nó đã góp phần hình thành các phương pháp sư phạm khoan dung xem trọng tâm lý lứa tuổi của nền giáo dục hiện đại (thuyết phát triển, thuyết tiến hoá tự nhiên...v.v) với tên tuổi của nhiều nhà cải cách giáo dục lừng danh như Friedrich Froebell, Heinrich Pestalozzi, John Dewey, v.v...” [45, tr.9]. Tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau có sức ảnh hưởng khá lớn đối với các nhà tư tưởng sau này cũng như nhiều nền giáo dục trên thế giới. Nói chung, chủ trương giáo dục của J.J.Rousseau có nhiều điểm mới lạ được thể hiện trong triết học giáo dục của ông tiến bộ so với xã hội đương thời. Ông có cách nhìn tổng thể những mặt trái của xã hội văn minh và đưa ra những quan điểm độc đáo về mục tiêu, đối tượng, nội dung giáo dục đi kèm với phương pháp giáo dục trên cơ sở tôn trọng khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ.

Thứ nhất, J.J.Rousseau đã xây dựng lên một học thuyết triết học giáo dục, làm cơ sở cho giáo dục tiến bộ. J.J.Rousseau nhấn mạnh nhu cầu xây dựng một học thuyết giáo dục mới. Nền giáo dục tiến bộ là sự tương phản lại với một nền giáo dục truyền thống chủ yếu mang tính chất áp đặt về nội dung, độc đoán về phương pháp, trẻ em chủ yếu học thụ động và tiếp nhận.

Triết học giáo dục với mục tiêu là tìm ra giáo dục là gì và giáo dục diễn ra theo cách nào, giải đáp vấn đề giáo dục nên như thế nào. Theo J.J.Rousseau, cách tốt nhất để không dẫn ta đến sự viển vông là phát hiện điều gì thực sự xảy ra khi giáo dục diễn ra trong thực tế. Nhu cầu về một triết học giáo dục đó là nhu cầu tìm ra giáo dục thực sự là gì. Chúng ta buộc phải tìm ra những trường hợp

có sự phát triển thực sự và tìm hiểu sự phát triển đó diễn ra như thế nào. Sau đó chúng ta mới có thể dự phỏng điều gì đã và đang xảy ra trong những trường hợp đó, để rút ra kinh nghiệm cho việc hướng dẫn những nỗ lực khác. Nhu cầu về sự khám phá và dự phỏng này chính là nhu cầu về một triết học giáo dục.

Triết học giáo dục của J.J.Rousseau là một hệ thống các quan điểm giáo dục tương đối hoàn chỉnh từ mục tiêu giáo dục, đối tượng của giáo dục, chủ thể của giáo dục và nội dung học tập, phương pháp của người học, phương pháp của người dạy.

Thứ hai, theo J.J.Rousseau, mục tiêu giáo dục là giáo dục phát triển theo khuynh hướng tự nhiên của trẻ. Giáo dục không phải đào tạo con người để phục vụ lợi ích giai cấp trong xã hội mà rèn luyện bản tính tự nhiên vốn thiện trong con người được phát huy tối đa, với tư cách đó, con người sẽ là tác nhân cải tạo xã hội. Quan điểm về mục tiêu giáo dục theo khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ của J.J.Rousseau đã chống lại những mặt trái từ xã hội văn minh. Tư tưởng này có giá trị lâu bền và đã ảnh hưởng đến triết lý giáo dục của Friedrich Froebell. Ông “đã áp dụng lý thuyết về lợi ích của giáo dục tự nhiên này từ các tác phẩm của Jean Jacques Rousseau về bản chất của sự phát triển trẻ em”¹⁹ [71, tr.191]. Friedrich Froebell nêu lên nguyên tắc cần cho trẻ em hoạt động tự do và tin ở sự cố gắng bản thân của trẻ em để đạt một mục đích có lợi. Trong quá trình học, người ta không dạy trẻ mà giúp trẻ phát triển một cách tự nhiên. Yếu tố cơ bản cho các giai đoạn phát triển là học thuyết về sự hình thành trước trong đó định nghĩa sự phát triển của con người là sự bộc lộ những tiềm năng đã được hình thành sẵn trong con người.

Sự bộc lộ tiềm năng bắt nguồn từ chủ nghĩa tự nhiên, nơi mục đích của giáo dục là giúp đưa trẻ học tập và phát triển một cách tự nhiên, không bị ảnh hưởng bởi những tác động xấu của xã hội. Giá trị này đã chỉ ra sai lầm trong mục tiêu

¹⁹ “He adopted this theory of natural education from the writings of Jean Jacques Rousseau on the nature of child development”.

học ra làm quan, học vì người khác trong giáo dục Việt Nam. Với quan điểm, giáo dục đem lại tất cả những gì con người cần khi trưởng thành nhưng lại không có khi chào đời, J.J.Rousseau cho rằng giáo dục phải tạo ra những người công dân tự do. Người công dân theo quan điểm của J.J.Rousseau được hiểu là người biết sống vì người khác, không ganh đua, ghen tị, bằng lòng với thực tế, biết đóng góp cho lợi ích chung của xã hội.

Mục tiêu của giáo dục không phải là tạo kiến thức cho trẻ mà phải làm cho trẻ tìm kiếm kiến thức. Quan điểm này của J.J.Rousseau đã chỉ đường cho hệ thống giáo dục thiên về thực hành trải nghiệm, chống lại quan điểm dạy học chỉ lý luận với trẻ. Giá trị này có ý nghĩa quan trọng đối với mục tiêu giáo dục của Việt Nam hiện nay đã bị ảnh hưởng bởi mục tiêu giáo dục từ thời phong kiến. Những đứa trẻ được rèn luyện ngay từ nhỏ để học cách tìm tòi, khám phá kiến thức mới. Đặc biệt, những đứa trẻ được hướng sự tìm tòi, khám phá những điều mới lạ trong tự nhiên. Kiến thức và hiểu biết của trẻ chỉ được hình thành khi những đứa trẻ đó tự chính mình hoạt động và trải nghiệm. Người thầy có vai trò hướng dẫn trẻ và đứng bên ngoài quan sát hành động của trẻ. Trong trường hợp trẻ gặp phải những trở ngại trong quá trình tìm kiếm kiến thức của mình, người thầy sẽ đóng vai giúp trẻ nhận ra bước tiếp theo phải đi trong quá trình tìm kiếm kiến thức đó.

Thứ ba, về đối tượng giáo dục, J.J.Rousseau tiếp tục chỉ rõ đối tượng giáo dục là ai và phân chia nhóm tuổi để giáo dục một cách phù hợp. Thường người ta nhìn đối tượng một cách sai lệch, không nhìn đúng đối tượng, mà nhìn đối tượng qua mình. Trẻ em không phải là người lớn, trẻ em có một bản chất riêng những đặc tính cá biệt. Một trong những công lao lớn nhất của J.J.Rousseau là coi đối tượng giáo dục là trẻ em, nghĩa là một nhóm tuổi đặc biệt, không thể nhầm lẫn với các nhóm tuổi khác. Một nền giáo dục lương chính phải xuất phát từ trẻ em, theo dõi quá trình phát triển của trẻ em và bước tiến tự nhiên của trái tim con người.

Nghiên cứu đối tượng giáo dục, J.J.Rousseau không thể tách rời việc hiểu bản tính tự nhiên của con người. Ông đã để lại một ý nghĩa giá trị rất lớn lao dựa trên truyền thống phương Tây và từ chính kinh nghiệm của mình. Ông cho thấy rằng, không thể hiểu người học, kể cả trẻ thơ, nếu không hiểu con người và bản tính tự nhiên con người nói chung. Cha, mẹ, người thầy trước hết phải hiểu con người, bản tính tự nhiên của con người, chính là hiểu đối tượng giáo dục. Theo J.J.Rousseau, những tư tưởng giáo dục nói chung và toàn bộ thực tiễn giáo dục cần phải được xây dựng trên nền tảng triết học xác định. Tư tưởng triết học là sự dẫn đường chung cho mọi hoạt động nhận thức của con người. Những tư tưởng giáo dục cũng như toàn bộ công việc tổ chức thực tiễn giáo dục phải được thực hiện một cách rất căn bản, không thể tùy tiện; không được làm ngẫu hứng theo sự tưởng tượng của người làm công việc giáo dục hoặc người được “phân công” làm công việc giáo dục. Đây là ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hiểu đối tượng giáo dục là trẻ em của J.J.Rousseau.

Thứ tư, nội dung giáo dục của J.J.Rousseau so với các nhà triết học cùng thời đã mang tính phổ quát, toàn diện trên ba phương diện chính: đức, trí, thể. Nội dung giáo dục này cũng thể hiện việc ông chú trọng đến khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Ông chú trọng nội dung giáo dục các môn học tự nhiên chứ không chỉ thuần túy các môn tư biện như những nhà giáo dục đương thời. Ông đã quan niệm hạnh phúc là kết quả của một cuộc đời sáng tạo ra giá trị lợi ích, đạo đức. Tất cả nội dung giáo dục ông hướng đến đều vì mong muốn để trẻ được rèn luyện và phát triển một cách tự nhiên nhất về thân thể, trí óc và những rung động về mặt tình cảm, đạo đức. Vì thế, mỗi nội dung học là một phương tiện đưa người học đến điều mà họ ước mong. Rõ ràng đó là ý tưởng sáng tạo trên nền tảng của J.J.Rousseau: mỗi nội dung học đem lại cho người học trò sự hoàn thiện các giác quan, rèn giữa sự nhạy bén của trí tuệ, phát huy quyền tự do, tiến tới hạnh phúc.

J.J.Rousseau đặc biệt chú ý đến giáo dục ý thức lao động “tất cả thời gian có thể bị mất nếu không sử dụng tốt qua lao động”²⁰ [67, tr.6535], ông đã nêu bật tầm quan trọng của giáo dục thể chất. Đòi hỏi một nội dung giáo dục sát với thực tế. Ông đã đấu tranh chống lại tư tưởng phong kiến; chống chủ nghĩa kinh viện, chủ nghĩa giáo điều; phản đối kỷ luật roi vọt. J.J.Rousseau tuyên bố tôn trọng cá tính của trẻ em, bênh vực quyền lợi của trẻ em, đề cao tính sáng tạo và tính tích cực của trẻ em. Sáng kiến thiên tài, sự độc đáo trong cách tiếp cận nghiên cứu của J.J.Rousseau là: ông nhìn nhận, đánh giá giáo dục theo cách mới của mình trong một xã hội có nhiều mâu thuẫn và tư tưởng lạc hậu.

Ngoài ra, quan điểm giáo dục đạo đức của J.J.Rousseau cũng để lại nhiều giá trị sâu sắc và đã ảnh hưởng đến Kant, “Xuất phát từ nguyên lý của Rousseau khẳng định sự độc lập của nhân cách đạo đức với học thức và giáo dục, Kant cho rằng các nguyên lý đạo đức độc lập với mọi lĩnh vực hoạt động khác của con người. Kant theo lập trường duy lý trong đạo đức học, cho rằng các khát vọng cảm tính chỉ đưa con người tới chỗ hưởng thụ cá nhân, ích kỷ, phi đạo đức” [62, tr.402]. Nhà sáng lập triết học cổ điển đức đưa ra nguyên tắc cơ bản của đạo đức là tuân theo mệnh lệnh tuyệt đối, khuyên mỗi người hành động tới mức tối đa sao cho điều đó trở thành quy luật phổ quát, nghĩa là điều đó được đưa vào cơ sở lập pháp phổ biến. “Vì lý tính thực hành mới là kẻ duy nhất có quyền hướng dẫn những hành vi của ta, nên ta không xem những hành vi đạo đức là bắt buộc phải làm bởi vì đó là những mệnh lệnh của Thượng đế, trái lại, ta xem chúng là những mệnh lệnh thiêng liêng bởi vì ta thấy có nghĩa vụ phải làm từ trong nội tâm ta” [3, tr.1158]. Chỉ có hành động nào của con người phù hợp với mệnh lệnh tuyệt đối trên đây mới coi là có đạo đức. Thứ nhất, mỗi người đều có quyền và cần hành động theo điều kiện và ý muốn sao cho ai cũng làm được như thế. Thứ hai, mỗi người đều có quyền và cần phải cho phép những người

²⁰ “All the time is which might be better laboured”

khác có được quyền như thế và tạo điều kiện để họ thực hiện nó. Thứ ba, mọi người đều có quyền và cần phải ngăn chặn những người khác hành động trái với mệnh lệnh tuyệt đối trên trong chừng mực có thể làm được. Mệnh lệnh tuyệt đối của Kant hướng mọi người tới hoạt động cộng đồng, đòi hỏi họ sống phù hợp với tự nhiên.

Thứ năm, J.J.Rousseau đã trình bày quan điểm về phương pháp phát huy quyền tự do, sáng tạo của người học. Phương pháp giáo dục có thể nói chính là điểm thành công nhất mà J.J.Rousseau đã thể hiện trong học thuyết giáo dục bất hủ này. Phương pháp giáo dục tiến bộ mà ông đề xướng là: Phương pháp giáo dục tự nhiên, phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp, phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm, “các ví dụ mang đến ý nghĩa nhiều hơn các quan niệm”²¹ [67, tr.6532]. Giáo dục không phải là đưa thông điệp vào người tiếp nhận, mà điều cốt lõi là khiến mỗi cá nhân phải cảm thấy thích thú và có lợi khi tiếp nhận nó. Nếu chỉ nhào nặn con người với duy nhất một trạng thái thì anh ta sẽ là vô dụng trong mọi tình huống khác. Ông đã đấu tranh với tư tưởng phong kiến, chống chủ nghĩa kinh viện, chủ nghĩa giáo điều, chống kỷ luật roi vọt và lập trường duy lý, duy khoa học. Ông tuyên bố nhân loại bình đẳng, tôn trọng cá tính của trẻ em, bênh vực quyền lợi của trẻ, đề cao sáng tạo và tính tích cực của trẻ. Về phương pháp giảng dạy, ông chú ý đến nguyên tắc trực quan, phương pháp thực nghiệm, đàm thoại, đến mối liên hệ giữa giảng dạy và thực tiễn. Ông đặc biệt chú ý đến giáo dục giác quan, ý thức lao động. Giáo dục không phải dạy kiến thức mà dạy phương pháp tìm kiếm tri thức, phương pháp tự học. Các phương pháp giáo dục trên của J.J.Rousseau cũng rất phù hợp với giáo dục Việt Nam hiện nay, khi phương pháp giáo dục của chúng ta đã lỗi thời và nặng về lý thuyết.

²¹ “Examples is better than perception”

Tư tưởng của J.J.Rousseau về phương pháp giáo dục trẻ, đặc biệt là đề cao cảm giác thông qua việc thực hành trải nghiệm trực tiếp đã ảnh hưởng đến các nhà giáo dục sau này, trong đó có John Dewey. “Dewey đồng ý với Rousseau và Freire rằng không thể học được nếu không có cảm giác và sẽ không thể tăng trưởng nếu mọi thứ trở thành nỗi sợ hãi”²² [79, tr.540]. J.J.Rousseau có những ý tưởng liên quan đến kinh nghiệm giáo dục trẻ. J.J.Rousseau đưa ra ví dụ về cảm giác băng nóng trên môi Émile, và cây gậy dường như bị vỡ trong nước và cách những trải nghiệm có thể đánh lừa chúng ta. Nhưng, kinh nghiệm có thể củng cố kiến thức của một người khác. Khi J.J.Rousseau đưa Émile đi quan sát mặt trời lặn và mặt trời mọc, Émile cuối cùng cũng có thể hiểu được khái niệm này. Đây là một trường hợp mà kinh nghiệm có lợi trong quá trình giáo dục trẻ. John Dewey cũng đã khẳng định khả năng học tập thông qua thực hành và trải nghiệm, ông đã đưa ra phương pháp giáo dục thực nghiệm, theo đó người học chỉ có được các tri thức thực sự khi bằng hoạt động thực tế của mình, người đó có thể thực hiện những thay đổi thực sự ở các sự vật, chứ không phải bằng cách ghi nhớ các luận điểm lý thuyết suông. Những thay đổi thực tế này có thể hoặc khẳng định hoặc bác bỏ các tri thức có được. Nếu không như vậy, các kiến thức thuần túy mà người học lĩnh hội được từ người thầy và sách vở vẫn chỉ là những phỏng đoán; tính chân thực hay giả dối của chúng chưa được xác định, chưa được thuyết phục. Dewey coi phương pháp giáo dục được kiểm nghiệm bởi thực tế, bởi trải nghiệm thực tế và cuộc sống là nguồn gốc căn bản nhất của khoa học sư phạm. Những tri thức và các kỹ năng có được từ thực tế và trải nghiệm thực tế mới trở nên sâu sắc, được ghi khắc trong tâm trí của người học hơn nhiều so với phương pháp giáo dục truyền thống thông qua việc truyền bá một khối kiến thức bắt buộc nhất định.

Thứ sáu, tư tưởng của J.J Rousseau về giáo dục cho phép ta hiểu rằng, phải đặt người học vào trung tâm trong sự quan tâm của chúng ta (lấy người học làm

²² “Dewey agreed with Rousseau and Freire that no learning is impossible without feelings”

trung tâm), cụ thể là trong quá trình giáo dục, cả trong xây dựng tư tưởng, lý thuyết và thực tiễn giáo dục. Như thế, xét cả về lý thuyết và thực tế, tư tưởng của J.J.Rousseau rất phù hợp, hay nói đúng hơn, là một trong những tiền đề cơ bản của tư tưởng lấy người học làm trung tâm trong toàn bộ công việc giáo dục. Điều đó cũng có nghĩa là, “tư tưởng đặt người học làm trung tâm của ông chỉ ra yếu tố mang tính bản chất hay thuộc về nguyên lý của giáo dục” [5, tr.90]. Bởi vì, nếu không để người học tự do, tự chủ, thì một nền giáo dục không thể vận hành; chỉ khi đặt người học làm trung tâm, người học mới xác định được mục đích chung cơ bản cũng như những mục tiêu cụ thể của giáo dục.

Tiếp thu quan điểm giáo dục “lấy người học làm trung tâm” của J.J.Rousseau, John Dewey coi đứa trẻ là xuất phát điểm, là trung tâm và là kết thúc của tất cả. “Không cái gì có thể cản trở sự phát triển của đứa trẻ. Mục đích chủ yếu của nền giáo dục là tạo điều kiện cho việc phát triển đầy đủ và tự do của đứa trẻ về thân thể và trí tuệ” [6, tr.16]. Giáo dục là xây dựng con người có khả năng thích nghi với các tình huống khác nhau trong các điều kiện hoạt động tự do. Về thực chất, mục tiêu cơ bản của giáo dục trong nhà trường chính là giúp đứa trẻ có được các năng lực giải quyết các nhiệm vụ của cuộc sống trong mọi tình huống có thể. Trẻ em sẽ nắm được các kỹ năng sáng tạo, lĩnh hội được các kinh nghiệm phong phú gắn liền với các tri thức lý thuyết thuần túy và các kiến thức hành động, cũng như có được khuynh hướng năng lực tự học và tự hoàn thiện bản thân. Ở đây, Dewey đặc biệt nhấn mạnh rằng, trách nhiệm chủ yếu của giáo dục là phải mang lại cho đứa trẻ các kỹ năng giải quyết vấn đề rộng rãi nhất trong các hoàn cảnh sống và các tình huống khác nhau.

4.1.2. Một số hạn chế

Cũng như các bậc tiền bối hay các nhà giáo dục đương thời, lý luận giáo dục của J.J.Rousseau có một số yếu tố không tưởng và bất cập.

Thứ nhất, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau thiên về tự nhiên dễ biến “bản tính tự nhiên” thành cái gì khá mơ hồ và huyền hoặc, có thể đi ngược lại

nhu cầu thực tế của trẻ em. Thực tế, con người là một thực thể xã hội, các nhu cầu của con người không chỉ là đáp ứng các nhu cầu tự nhiên mà còn đáp ứng các nhu cầu xã hội khác. Do vậy, việc học tập và phát triển của trẻ sống trong một xã hội, đặc biệt là trong xã hội hiện đại cần phải tuân theo một số nguyên tắc của xã hội để đạt được mục đích của mình. Ngoài ra, Bùi Văn Nam Sơn đã chỉ ra rằng, trong giáo dục J.J.Rousseau dễ phạm sai lầm về phương pháp: biến những nhận định có tính mô tả (a, b là tự nhiên) thành những mệnh lệnh có tính quy phạm (phải làm theo a và b). Sự ngộ nhận này rất nguy hiểm, vì không phải cái gì “hợp tự nhiên” cũng là tốt và quên rằng nhiều giá trị nhân văn hình thành từ nỗ lực “chống” lại tự nhiên [Xem: 47]. Nghĩa là, không phải cái gì cứ thuận theo tự nhiên là tốt. Ở đây chúng ta cần hiểu tường tận, con người chỉ thuận theo tự nhiên trong những trường hợp làm trái với nó sẽ tạo ra sự áp đặt và ảnh hưởng đến sự phát triển của con người. Tuy nhiên, những hành động đi ngược lại với tự nhiên mà mang lại kết quả tốt cho con người thì chúng ta phải làm. Nhân loại đã chứng kiến sự thay đổi nhờ các thành tựu của khoa học công nghệ. Khoa học nhân tạo đã mang lại lợi ích cho con người trên nhiều mặt của đời sống xã hội.

Thứ hai, J.J.Rousseau đã chủ trương thiết lập một nền giáo dục phòng vệ đối với việc giáo dục trẻ trước mười lăm tuổi, giáo dục con người bằng cách: cách ly họ khỏi môi trường xã hội - cho thấy tính chất không tương và bất khả thi trong lý luận giáo dục của J.J.Rousseau. “Ông đã có hạn chế là quá nhấn mạnh vào nền giáo dục phòng vệ”²³ [67, tr.6536]. Giáo dục con người bằng cách đưa trở về nông thôn là ngược với xu thế phát triển tất yếu của lịch sử, thể hiện tính bi quan lịch sử. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh “trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội” [32, tr. 11], nghĩa là con người không phải và không thể là một cá thể cô lập trừu tượng, mà bao giờ cũng là con người tồn tại trong xã hội. Hơn nữa, con người không phải là sản

²³ “He had stressed on negative education”

phẩm của xã hội nói chung, mà bao giờ cũng là sản phẩm của một hình thái xã hội nhất định. Đưa con người ra khỏi xã hội, để rồi sau đó lại đưa con người đó trở lại cải tạo xã hội là quan niệm hoàn toàn sai lầm, và không tưởng. Bởi lẽ, ngay khi con người bị bóc tách ra khỏi xã hội – môi trường sống là người duy nhất, thì họ không còn là con người nữa.

Thứ ba, trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*, J.J.Rousseau đã chia thành năm giai đoạn để giáo dục trẻ em từ lúc mới chào đời đến lúc trưởng thành, tương ứng với năm quyển trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*. Theo tác giả, một mặt khi phân chia như vậy có thể hiểu được tâm lý lứa tuổi để giáo dục một cách phù hợp hơn. Tuy nhiên, sự phân chia thành các giai đoạn này rõ ràng là cảm tính và hình thức. Ví dụ: ông thấy phải khi trẻ mười hai tuổi mới bắt đầu dạy trẻ những tri thức. Đây không chắc được đảm bảo tính khoa học. Hoặc việc mỗi giai đoạn ông chú trọng một nội dung giáo dục cũng không phải hoàn toàn hợp lý. Ví dụ không thể chờ đến khi trẻ bước sang tuổi dậy thì, bài học đạo đức mới được bắt đầu. Hơn nữa, J.J.Rousseau đã tiếp tục luận giải một xu hướng sư phạm mới - dạy học cá thể nghĩa là phương pháp giáo dục lấy học trò làm trung tâm, nghiên cứu tâm sinh lý của từng em một để có phương pháp thích hợp, song ông lại ấn định các giai đoạn giáo dục trên mà không mềm dẻo trên từng đối tượng người học để thấy rõ sự bất cập trong cách giáo dục của ông. Hơn nữa, vào mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, khoa học công nghệ ngày càng phát triển, quá trình phát triển của trẻ về mặt tâm sinh lý cũng có khác biệt, nên việc phân chia lứa tuổi có thể phù hợp với thời đại của J.J.Rousseau nhưng chưa chắc đã phù hợp với các giai đoạn lịch sử khác.

Thứ tư, J.J.Rousseau đã có tư tưởng lạc hậu đối với vấn đề giáo dục nữ giới. “Ông đã có quan điểm sai lầm liên quan đến giáo dục nữ giới”²⁴ [67, tr.6536]. Tư tưởng của J.J.Rousseau với vấn đề giáo dục nữ giới cần phải nhìn rõ

²⁴ “He had expressed faulty view concerning women education i.e. literary education will not suit women”

cả mặt tích cực và tiêu cực. Việc đề cao sự tự do trong tình yêu nam nữ, trong hôn nhân gia đình - đây là những điều mà trước kia J.J.Rousseau gọi là lý tưởng và bị một số người cho là không tưởng thì giờ đây lại chính là mục tiêu của xã hội ngày nay: gia đình được hình thành trên cơ sở tình yêu tự nguyện của nam và nữ. Ông không ủng hộ hôn nhân do cha mẹ sắp đặt dựa trên sự tương hợp của dư luận. Ông còn định tuổi sinh con, trách nhiệm của bậc cha mẹ với con cái và xã hội. Đó là những quan niệm rất tốt. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tiến bộ đó, ông cũng không thể vượt khỏi thời đại ông đang sống. Ông lại mắc một số sai lầm khi cho rằng: “Phụ nữ sinh ra là để làm đẹp lòng đàn ông” [42, tr.504]. Có thể thấy rằng, mặc dù J.J.Rousseau cũng đã bênh vực quyền phụ nữ, tuy nhiên ông vẫn bị ảnh hưởng bởi quan niệm thời phong kiến về trách nhiệm và bổn phận của người phụ nữ trong gia đình, xã hội. Và ông coi tất cả những phẩm chất ấy đều do tự nhiên ban tặng.

Thứ năm, J.J.Rousseau phê phán quan điểm giáo dục lạc hậu của giai cấp phong kiến, nhưng ông cũng không tán đồng cách cai trị, cầm quyền của giai cấp tư sản đương thời. Bởi vì, họ chỉ quan tâm đến lợi ích nhóm và không chú trọng đến sự phát triển của cá nhân và xã hội theo phương châm tự do, bình đẳng. Nguyễn Mạnh Tường viết thêm: “J.J.Rousseau chống lại phong kiến nhưng không ủng hộ tư sản, do đó, đứng ở lập trường lòng chừng của giai cấp tiểu tư sản” [58, tr.501]. Ông không ủng hộ chế độ phong kiến, cách cai trị không bình đẳng, vì vậy, giáo dục không bình đẳng. J.J.Rousseau cũng không hoàn toàn ủng hộ giai cấp tư sản, một giai cấp mới lên đại diện cho xu hướng mới trong xã hội Pháp và châu Âu. Vì vậy, các quan điểm của ông không có một chủ trương nào triệt để. Hơn nữa, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau còn chứa đựng yếu tố duy tâm vì ông cho rằng, con người được thông minh là nhờ quyền năng của Chúa. Căn cứ vào một ý thức nội tâm, ông vẫn theo một tôn giáo gọi là thiên nhiên. Rèn luyện một môn đệ, ông làm nó tránh được các thành kiến phong kiến, nhưng nó không thoát khỏi thành kiến tiểu tư sản.

4.2. Một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay

4.2.1. Khái quát một số vấn đề của giáo dục Việt Nam hiện nay

Sau những lần cải cách giáo dục trước đây, ngành giáo dục Việt Nam đã đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng, có sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của đổi mới giáo dục đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần khắc phục mà trong văn kiện và nghị quyết của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đề ra. Tựu chung lại, giáo dục Việt Nam đang có một số vấn đề cơ bản như sau:

Thứ nhất, trong văn kiện Đảng đã chỉ rõ: “đào tạo bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu, một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp” [2, tr. 30]. Giáo sư Văn Như Cương từng trả lời báo PetroTimes rằng: trên thực tế thì nền giáo dục của chúng ta đang ở trong trạng thái của một nền giáo dục ứng thí, mục đích đi học chỉ là để đi thi, đi thi để có một văn bằng, càng cao càng tốt. Nếu chưa có việc thì dùng văn bằng để tìm việc, nếu đã có việc rồi thì dùng văn bằng để thăng quan tiến chức. Sở dĩ chất lượng nguồn nhân lực của nước ta thấp có nguyên nhân ở việc chất lượng giáo dục chưa đảm bảo. Người ta thường nói, giáo dục Việt Nam thừa thầy, thiếu thợ nhưng thực tế giáo dục Việt Nam tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo đại học thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và số lượng người được đào tạo nghề lại còn thấp hơn nữa. Tâm lý người học không chuộng các mô hình đào tạo nghề do xu hướng xã hội sính bằng cấp. Nói đúng hơn chúng ta thiếu cả thầy và thợ. Hơn nữa, khi đã nhận tấm bằng trong tay, người học cũng khó mà thực hành nghề ngay được do nội dung giáo dục thiên lý thuyết hàn lâm mà ít chú trọng đến kỹ năng thực hành. Hơn nữa, giáo dục nước nhà chưa thực sự chú ý đến đối tượng giáo dục là người học, giáo dục phải vì một mục đích duy nhất là vì lợi ích và phát triển của người học. Nguyên nhân sâu xa của hiện trạng này là ảnh hưởng từ nền giáo dục phong

kiến. Người học chưa thực sự học vì chính mình mà học với trách nhiệm cho gia đình, dòng tộc, học để làm quan. Ngày nay, những đứa trẻ đi học cũng vì nhiều áp lực xung quanh từ bố mẹ, gia đình và xã hội, chúng chưa thực sự được học vì chính mình, vì sự tự do và khả năng của bản thân. Vì vậy, giáo dục ở Việt Nam vẫn còn những thiếu sót cả về chất lượng và số lượng. Thực trạng nền giáo dục nước nhà cấp thiết đòi hỏi một sự thay đổi có tính chất tổng thể gốc rễ chứ không đơn giản chỉ là những giải pháp có tính chất chắp vá như hiện nay.

Thứ hai, việc xây dựng chương trình giáo dục của chúng ta vẫn còn một số điểm hạn chế, “chương trình giáo dục còn coi nhẹ thực hành, coi nhẹ vận dụng kiến thức, thiếu gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động.” [2, tr.30]. *Chương trình giáo dục* của nước ta còn chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa, chưa gắn chặt với đời sống xã hội và lao động nghề nghiệp; chưa phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên. Các môn học trong chương trình học được dạy riêng rẽ chưa có sự liên kết logic khiến cả người học và người dạy khó nắm bắt bản chất sâu xa là mỗi ngành khoa học đều nằm trong mối quan hệ với các ngành khoa học khác và cùng hướng đến mục tiêu phục vụ con người. *Nội dung giáo dục* của chúng ta có phần quá tải, nặng lý thuyết kinh viện, thiếu thực hành ứng dụng; thời lượng học trên lớp và làm bài tập ở nhà quá nhiều, học sinh thiếu thời gian để rèn luyện thể chất, vui chơi giải trí và ứng dụng vào thực tế những điều đã học. Học sinh có xu hướng học lệch, học tủ, phụ huynh muốn con em học thêm nhiều vì mục tiêu trước mắt, chạy theo những bộ môn khoa học tự nhiên, coi nhẹ các bộ môn khoa học xã hội và những lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, chạy theo những ngành nghề dễ kiếm việc làm, sớm có thu nhập và thu nhập cao. Cả cha mẹ và thầy cô đều nỗ lực nhồi nhét sao cho thật nhiều tri thức vào bộ óc non nớt của trẻ để mong chúng sớm trở thành người giỏi giang vì một tương lai mơ hồ phía trước, mà không hề hiểu trẻ em là trẻ em và có quyền là trẻ em trước khi là người trưởng thành. *Về phương pháp giáo dục*, “phương pháp

giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất, còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành, chưa chú trọng giáo dục toàn diện. Chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc” [2, tr.30]. Tại hầu hết các trường học của Việt Nam vẫn duy trì theo kiểu thầy cô thuyết giảng, học sinh, sinh viên chỉ tiếp thu được một cách thụ động, dạy một biết một, không có hướng cho học sinh tự mày mò, tìm hiểu được. Phương pháp giáo dục áp đặt này hoàn toàn không hợp lý và trái với sự phát triển tự nhiên của trẻ. Nó đã kìm hãm sự phát triển của óc tư duy sáng tạo, làm cho người học thụ động, ít có khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Phương pháp dạy truyền thống, lấy người thầy làm trung tâm đã làm giảm vai trò của người học. Mặc khác, các phương tiện giảng dạy hiện nay còn hạn chế nên các thầy cô chưa thể truyền tải hết phần hồn và nội dung bài học cho người học.

Thứ ba, Việt Nam dù chưa xuất hiện cụm từ “triết lý giáo dục” trong các văn bản liên quan đến giáo dục Việt Nam, trên thực tế đã xác lập một triết lý giáo dục. Nhưng rắc rối và phức tạp ở Việt Nam là trong khi diễn đạt và thực thi triết lý giáo dục, cả người làm quản lý và giáo viên không gọi tên hay chỉ ra triết lý giáo dục đó là gì, vai trò của nó như thế nào đối với toàn bộ hệ thống giáo dục. Do vậy, khi nhìn vào giáo dục Việt Nam, người ta sẽ vừa thấy sự hiển hiện của triết lý giáo dục vừa không thấy rõ nó. Hệ quả là sự lúng túng thể hiện ở cả lý luận và thực tiễn. Nói cho công bằng thì có nhiều vấn đề giáo dục Việt Nam đang đối mặt ở trên thế giới cũng có. Ví dụ ở Nhật Bản vẫn có bắt nạt trường học, có hiện tượng học sinh cự tuyệt trường học. Nhưng sự xuất hiện toàn diện và dày đặc các vấn đề ở trường học sẽ đặt ra câu hỏi về ngọn nguồn của các vấn đề. Khi muốn chỉnh sửa toàn diện các vấn đề của giáo dục thì đương nhiên phải đặt ra câu hỏi về “đường hướng” – tức là triết lý – vì nó chi phối toàn bộ các công việc tiếp theo của giáo dục từ tổ chức hành chính, cơ cấu trường học tới nội dung chương trình, sách giáo khoa, phương pháp. Việc nhìn lại vấn đề này trong bối cảnh hiện tại là vô cùng cần thiết vì nếu không làm sáng tỏ đích đến của giáo

dục, tương lai lý tưởng của giáo dục, những người làm giáo dục sẽ dễ lấy các con số (chủ nghĩa thành tích) để biện minh cho mục đích giáo dục.

Trên thực tế, phương pháp giáo dục thụ động, áp đặt thông qua các bài học thông qua giáo viên và các hoạt động trên giấy, chương trình học được thực hiện giống nhau tại cùng một thời điểm, không quan tâm đến sở thích cá nhân. Như thế là người học chưa thực sự làm chủ và chưa được đối xử bình đẳng. Mỗi nhà trường cũng chưa thực sự được quyền tự chủ về khoa học cũng như các vấn đề khác như tài chính hay quản lý. Dư luận xã hội đang đặc biệt quan tâm đến những vấn đề nổi cộm của giáo dục đào tạo hiện nay. Nhu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi bức thiết giáo dục cần phải thực hiện một cuộc cải cách và sự đổi mới này phải là cải tổ phần gốc rễ của nền giáo dục. Để cải tổ phần gốc rễ của hệ thống giáo dục thì trước tiên chúng ta cần một triết lý giáo dục đúng đắn. Có thể hiểu, triết lý giáo dục là lý luận chung nhất về giáo dục, vạch ra những mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức phát triển của giáo dục và đây là một lý luận như kim chỉ nam, dẫn đường cho sự phát triển của một nền giáo dục. Thật ngạc nhiên là đã từ hơn hai trăm năm trước, J.J.Rousseau đã chỉ ra hầu hết những sai lầm trong quan niệm về giáo dục hiện chúng ta đang mắc phải, đồng thời còn chỉ ra cách khắc phục những sai lầm đó. Nghiên cứu tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau để thấy rõ những giá trị, từ đó vận dụng làm sáng tỏ những vấn đề thực tiễn giáo dục Việt Nam, để có một triết lý giáo dục đúng đắn là một việc nên làm.

4.2.2. Từ tư tưởng giáo dục tiến bộ của J.J.Rousseau đến một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nhận thấy sự cần thiết phải đổi mới căn bản nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Nhiều đề án dự thảo đổi mới giáo dục đã được đưa ra. Tuy nhiên, vấn đề mà các cuộc cải cách giáo dục trước đây và các đề án đổi mới căn bản nền giáo dục Việt Nam mới chỉ dừng lại ở sự thay đổi phần ngọn của cây đại thụ giáo dục, chưa động chạm đến phần

gốc rễ của nó là ở chỗ: Chúng ta chưa kiên quyết thay đổi triết lý giáo dục hiện có và vận dụng các mặt tích cực của triết lý giáo dục đã được vận dụng thành công ở những nước phương Tây có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là quan điểm giáo dục tự nhiên, lấy người học làm trung tâm hiệu quả của J.J.Rousseau. Những nhân vật được ghi nhận trong lịch sử tư tưởng nhân loại như những nhà cải cách giáo dục, lại là những người đặt lại nền tảng tư tưởng cho giáo dục. Họ giúp chỉ ra bản chất thực sự của một nền giáo dục vì con người. Những giá trị nào của con người cần được tôn vinh, chính là giá trị mà giáo dục cần theo đuổi. Theo đó, sẽ có những cách thức để nuôi dưỡng những thế hệ làm nên sự tiến bộ xã hội. Tìm hiểu những giá trị trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau sẽ phần nào làm sáng tỏ hướng giải quyết cho những vấn đề của giáo dục Việt Nam hiện nay.

4.2.2.1. Triết lý giáo dục tự nhiên và tự do

Giá trị đầu tiên trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chính là tư tưởng giáo dục tự nhiên và tự do của người học. Giá trị này được thể hiện xuyên suốt thông qua mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục của ông. Việt Nam hiện nay đang trong giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế. Văn hoá phương Tây đã ảnh hưởng đến Việt Nam cả mặt tích cực và tiêu cực. Hơn nữa, sự phát triển của khoa học, công nghệ đã giúp cuộc sống con người hiện đại hơn nhưng cũng chứa đựng nhiều cạm bẫy. Trong bối cảnh như vậy, giáo dục Việt Nam cần thiết học hỏi và tiếp thu quan điểm giáo dục tự nhiên và tự do của J.J.Rousseau để người học có cách ứng xử phù hợp với những mặt trái của văn minh và khoa học, công nghệ. Để thực hiện được điều đó, không có một giải pháp nào đủ sức cải thiện chất lượng giáo dục, nếu nó không được thực hiện trên nền tảng tư tưởng là tôn trọng quyền tự nhiên và tự do sáng tạo của người học. Ngành giáo dục nếu muốn làm một cuộc cải cách giáo dục, thì cũng khó có cách lựa chọn nào khác ngoài cách mà nhiều quốc gia khác đã đi - xác lập lại nền tảng tư tưởng của giáo

dục. Thành công trong cải cách giáo dục của các quốc gia khác đã cho thấy bài học về quan điểm nhìn nhận con người. Coi người học là một thực thể, cần được khơi gợi tiềm năng và giáo dục phù hợp với khuynh hướng tự nhiên và tự do của con người.

J.J.Rousseau đòi hỏi phải đối xử với trẻ em với tư cách là trẻ em chứ không được áp đặt trẻ theo cách nhìn hoặc mong muốn của người lớn. Giáo dục không phải nhằm mục đích để đảm nhận một vị trí nào đó trong xã hội mà là để phát huy tối đa bản tính tự nhiên vốn có trong mỗi con người. J.J.Rousseau cho rằng, công việc đào tạo con người không chỉ cần làm cho người học quen với những tác phẩm văn học và nghệ thuật của lịch sử, mà còn thông qua những ví dụ điển hình đó, truyền tải ý thức về sự đa dạng của con người, và bộc lộ sự linh hoạt cũng như hiệu quả của bản tính tự nhiên con người. Giáo dục Việt Nam cần thấm nhuần tư tưởng rằng, ẩn sâu bên trong con người chúng ta là những khả năng bẩm sinh và vì thế, cần phải tìm hiểu đặc tính hay bản chất của những khả năng đó. Để giáo dục trẻ theo khuynh hướng tự nhiên và tự do, chúng ta phải khước từ phương pháp giáo dục áp đặt, duy ý chí lên người học. Giáo dục không hề và không thể được hiểu theo một nghĩa giản đơn là đưa đứa trẻ vào các cơ sở trường lớp, nhồi nhét cho chúng một lượng kiến thức nhất định theo hình thức cưỡng bức và cấp cho chúng một tờ giấy chứng nhận nào đó để bước vào cuộc đời và tiếp quản các nhiệm vụ xã hội một cách máy móc, phục tùng. Có vẻ như, cách mà cả ngành giáo dục, các trường học Việt Nam và các bậc cha mẹ đang dẫn dắt một đứa trẻ hiện nay, lại xa lạ với các quan điểm giáo dục của những nhà tư tưởng tiến bộ nêu trên. Nguyên tắc quan trọng trong giáo dục của J.J.Rousseau mà ta rất cần học tập đó là người thầy phải tuân thủ triệt để quyền tự nhiên, tự do của học trò. Trẻ luôn có vị trí nhất định trong xã hội, do đó phải đối xử với các em tùy theo tuổi tác của chúng.

Ở Việt Nam, giáo dục vẫn bị ảnh hưởng bởi quan niệm giáo dục từ thời phong kiến, người ta chăm lo trước hết đến việc thực hiện nhiệm vụ của người dạy là truyền đạt cho hết những kiến thức đã quy định trong chương trình và sách giáo khoa, chú trọng khả năng và lợi ích của người dạy. Chuẩn bị cho người học đi thi là mục tiêu của dạy học. Có nhiều học sinh thi đỗ với thành tích cao gắn liền với lợi ích của thầy giáo. Đối với J.J.Rousseau, giáo dục là hướng vào việc chuẩn bị cho người học sớm thích ứng với đời sống xã hội, hòa nhập và phát triển cộng đồng, tôn trọng nhu cầu, lợi ích, tiềm năng của người học. Lợi ích và nhu cầu cơ bản nhất của trẻ là sự phát triển toàn diện nhân cách. Mọi nỗ lực giáo dục của nhà trường đều phải hướng tới tạo điều kiện thuận lợi để mỗi người học - bằng hoạt động của chính mình – sáng tạo ra nhân cách của mình, hình thành và phát triển bản thân. Tuy nhiên, không nên từ đó đi đến cực đoan sai lầm rằng toàn bộ mục tiêu phải xuất phát và chỉ xuất phát từ lợi ích của trẻ, hoặc quan niệm máy móc rằng người dạy dạy những gì người học yêu cầu chứ không phải là dạy những gì người thầy biết. Giáo dục, đặc biệt là giáo dục phổ thông, không thể không tính đến lợi ích nhu cầu của xã hội.

Nhằm giúp cho sự hiểu biết của trẻ trở nên sâu sắc và bền vững hơn, giúp trẻ nhớ nhanh và lâu hơn thì người dạy nên sử dụng phương pháp giáo dục tự nhiên. Ở Việt Nam hay áp đặt cho trẻ em phải học theo cách người lớn muốn. Nhưng những gì người thầy làm tuyệt đối không áp đặt, không gây ảnh hưởng đến khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Mỗi đứa trẻ có quyền và xứng đáng được rèn luyện và phát triển một cách hài hoà về thể chất, đạo đức và trí năng. Các bài học để dạy đều xuất phát từ những bài học thực tế từ tự nhiên. Môi trường dạy học phải đáp ứng được sự hài hoà giữa vật chất và yếu tố thiên nhiên để giúp trẻ có cảm nhận cuộc sống. Người thầy nên chọn những trò chơi dễ tổ chức và thực hiện, trò chơi phải phù hợp với chủ đề, với đặc điểm và trình độ của trẻ, phù hợp với quỹ thời gian, với

hoàn cảnh, điều kiện thực, trẻ phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi, trò chơi phải tạo được sự hứng thú và vui thích của trẻ. Với việc học mà chơi, chơi mà học một cách tự nhiên biến mỗi đứa trẻ thành một nhà thám hiểm để khám phá và phát triển các giác quan của mình thông qua những bài học thiết thực nhất. Các giáo cụ trực quan khiến trẻ nhận biết được sự việc dễ dàng hơn, phân loại mọi thứ xung quanh chính xác hơn, dần hình thành kinh nghiệm sống. Ngoài ra, nên để trẻ có thói quen hoạt động theo nhóm để trẻ được tự do thảo luận và thể hiện những suy nghĩ chúng muốn. Có rất nhiều cách khác nhau để chia nhóm, tuy nhiên, không nên chia nhóm trẻ quá đông hoặc quá ít, nội dung thảo luận của các nhóm có thể giống hoặc khác nhau. Cần quy định rõ thời gian thảo luận và kết quả thảo luận cho các nhóm, cần bầu ra trưởng nhóm, kết quả thảo luận nhóm có thể được trình bày bằng nhiều hình thức như: vẽ, hát, đóng kịch, thơ, v.v... Thầy giáo cần quan sát các nhóm thảo luận và có sự giúp đỡ kịp thời trong trường hợp các nhóm gặp khó khăn.

Trong lịch sử Việt Nam, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ thế kỷ XX, Phan Châu Trinh là người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất và ông lại có điều kiện tiếp thu toàn diện nhất tư tưởng tự do, bình đẳng của Cách mạng Pháp. Bằng chứng là trong một vế của đôi câu liễn trên bia mộ cụ Phan Châu Trinh do dân Sài Gòn phụng lập năm 1926, ta đã đọc thấy tám chữ: “*Trung học Mạnh Kha, Tây học Lư Thoa*, ngụ ý ca ngợi Cụ thấu gồm tinh hoa của cả hai nền văn hoá Đông Tây: Mạnh Kha là tên thật của Mạnh Tử, còn Lư Thoa chính là J.J.Rousseau theo cách phiên âm quen thuộc vào những thập niên đầu thế kỷ XX” [45, tr.8]. Ông đã học tiếng Pháp và khuyên mọi người học tiếng Pháp để noi theo văn minh của người Pháp “thì trên thế kỷ XX này, nước ta sẽ trở nên một nước thiếu niên mới, nối chân theo nước Pháp, vốn không phải là việc khó” [54, tr.69]. Trong thời gian từ 1902 đến 1905, Phan Châu Trinh có dịp đọc những tác phẩm có tư tưởng cách mạng của J.J.Rousseau,

Montesquieu, Voltaire. Ông cũng đã tiếp thu những thành tựu giáo dục khai sáng điển hình như của J.J.Rousseau. Là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Duy Tân, Phan Châu Trinh đã thể hiện rõ ba phương châm hành động của ông, đó là “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, đây chính là ba nội dung, ba mục tiêu, ba phương diện chính của công cuộc Duy Tân. Trong đó, Phan Châu Trinh muốn đề cập chủ yếu đến mục tiêu “Khai dân trí”, một mục tiêu được coi là nội lực, là đòn bẩy, là tiền đề để thực hiện các mục tiêu khác, theo phương châm “Tự lực khai hóa”. Tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh trước hết được thể hiện trong những chủ trương cải cách về mặt văn hóa – giáo dục, “bây giờ phải tính làm sao, rủ nhau đi học mọi điều văn minh” [54, tr.79]. Ông cũng yêu cầu mọi người đều phải học và có quyền được học để sinh sống và rèn luyện “mau mau đi học lấy nghề, học rồi ta sẽ đem về dạy nhau” [54, tr.80]. Trong việc học nghề, Phan Châu Trinh khuyến khích việc đua tài, việc cạnh tranh. Nhìn chung, ông phê phán lối học tầm chương trích cú vốn đã làm cho người Việt Nam vẫn còn sống trong giấc mê phong kiến trong khi lịch sử thế giới đã bước sang một trang mới. Phan Châu Trinh đã khôi phục ý chí tự do học tập, phá bỏ những xiềng xích bóc lột của thực dân Pháp, tiếp cận những văn minh ở châu Âu, trong đó có Pháp.

Đồng tình với quan niệm về bản tính con người của J.J.Rousseau, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng vai trò của giáo dục, chính giáo dục là yếu tố quyết định bản tính của con người: “Hiện dữ phải đâu là tính sẵn, phần nhiều do giáo dục mà nên” [Xem: 36]. Trong việc đào tạo rèn luyện con người, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đồng quan điểm với J.J.Rousseau khi cho rằng mỗi cá nhân, mỗi công dân cần phải được giáo dục ngay từ nhỏ. Những con người được giáo dục sẽ là lực lượng cải tạo xã hội, bởi vậy trong thư gửi các cháu học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Người viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các

cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em” [34, tr.41]. Mục đích cuối cùng của giáo dục chính là làm cho con người được giáo dục một cách tự nhiên và tự do để hướng tới hạnh phúc. Trong quan niệm giáo dục của J.J.Rousseau, cũng như các nhà Khai sáng khác, tư tưởng nhân đạo chính là nền tảng. Ông đã từng lên án lối giáo dục đương thời thực chất đã làm cho những đứa trẻ như bị cầm tù: “Sự giáo dục đã man cho một tương lai vô định và khởi đầu bằng việc làm cho nó khốn khổ, để chuẩn bị từ xa cho nó một thứ hạnh phúc gì chẳng biết mà có lẽ nó sẽ chẳng bao giờ được thụ hưởng” [42, tr.87]. Bởi vậy điều ông muốn hướng tới là một nền giáo dục tự nhiên mang lại hạnh phúc cho người học, nền giáo dục tự do bình đẳng và phổ biến không phải riêng cho một tầng lớp xã hội nào. Émile chỉ là tên gọi một con người cụ thể, nhưng qua đó J.J.Rousseau muốn nói đến một nền giáo dục có thể tạo ra những cá nhân phát huy được hết năng lực tự nhiên của mình như Émile.

Suốt quãng đời tuổi thơ trôi qua trong gian khó, không có cơ hội học hành đầy đủ chính là lý do khiến J.J.Rousseau suốt cuộc đời ông đấu tranh đòi quyền tự do, hạnh phúc cho người học. Ông muốn hạnh phúc theo suốt con trẻ ngay từ thuở lọt lòng tới lúc trưởng thành. Một hạnh phúc luôn hiện hữu chứ không phải một sự chuẩn bị khốn khổ cho một hạnh phúc mơ hồ trong tương lai. Ở Việt Nam, sự tồn tại của bệnh thành tích sẽ làm hình thành một bộ phận người chạy theo thành tích, sống trong những điều giả tạo và tạo nên một nền giáo dục không chuẩn mực. Tất cả những thứ giả tạo sẽ hủy hoại hoặc chí ít cũng làm lệch lạc sự phát triển nhân cách của con người. Nó tạo thành một môi trường với những cạnh tranh không lành mạnh, những quan hệ không lành mạnh và ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước khi thành tích chỉ là giả hoặc không có giá trị thật, nó không những không tạo động lực cho sự phát triển của đất nước. Đó chính là sự hy sinh hạnh phúc hiện tại cho một tương lai không biết trước như lời J.J.Rousseau

đã nói. Đã đến lúc giáo dục Việt Nam cần phải nhìn nhận lại những mục tiêu chân chính như là kim chỉ nam để giáo dục trẻ thơ.

4.2.2.2. *Triết lý giáo dục “Lấy người học làm trung tâm”*

J.J.Rousseau coi con người là chủ thể của giáo dục, với mục đích phát triển giá trị nội tại ở mỗi cá nhân. Tư tưởng của J.J.Rousseau đã tác động rất lớn tới nền giáo dục Tây phương. Triết lý giáo dục “lấy người học làm trung tâm” của J.J.Rousseau để lại ảnh hưởng không nhỏ tới nhiều nhà giáo dục học hiện đại và hậu hiện đại. Vì vậy, giáo dục Việt Nam cần hiểu và đánh giá đúng những tư tưởng có giá trị của cổ nhân để tiếp thu và chỉ ra những ý nghĩa đối với thực tại, như Kim Định viết: “Học cổ không phải để lặp lại những dữ kiện lịch sử lấy ra ở một thế giới đã chết, nhưng làm nảy ra những biểu tượng có khả năng hiện thực được lý tưởng ngày nay của chúng ta. Học cổ là cốt để kích thích lý trí tiến lên đều đặn mong suy diễn ra một viễn cảnh cho tương lai do một sức tạo dựng linh hoạt tự do” [12, tr.9].

Phương pháp giáo dục “lấy người thầy làm trung tâm” là hình thức dạy học phổ biến trong nền giáo dục thời phong kiến ở nhiều nơi, trong đó có Việt Nam. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở thời kì chưa hình thành tổ chức nhà trường, một giáo viên thường dạy cho một nhóm nhỏ học sinh, có thể chênh lệch nhau khá nhiều về lứa tuổi và trình độ. Chẳng hạn thầy đồ Nho ở nước ta thời kì phong kiến dạy trong cùng một lớp từ đứa trẻ mới bắt đầu học Tam tự kinh đến môn sinh đi thi tú tài cử nhân, trong kiểu dạy học này, ông thầy bắt buộc phải coi trọng trình độ, năng lực, tính cách của mỗi học trò và cũng có điều kiện để thực hiện cách dạy thích hợp với mỗi người học, vai trò chủ động tích cực của người học được đề cao, tuy nhiên năng suất dạy học quá thấp. “Quan điểm của phương pháp này là thầy giáo phải hướng về học sinh, lấy học sinh làm trung tâm, nghiên cứu tâm sinh lý của từng em một để chọn phương pháp dạy học phù hợp nhằm chăm sóc các em, kích thích, gợi mở tư duy sáng tạo” [56, tr.12]. Trong hoạt động dạy học này, chương trình học tập được thiết kế chủ yếu theo logic nội dung

khoa học của các môn học, chú trọng trước hết đến hệ thống kiến thức lý thuyết, sự phát triển tuần tự của các khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. Người thầy chủ yếu diễn giảng những điều có sẵn trong sách vở cho học trò nghe. Người thầy nói những điều mình đã học, đã biết và học trò chỉ việc nghe, ghi chép lại và học thuộc lòng. Việc trao đổi qua lại giữa thầy trò hầu như không tồn tại, học trò chỉ hỏi thêm những điều chưa hiểu ngoài giờ lên lớp và nhiều khi, những trường hợp phát biểu trái ý kiến thầy của học trò bị xem là vô phép, thiếu lễ độ. Các loại sách vở được nhắc đến ở đây chủ yếu là những sách vở Nho gia dạy đạo lý thánh hiền hay những trật tự khuôn phép để sống ở đời, cũng có khi là sách văn chương thơ phú. Có thể đây là một hình thức dạy học được xem là tích cực trong thời phong kiến, bằng chứng là nhiều người hấp thụ nền giáo dục đó cũng có thể trở thành những người tài trong xã hội xưa.

Theo quan điểm của J.J.Rousseau, người học không chỉ là đối tượng trí tuệ của người thầy, nó còn là một sản phẩm có chất lượng cao phù hợp với xã hội và thời đại. Cùng lúc đó, người học là chủ thể của hoạt động học tập. Các em tiếp thu tri thức nhân loại để phát triển chính bản thân mình trở thành chủ thể tích cực và sáng tạo. Người học là chủ thể của chính mình “phải coi mình như người học giả đi tìm tòi, đi khảo cứu dưới sự hướng dẫn của giáo sư: phải biết đặt vấn đề, phải biết nghi ngờ cả ông thầy (...) vì đấy là bước đầu trở nên người phát minh” [12, tr.18]. Vì vậy, nhân vật trung tâm này phải là một chủ thể có ý thức, có nhu cầu, có hứng thú, ham thích học và tích cực trong hoạt động học tập, biết cách học để chiếm lĩnh khoa học.

Ở Việt Nam, chúng ta cần hiểu “Lấy người học làm trung tâm” theo quan điểm của J.J.Rousseau không có nghĩa là hạ thấp vai trò của người thầy, đưa người thầy xuống trở thành người “quan sát”, “chứng kiến” hoạt động của người học. Mà ngược lại, vì “lấy người học làm trung tâm” nên càng yêu cầu cao đối với năng lực của người thầy. Nhà tư tưởng Lương Kim Định từng viết: “rất nhiều tự do để quy định nội dung chương trình của những bài ông giảng huấn; có khi giáo sư phải đi ngược hẳn lại khi nhận ra

đó là điều kiện thiết yếu cho những bước tiến vượt bậc” [12, tr.15]. Người thầy phải là người có khả năng tổ chức, điều khiển mọi hoạt động của học trò, giúp người học học tập tốt nhất. Ở bất kỳ thời kỳ nào vai trò của người thầy cũng luôn được đề cao, vì thế người ta mới tìm cách nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. Do đó, người thầy có giỏi mới có thể giúp học sinh giỏi và ngược lại, trò giỏi lại cần phải có thầy giỏi. Giáo sư Hoàng Tụy đã từng nói rằng: Vai trò quyết định đối với chất lượng giáo dục vẫn thuộc về các yếu tố có liên quan trực tiếp tới người thầy. Mỗi quan hệ giữa dạy và học là mối quan hệ biện chứng, chính nó là quy luật cơ bản để tạo nên chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học.

Quan điểm dạy học “lấy người học làm trung tâm” đòi hỏi chúng ta phải xây dựng lại các hình thức tổ chức dạy học và các phương pháp dạy học phù hợp. Đặc biệt đề cao phương pháp thực hành trải nghiệm trực tiếp trong quá trình học. Các hình thức tổ chức dạy học được sử dụng nhiều nhất là tự học, học theo nhóm, trò chơi đóng vai, hoạt động thực tiễn, tham quan. Các phương pháp dạy học được sử dụng nhiều nhất là phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại, tranh luận, nghiên cứu tài liệu. Có thể khẳng định rằng: dạy học “lấy người học làm trung tâm” có tư tưởng chủ đạo là tổ chức cho người học hoạt động tích cực, sáng tạo, lấy tự học làm chính; lấy tập thể để hỗ trợ cho cá nhân; lấy máy móc thiết bị làm phương tiện; lấy tài liệu, sách giáo khoa, băng hình và tự đánh giá kết quả học tập. Lối học này hình thành ở học sinh sự mạnh dạn, có tính cách, tự tin, biết cách học, biết cách làm, biết cách giao tiếp xã hội, biết cách khẳng định chân lí, tạo nên con người rất thực tế, thích hoạt động, dẫn đến sự năng động và sáng tạo trong tư duy, trong hoạt động cuộc sống.

Người học tự giác chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình, được tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về mức độ đạt các mục tiêu của từng phần trong chương trình học tập, chú trọng bỏ khuyết những mặt chưa đạt được so với mục tiêu trước khi bước vào một phần mới của chương trình. Người dạy phải hướng dẫn cho người học phát triển kĩ năng tự đánh giá,

không thể chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện kiến thức, lặp lại kỹ năng đã học mà phải khuyến khích óc sáng tạo, phát hiện sự chuyển biến thái độ và xu hướng hành vi của người học trước những vấn đề của đời sống gia đình và cộng đồng, rèn luyện khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tế.

Để thực hiện hiệu quả quan điểm dạy học “lấy người học làm trung tâm” từ quan điểm của J.J.Rousseau. Chúng ta cần bồi dưỡng cho người dạy cách dạy mới làm sao để họ chuyển biến rõ rệt từ nhận thức đến hành động; tích cực, chủ động vận dụng trong hoạt động giảng dạy, sắp xếp thời gian đủ cho các chuyên đề, sau đó là chuẩn bị cơ sở vật chất, đặc biệt là phương tiện dạy học, những điều kiện đảm bảo tốt nhất cho quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học. Việc vận dụng tối đa quan điểm dạy học “lấy người học làm trung tâm”, đây là một phương hướng, một kiểu dạy học phù hợp với yêu cầu của thời đại ngày nay.

4.2.2.3. Phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp

Một trong những phương pháp giáo dục có giá trị lâu bền của J.J.Rousseau chính là phương pháp giáo dục đề cao thực hành, trải nghiệm, trực tiếp. Phương pháp giáo dục này đã phê phán phương pháp giáo dục lý thuyết cổ truyền và hướng đưa trẻ đến việc học tập, rút kinh nghiệm, tích lũy kiến thức thông qua những trải nghiệm trực tiếp trong cuộc sống. Hiện nay, phương pháp giáo dục ở Việt Nam bị ảnh hưởng từ thời phong kiến, phương pháp chủ yếu là thuyết trình giảng giải, thầy nói trò ghi. Người dạy lo trình bày cặn kẽ nội dung bài học, tranh thủ truyền thụ vốn hiểu biết và kinh nghiệm của mình. Học sinh tiếp thu thụ động, cố hiểu và nhớ những điều thầy đã giảng, trả lời những câu hỏi, người dạy nêu ra về những vấn đề đã dạy. Giáo án được thiết kế theo trình tự đường thẳng, chung cho cả lớp học. Người dạy dự kiến chủ yếu là những hoạt động trên lớp của chính mình, hình dung trước về những hành động hưởng ứng của học sinh (sẽ trả lời câu hỏi ra sao, sẽ giải bài tập theo cách nào, v.v...), trên lớp, người dạy chủ

động thực hiện giáo án theo các bước đã chuẩn bị. Ý thức rõ sự bất cập trong nền giáo dục, đặc biệt về phương pháp giáo dục. Trong nghị quyết 29 của hội nghị Trung Ương XIII, khoá XI đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học” [Xem: 9]. Phải phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, học vấn và tay nghề.

J.J.Rousseau chú ý đến phát huy sáng tạo và năng lực tự chủ của người học thông qua phương pháp đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng rất đồng tình với quan điểm này của J.J.Rousseau. Trong đó, phương pháp giáo dục phải tổng hợp các phương pháp học và hành. Dạy phải đảm bảo đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp; không áp đặt, kết hợp giữa học tập với vui chơi. Và theo đó, phương pháp dạy học trong nền giáo dục xã hội chủ nghĩa phải linh động cho từng đối tượng của người học dựa theo lứa tuổi, cấp học, bậc học của từng học sinh. Phương pháp dạy học này hoàn toàn trái ngược với phương pháp “nhồi sọ” của nền giáo dục phong kiến, nền giáo dục tư bản chủ nghĩa. Để đạt được những yêu cầu của nền giáo dục mới này, hình thức giáo dục phải được thay đổi tương xứng. Việc dạy và học phải kết hợp nhuần nhuyễn cả hình thức truyền thống lẫn hình thức hiện đại, theo đó dạy và học không chỉ diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi: học ở trường, học ở sách vở, học tập lẫn nhau, học tập ở nhân dân, trong lao động, v.v...

J.J.Rousseau đã đề xuất một xu hướng dạy học tiên bộ - dạy học cá thể, đặc biệt đề cao thực hành, trải nghiệm. Với mỗi học sinh do đặc điểm tâm lý tính cách khác nhau nên có cách dạy khác. Nếu dạy học cá thể tốt sẽ phát huy năng khiếu, sở trường, sở đoản của từng em, động viên được học sinh hứng thú, ham thích tìm tòi học tập ở mức độ tốt nhất. Đây là xu thế của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và bất kỳ quốc gia nào cũng phải hướng tới. Giáo sư Hoàng Tụy từng viết: Tùy theo cá tính, mỗi con người có sở thích, sở trường, sở đoản riêng, sự đa dạng ấy làm nên cuộc sống phong phú trong xã hội hiện đại và là mảnh đất để nảy nở tài năng sáng tạo. Cho nên giáo dục phóng khoáng, không hạn chế, hay kìm hãm mà trái lại phải tôn trọng, phát triển cá tính và muốn thế không nên gò bó mọi con người trong một kiểu đào tạo như nhau, một hướng học vắn như nhau, mà phải mở ra nhiều con đường, nhiều hướng, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho thế hệ trẻ phát triển tài năng, đồng thời cho phép họ dễ dàng chuyển sang con đường khác khi thấy lựa chọn của mình chưa phù hợp. Trước chúng ta hàng mấy thế kỷ, J.J.Rousseau đã tiến hành phương pháp giáo dục có tính gợi mở, khơi dậy ý thức tự do và bình đẳng, đề cao học tập thông qua thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Mặc dù tất cả những điều đó vẫn còn ở dạng lý thuyết do những hà khắc của chế độ đương thời khiến ông không thể biến ước mơ của mình thành sự thật. Trong thời đại ngày nay, chúng ta mặc dù đã tiếp thu những hệ thống lý luận giáo dục tiên bộ của các nhà tư tưởng trên thế giới trong đó có J.J.Rousseau. Nhưng hiện nay, nền giáo dục ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập mà so với tư tưởng của J.J.Rousseau rõ ràng là một sự thụt lùi bởi phương pháp giáo dục của J.J.Rousseau là hướng dẫn học trò tự tìm lấy kiến thức “Hãy đặt ra những vấn đề vừa sức nó, và hãy để nó tự giải quyết... Sao cho nó hiểu biết điều gì cũng không phải do quý vị đã bảo nó, mà vì nó đã tự hiểu lấy; sao cho nó đừng học khoa học, mà tìm ra khoa học” [42, tr.217].

Hiểu được phương pháp giáo dục của J.J.Rousseau, chúng ta sẽ học hỏi được những bài học quý báu để gợi mở cho giáo dục Việt Nam.

Đối với phương pháp dạy học này, ở Việt Nam, chúng ta có thể tổ chức cho trẻ thực hiện qua một số bước như: quan sát; suy nghĩ (tinh thần); cảm nhận (cảm giác); hành động (thể chất). Để học hiệu quả, trẻ cần phải: tiếp nhận thông tin, suy ngẫm xem nó sẽ tác động đến cuộc sống của trẻ em như thế nào, so sánh mức độ phù hợp của nó với những trải nghiệm của trẻ em thế nào và suy nghĩ xem từ thông tin đó trẻ em sẽ có những cách hành xử mới nào. Việc học tập đòi hỏi không chỉ có nhìn, nghe, chuyển động hay động chạm. Trẻ cần biết kết hợp những gì trẻ cảm giác và suy nghĩ được với những gì trẻ cảm nhận và ứng xử. Để cho trẻ em có thể khám phá tốt, người thầy nên lựa chọn nội dung vấn đề hoặc tình huống đảm bảo tính vừa sức đối với trẻ, chuẩn bị đồ chơi, đồ dùng trực quan và những điều kiện cần thiết để trẻ tự tìm tòi khám phá, tổ chức cho trẻ làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm; khuyến khích trẻ tự tìm tòi khám phá, đưa ra các phát hiện, cách giải quyết có thể; liệt kê các cách giải quyết có thể có; phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết của cá nhân trẻ, của nhóm trẻ; lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất; kết luận về nội dung của vấn đề, làm cơ sở cho trẻ tự kiểm tra, tự điều chỉnh; rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác. Đối với việc dạy cho trẻ cách giải quyết vấn đề phát sinh thì người thầy nên thực hiện theo quy trình các bước như sau: Xác định, nhận dạng vấn đề hoặc tình huống; thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề hoặc tình huống đặt ra; liệt kê các cách giải quyết có thể có; phân tích, đánh giá kết quả từng cách giải quyết (tích cực, hạn chế, cảm xúc, giá trị); so sánh kết quả các cách giải quyết; lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất; thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn; rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

Như vậy, xây dựng phương pháp giáo dục ở Việt Nam hiện nay phải đảm bảo tính kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc đồng thời phải cởi mở đón nhận giá trị tiến bộ của thời đại, hội nhập nhưng không hoà tan. Phương pháp giáo dục ở Việt Nam nên học hỏi từ J.J.Rousseau, đặc biệt coi trọng quyền tự do và các giá trị cơ bản của người học. Chú ý đến những khả năng độc đáo của mỗi người học, từ đó, giáo dục có vai trò gợi mở, kích thích cho người học bộc lộ và phát triển những khả năng của mình. Ở Việt Nam, nền giáo dục bị ảnh hưởng bởi lý thuyết từ thời phong kiến về việc chú ý đến phương pháp đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp có ý nghĩa quan trọng đối với việc thay đổi nhận thức và hoạt động trong giáo dục.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Chúng ta có thể theo dõi từng bước một sự manh nha và tiến triển tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, do đó, chúng ta nhận định những suy tư bác học của ông. Chúng ta đã biết phương pháp nhận định và phân tích, suy diễn và tổng hợp để đi đến những kết luận vô tư, thành thực, xác thực và đúng mức.

J.J.Rousseau đã có hạn chế về quan điểm thiết lập một nền giáo dục phòng vệ cho trẻ cũng như quan điểm giáo dục phụ nữ vì bị giới hạn bởi trình độ kiến thức của thời đại, thì tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục đã mang lại nhiều giá trị tích cực cho xã hội đương thời và sau này. Những đóng góp trong tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục đã ảnh hưởng đến nhiều nước trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, ở Việt Nam, cho đến nay, việc vận dụng tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau còn chưa nhiều, đặc biệt là về triết lý giáo dục tự nhiên, lấy người học làm trung tâm và phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Thiết nghĩ, chúng ta cần có sự nhìn nhận đúng đắn về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, từ đó, kế

thừa và chắt lọc những giá trị phù hợp với văn hóa và nền giáo dục Việt Nam để ứng dụng trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước hiện nay.

Triết lý giáo dục tự nhiên, lấy người học làm trung tâm, phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp của ông đã ảnh hưởng đến nhiều nền giáo dục trên thế giới. Ngoài ra, nhiều nhà giáo dục cũng đã kế thừa tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau như Kant, Friedrich Foebell, Jond Dewey, v.v... Chúng tôi thiết nghĩ, nếu chúng ta muốn tìm một thí dụ ý nghĩa về triết học giáo dục của J.J.Rousseau thì chúng tôi có thể thấy trong các tác phẩm của ông một khuôn mẫu độc đáo. Ngày nay tư tưởng giáo dục của ông đã phổ biến, ảnh hưởng của J.J.Rousseau đã lan đến nhiều nền giáo dục trên thế giới, người ta chấp nhận những đóng góp và hạn chế trong tư tưởng giáo dục của ông.

KẾT LUẬN

J.J. Rousseau - nhà triết học, giáo dục học tiêu biểu của phong trào Khai sáng Pháp - người đã đưa nền giáo dục nhân bản, nhân văn bắt nguồn từ thời cổ đại lên tới đỉnh cao vào thế kỷ XVIII. Tinh hoa tư tưởng giáo dục của ông thể hiện ở quan điểm thuận theo tự nhiên, chống lại những ảnh hưởng tiêu cực từ chủ nghĩa duy lý, duy khoa học. J.J.Rousseau xuất phát từ con người tự nhiên vươn tới mục tiêu đào tạo ra con người xã hội, con người công dân - con người yêu nhân loại và công lý. Tư tưởng giáo dục mang đậm tính nhân văn của ông thể hiện giáo dục không với mục tiêu dành riêng cho một đối tượng nào trong xã hội, và giáo dục cũng không để đảm nhiệm một nhiệm vụ cụ thể nào, không quan chức, cũng không người lính hay thầy tu, mục tiêu giáo dục là để làm người. Mọi người đều cần được giáo dục và giáo dục cũng dành cho tất cả mọi người.

Trong quá trình hội nhập quốc tế và tiếp biến văn hoá, đường lối đổi mới của Đảng khởi xướng và lãnh đạo đem lại một luồng sinh khí mới, cho phép chúng ta đối diện trực tiếp với nhiều khuynh hướng triết học phương Tây. Trên cơ sở đó, chúng ta có thể tiếp biến nhằm không những tiếp thu được những tinh lực quý giá, khắc phục những hạn chế, tác động trái chiều vào tiến trình lịch sử của nó làm giàu thêm kho tàng lý luận của Việt Nam. Vì vậy, một nghiên cứu có tính hệ thống nhằm ghi nhận những đóng góp của J.J.Rousseau về triết học giáo dục cũng như vạch ra những hạn chế tư tưởng là rất cần thiết trước yêu cầu vừa tiếp thu tư tưởng của nhân loại vừa bảo tồn được những giá trị tư tưởng ở nước ta hiện nay.

Từ những nội dung trong tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau bàn đến, có thể nhận thấy rằng, trong bối cảnh kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá nước Pháp đương thời và thông qua việc tiếp thu có chọn lọc tư tưởng của bậc tiền bối đi trước cùng tài năng tư duy thiên bẩm của bản thân. J.J.Rousseau đã xây dựng lên một học thuyết giáo dục của riêng mình mang đậm đặc trưng của tư tưởng duy thiên, chống lại mặt trái của văn minh, chủ nghĩa duy lý. Học thuyết về giáo

dục của ông không chỉ là bức tranh phản ánh sự biến động sâu sắc của xã hội châu Âu đương thời, mà còn là kho tàng lý luận về triết học, giáo dục học...v.v.

Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau xoay quanh những nội dung cơ bản trong triết học giáo dục như: mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục.

Quan điểm của J.J.Rousseau về mục tiêu của giáo dục là làm cho bản tính tự nhiên vốn có trong mỗi con người được phát huy tối đa. Con người đã qua giáo dục đúng đắn sẽ có đủ sức mạnh vượt qua mọi xấu xa của xã hội và hơn thế, con người còn có khả năng cải tạo xã hội. Mục tiêu giáo dục của J.J.Rousseau không phải là dạy cho trẻ những kiến thức sẵn có mà tạo môi trường cho trẻ có thể tự tìm kiếm kiến thức. Mục tiêu giáo dục của ông xét đến cùng là vì hạnh phúc của người học. Ông coi hạnh phúc là quyền lợi thiêng liêng của con người. Ông phản đối việc coi hạnh phúc là một mục tiêu của tương lai mà muốn tới đó phải trả giá bằng khổ ải. Ông còn chỉ ra cách để có được hạnh phúc là phải làm ngang bằng giữa khả năng và mong muốn. Để đạt được hạnh phúc như vậy, trước tiên con người phải có một cuộc sống tự do, bình đẳng. Vì hạnh phúc tối thượng của con người chỉ được sinh ra khi con người có tự do, nghĩa là mỗi công dân trong xã hội phải được đảm bảo quyền tự nhiên là quyền sống, tự do, mưu cầu hạnh phúc. Đó là những quyền thiêng liêng và tự nhiên của con người phải có được.

J.J.Rousseau đã luận giải về đối tượng giáo dục là trẻ em. Bởi vì, những đứa trẻ tự nhiên khi vẫn chưa bị ảnh hưởng từ những cám dỗ của xã hội, những cám dỗ từ sự phát triển khoa học sẽ có điều kiện thuận lợi để giáo dục theo chính khuynh hướng tự nhiên của chúng. Trong giáo dục, mọi thứ mà đứa trẻ nhận được cũng phải xuất phát từ tự nhiên, những đứa trẻ phải được tôn trọng về quyền tự nhiên và những giá trị của mình. Cha, mẹ, người thầy sẽ đóng vai trò là chủ thể của giáo dục để hướng dẫn, tạo điều kiện tối đa để trẻ phát huy được năng lực của mình. Chỉ khi được giáo dục trên nền tảng như vậy, đứa trẻ mới có

thể trưởng thành và phát triển một cách tốt đẹp nhất.

Trên cơ sở mục tiêu và đối tượng giáo dục như vậy, trẻ em phải được giáo dục toàn diện từ thể chất, trí lực đến đạo đức. Giáo dục phải bắt đầu từ khi đứa trẻ được sinh ra. Người Việt Nam có câu: “có sức khỏe là có tất cả”, hàm ý muốn nói ý nghĩa và tầm quan trọng của sức khỏe trong cuộc sống. Cũng vậy, J.J.Rousseau cho rằng, nội dung giáo dục đầu tiên là giáo dục thể chất cho trẻ, để trẻ có thể phát triển về thể lực một cách hoàn hảo. Nhưng cuộc sống có nhiều thử thách, khó khăn, nên việc rèn luyện trí năng cho trẻ là cần thiết, để rèn luyện cho trẻ khả năng kiên nhẫn, lòng dũng cảm để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Hơn nữa, trẻ còn phải được rèn luyện về đạo đức để biết nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội, cũng như tránh được những cám dỗ của cuộc sống. Tuy nhiên, nội dung giáo dục không phải là tìm hiểu toàn bộ tri thức nhân loại mà chỉ cần tìm hiểu những tri thức hữu ích thực sự góp phần vào sự an lạc và vừa tầm hiểu biết của trẻ. Sức lan tỏa của những giá trị tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau là rất lớn, với các nhà tư tưởng ở nhiều quốc gia và nhiều giai đoạn lịch sử.

Thành công lớn nhất của J.J.Rousseau phải kể đến phương pháp giáo dục. Ông đã đưa ra một hệ thống các phương pháp: phương pháp giáo dục tự nhiên, phương pháp giáo dục đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp, phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm. Là người phản đối phương pháp giáo dục trách phạt, đòn roi, lên án lối giáo dục áp đặt, J.J.Rousseau đề cao phương pháp khoan dung, tôn trọng tâm lý lứa tuổi. Ông phản đối lối dạy lý luận suông, và đề cao phương pháp giáo dục trẻ: bằng thực tiễn, bằng lợi ích, bằng kinh nghiệm. Song tựu chung lại, phương pháp giáo dục của ông thích nghi với đối tượng từng giai đoạn lứa tuổi, theo tuần tự của thiên nhiên. Thời ông, học trò luôn phải răm rắp nghe theo những lời thầy giáo và coi đó là chân lý, thì trong quan điểm giáo dục này, J.J.Rousseau chứng minh, chính học trò mới chính là trung tâm của giáo dục. Động cơ khiến trẻ thích thú học tập chính là lợi ích trực tiếp và tức khắc, hơn thế trẻ thấy mình được tự do, tùy ý không bị phục tùng ai, cũng không lệ

thuộc vào ai. Có thể nói, J.J.Rousseau là người đề xuất phương pháp giáo dục mới - phương pháp giáo dục cá thể. Mỗi cá nhân là một cá thể riêng biệt, khác biệt với các cá nhân khác cả đặc điểm sinh học và xã hội. Bởi vậy, giáo dục các cá thể không giống nhau. Trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, ông luôn bảo vệ quan điểm giáo dục phải lấy học trò làm trung tâm, mỗi đứa trẻ, ở mỗi một lứa tuổi lại có đặc điểm tâm sinh lý khác nhau. Việc giáo dục phải đảm bảo phát huy hết sở trường cá nhân trong mỗi con người. Người thầy giáo phải hướng dẫn làm sao để mỗi đứa trẻ tự bộc lộ hết những tiềm năng của mình và tự chiếm lĩnh tri thức trong phạm vi khả năng cá nhân đó có thể.

Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam hiện nay, nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau mới thấy hết cái hay, cái hợp lý và giá trị của nó. Thực trạng nền giáo dục Việt Nam yêu cầu cấp bách có những giải pháp nhằm thay đổi tận gốc những bất cập: Xu hướng thị trường hóa giáo dục; cơ cấu tổ chức và hoạt động giáo dục mất cân đối; Nội dung và phương pháp giáo dục lạc hậu; coi nhẹ những vấn đề có ý nghĩa cơ bản suốt đời cho mỗi con người như: hình thành nhân cách, năng lực tư duy, khả năng cảm thụ; coi nhẹ kỹ năng lao động, kỹ năng sống, giao tiếp; chất lượng giáo dục sa sút đang cản trở nghiêm trọng tới sự phát triển kinh tế; nạn chảy máu chất xám - nguồn lực trí tuệ của đất nước. Vài năm trở lại đây, Đảng, Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm đến đổi mới giáo dục đã làm nền giáo dục nước nhà có một vài chuyển biến tích cực. Song do chưa tác động được đến vấn đề cốt lõi ăn sâu bám rễ nhiều năm nên một vài những cải cách thay đổi chưa đủ sức làm cho một nền giáo dục “lột xác”. Cội nguồn của phần lớn những sai lầm trên là do quan niệm, tư duy cơ bản về giáo dục sai lầm. J.J.Rousseau là một nhà tư tưởng lớn về giáo dục. Lý luận giáo dục của ông rất cần được xem xét và vận dụng. Tuy nhiên để vận dụng nó cũng không phải dễ dàng bởi phải xét đến điều kiện thực tiễn đất nước. Với Việt Nam chúng ta hiện nay, việc cần thiết bây giờ có một cuộc cách mạng về tư tưởng để các tư tưởng giáo dục tiến bộ có thể tác động tới là giáo dục và xã hội tạo điều kiện cho các biến đổi trong các điều kiện xã hội và hệ thống giáo dục. Tác giả hy

vọng rằng, luận án sẽ đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc lý luận đổi mới sự thay đổi của nền giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên nếu chỉ dừng lại ở đó chưa đủ, chúng ta sẽ phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung để tăng thêm tính khoa học trong lý luận để dần dần vận dụng vào thực tiễn giáo dục của Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thu Nghĩa – Võ Ngọc Quân (2019), “Quan niệm của Jean Jacques Rousseau về phương pháp giáo dục”, *Tạp chí Triết học* (3), tr. 40-50.
2. Nguyen Thu Nghia – Vo Ngoc Quan (2019), “A Critical Reflection on Jean Jacques Rousseau’s Conception of Education”, *Theologos Journal*, Vol 2, Slovakia: Vydavatelstvo Presovskej Univerzity Publisher, ISSN: 1335-5570, pp. 166-178.
3. Nguyen Thu Nghia – Vo Ngoc Quan (2019), “Jean Jacques Rousseau’s conception of the educational aim: some suggestions for Vietnam education”, *International Conference: Current perspectives on the interplay between philosophy, ethics and education*, Ha Noi: Institute of Philosophy, pp. 144-154.
4. Vo Ngoc Quan (2020), “Jean Jacques Rousseau’s Conception of Education”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực*, Nxb Đại học Vinh, ISBN: 978-604-923-526-9, tr. 120-124.
5. Nguyễn Thu Nghĩa – Võ Ngọc Quân (2020), “Quan niệm của Jean Jacques Rousseau về nội dung giáo dục trong Emily hay là về giáo dục”, *Tạp chí nghiên cứu châu Âu* (7), tr. 62-71.
6. Nguyễn Thu Nghĩa – Võ Ngọc Quân (2021), “Quan niệm của Jean Jacques Rousseau về mục tiêu giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận* (1), tr. 82-86.
7. Võ Ngọc Quân (2021), “Jean Jacques Rousseau’s viewpoint of education aims”, *Proceedings International Conference: Competency-based curriculum development and continuous professional development for teachers and education managers*, Vinh University Publisher, ISBN 978-604-923-622-8, pp. 245-251.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Ánh (2017), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Bộ Quốc Phòng (2016), *Quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong văn kiện đại hội XII*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật. Bản PDF : <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>. Ngày truy cập: 01/03/2021.
3. Cantor.I (2004), *Phê phán lý tính thuần túy*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Phạm Khắc Chương (1997), *Cômenxki ông tổ của nền sư phạm cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Phạm Văn Chung (2018), “*Tư tưởng của Jean Jacques Rousseau về giáo dục*”, *Tạp chí Khoa học Xã hội* (1), tr. 84-91.
6. Dewey.J (2008), *Dân chủ và giáo dục*, dịch giả Phạm Anh Tuấn, Nxb Tri thức, Hà Nội.
7. Dewey.J (2012), *Kinh nghiệm và giáo dục*, dịch giả Phạm Anh Tuấn, Nxb Trẻ Hà Nội.
8. Dương Thị Ngọc Dung (2009), *Triết học chính trị Jean Jacques Rousseau và ý nghĩa lịch sử của nó*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – TP HCM.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), “*29-NQ/TW, Nghị quyết hội nghị Trung Ương 8, khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*”, <https://ictu.edu.vn/>. Ngày truy cập: 01/08/2020.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Kim Định (2016), *Vấn đề quốc học*, Nxb Hội nhà văn-Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam Hà Nội.
12. Kim Định (2017), *Triết lý giáo dục*, Nxb Hội nhà văn-Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam Hà Nội.

13. Nguyễn Vũ Hào (2012), *Triết lý giáo dục của John Dewey và những điểm gợi mở cho việc cải cách căn bản nền giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ tư, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 89-101.
14. Phạm Minh Hạc (2011), *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
15. Hazan.E (1972), *Tư tưởng sư phạm*, bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2013), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Trần Thị Phương Hoa (2010), “Giáo dục châu Âu trong mối quan hệ với triết học”, *Tạp chí nghiên cứu châu Âu* (10), tr. 41-53.
18. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Đỗ Minh Hợp, (2017), “Đôi nét về triết lý phản khai sáng của Rousseau”, *Tạp chí Triết học* (6), tr. 63-69.
20. Lê Tuấn Huy (2015), *Tư tưởng chính trị Montesquier trong tác phẩm tinh thần pháp luật và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - TP HCM.
21. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2015), “Tư tưởng triết học giáo dục của Plato”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn* (2), tr. 21-28.
22. Vũ Thị Khuyên (2012), *Tư tưởng dân chủ của Rousseau trong tác phẩm Bàn về kế ước xã hội*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Hà Nội.
23. Nguyên Lâm (1958), *Lịch sử giáo dục học thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
24. Nguyễn Thị Bích Lệ (2008), “Jacques Rousseau (1712 - 1778) - Nhà triết học khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh”, *Tạp chí Triết học* (7), tr. 76-82.

25. Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang (2012), *Lịch sử thế giới*, tập 3, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Lênin.V.I (2005), “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự Thật.
27. Bùi Thị Loan (2018), “Vận dụng sáng tạo một số tư tưởng giáo dục tích cực của J.A. Comenxki vào thực tế giáo dục phòng chống xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học trên địa bàn thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ”, *Tạp chí giáo dục* (434), tr. 44-48.
28. Nguyễn Thị Châu Loan (2014), *Triết học chính trị J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Hà Nội.
29. Locke.J (2009), *Vài suy nghĩ về giáo dục*, dịch giả Dương Văn Hoá, Nxb Học viện Công dân.
30. Mác.C và Ăngghen.Ph (1993), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Mác.C và Ăngghen.Ph (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Mác.C và Ăngghen.Ph (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Mác.C và Ăngghen.Ph (1994), *Toàn tập*, Tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Hồ Chí Minh (2000), “Lời giới thiệu tập 4, Thư gửi học sinh”, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Hồ Chí Minh (2000), “Bài nói tại đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ hai”, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Hồ Chí Minh (2017), “Nửa đêm”, *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn học.
37. Nhóm tinh thần khai minh (2017), *Các Nhà tư tưởng và các ý tưởng chính trị hiện đại*, Nxb Tri thức.

38. Vũ Dương Ninh (chủ biên), (2013), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
39. Plato (2008), “Cộng hoà” trong *Plato chuyên khảo* của Benjamin Jowett & M.J.Knight, Nxb Văn hóa Thông tin.
40. Roger.C (2001), *Phương pháp dạy và học hiệu quả*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
41. Rousseau.J.J (1992), *Bàn về kế ước xã hội*, dịch giả Hoàng Thanh Đạm, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.
42. Rousseau.J.J (2008), *Émile hay là về giáo dục*, dịch giả Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương, Nxb Tri thức, Hà Nội.
43. Rousseau.J.J (2016), *Những lời bộc bạch*, dịch giả Lê Hồng Sâm, NXB Tri Thức. Bản PDF: <https://vietlib.vn/ebook/nhung-loi-boc-bach-jean-jacques-rousseau>. Ngày truy cập: 01/09/2020.
44. Rousseau.J.J (2020), *Julie hay nàng Heloise mới*, dịch giả Hương Minh, Nxb Văn học.
45. Bùi Văn Nam Sơn (2008), “Lời giới thiệu” trong *Emily hay là về giáo dục*, Nxb Tri Thức.
46. Bùi Văn Nam Sơn (2013), “Rousseau: đa tài, đa nạn, đa đoan”, *Báo người đô thị* (13). Nguồn: <http://ired.edu.vn/>. Ngày truy cập: 01/02/2021.
47. Bùi Văn Nam Sơn (2014), “Giáo dục tự nhiên: ưu và khuyết”, *Báo người đô thị* (11). Nguồn: <http://ired.edu.vn/>. Ngày truy cập: 01/02/2021.
48. Bùi Văn Nam Sơn (2014), “Rousseau – giáo dục tự nhiên là gì”, *Báo Người Đô Thị* (17). Nguồn: <http://ired.edu.vn/>. Ngày truy cập: 01/02/2021.
49. Taranóp.P.S (2012), *106 Nhà thông thái*, Đỗ Minh Hợp dịch và hiệu đính, Nxb Chính trị Quốc gia.
50. Lưu Kiếm Thanh và Phạm Hồng Thái (2001), *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin.

51. Hà Nhật Thăng và Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Vũ Công Thương (2017), “Nội dung cơ bản về triết lý giáo dục của J.J.Rousseau qua tác phẩm Emily hay là về giáo dục và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí giáo dục* (6), tr. 245 -249.
53. Nguyễn Cảnh Toàn (2001), *Tự giáo dục tự học tự nghiên cứu*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông - Tây, Hà Nội.
54. Phan Châu Trinh (2005), Hiện trạng vấn đề, Chi bằng học, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Đà Nẵng.
55. Nguyễn Khánh Trung (2014), “Tư tưởng giáo dục của Rousseau, nghĩ về giáo dục Việt Nam”, *Tạp chí Tia Sáng* (2). Nguồn: <https://tiasang.com.vn/>. Ngày truy cập: 01/10/2020.
56. Nguyễn Anh Tú (2009), *Dạy học cá thể- xu hướng sư phạm mới*, Nxb Giáo dục và Thời đại.
57. Thái Duy Tuyên (2007), *Triết học giáo dục Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.
58. Nguyễn Mạnh Tường (1994), *Lý luận giáo dục Châu Âu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
59. Nguyễn Đình Tường – Lê Văn Tùng (2016), “Vấn đề giáo dục đạo đức qua một số lý thuyết giáo dục phương Tây”, *Tạp chí triết học* (5), tr. 69-76.
60. Phùng Văn Tửu (1978), Jean Jacques Rousseau, Nxb Văn học, Hà Nội
61. Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (1962), *Lịch sử triết học, triết học thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
62. Nguyễn Hữu Vui (2007), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

63. Ellenburg.S (1976), *Rousseau's Political Philosophy*, Cornell University Press.
64. Fenell.J, (1979), *Dewey on Rousseau: natural development as the Aim of Education*, The University of Calgary press.

65. Frankena.W.K, (1965), *Three historical philosophies of education*, Scott Foreman Publisher.
66. Gill.N, (2013), *Educational philosophy in the French Enlightenment*, London: Ashgate Publisher.
67. Jamwal.B (2017), “Rousseau and his educational philosophy”, *Scholarly Research Journal for Humanity Science & English Language*, V-4/24, pp. 6530-6537.
68. John.E.O (2014), “A philosophical Appraisal of Rousseau’s child – centred education and its import to Nigenia’s Leadership question”, *Journal of education and practice*, V.5, pp. 119-123.
69. Knippenberg Joseph.M, (1989), *Moving Beyond Fear: Rousseau and Kant on cosmopolitan education*, The University of Chicago press.
70. Kropotkin.P.A, (1893), *The Great French Revolution*, translated by N.P.Dryhurst, LonDon: William Heinemann Publisher, (1909).
71. Kibor.E, (2004), “The impact of Friedrick Froebel on education thought the 19th and 20th centuries”, *Africa Journal of Evangelical Theology*, V.2, pp.187-197.
72. Loucky.J (2008), “Reassessing the educational works and contributions of Comenius the development of modern education”, *Southwest China Women’s Academy Yearbook*, V.12, pp. 149-163.
73. Onder.M (2018), “J. J. Rousseau, Emile and Religious Education”, *Universal Journal of Educational Research*, V.6(7), pp.1539-1545.
74. Pannabecker.J (1995), “Rousseau in the Heritage of Technology Education”, *Journal of Technology Education*, V. 6, pp.46-58.
75. Padagokik.U (1900), *Kant on education*, Translated by Churton.A, D.C.Heath & C.O Publisher.
76. Peckover.C (2012), “Realizing the natural self: Rousseau and the current system of education”, *Journal of Philosophy studies in education*, V.43, pp.84-94.
77. Qvortrup.M (2003), *The political philosophy of Jean Jacques Rousseau. Imposibility of reason*, Manchester University Press.

78. Reiser Joseph.R, (2003), *Jean Jacques Rousseau: A friend of virtue*, Cornell University press.
79. Stengel.B – English.A (2010), “Exploring fear: Rousseau, Dewey and Freire on fear and learning”, *Educational Theory*, V.60, N.5, Chicago: University of Illinois.
80. Shahsavari.M (2012), “Evaluation of Jean-Jacques Rousseau View About the Foundations of Education”, *Australian Journal of Basic and Applied Sciences*, V.6 (7), pp.321-324.
81. Sweeman.J, (1998), *The Enlightenment and the age of revolution*, London: University of Center England Press.
82. Vyverberg.H. (1989), *Human Nature, cultural diversity and the French Enlightenment*, Oxford: Oxford University Press.
83. Yawei.L (2019), “Exploring Jean-Jacques Rousseau’s Nature Education Thought from Emile”, *International Conference: on Management, Education Technology and Economics (ICMETE)*, pp. 419-422.